

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGUYỄN THỊ HỒNG THUẬN**

**TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI
CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH
PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGUYỄN THỊ HỒNG THUẬN**

**TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110

Người hướng dẫn khoa học:
TS. VÒNG THÌNH NAM

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2019

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ & tên: Nguyễn Thị Hồng Thuận

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 12/01/1979

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quê quán: Thanh Hóa

Dân tộc: Kinh

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 166A, đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan:

Điện thoại nhà riêng:

E-mail: thuannguyen2901@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ/... đến/ ...

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

2. Đại học:

- Hệ đào tạo: Chính quy (bằng 1)

Thời gian đào tạo từ năm 1997 đến năm 2001.

Nơi học (trường, thành phố): Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Hà Nội).

Ngành học: Tiếng Pháp

Tên đề án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp: Nghiên cứu về tục ngữ và hình thái học trong tiếng Pháp.

Ngày & nơi bảo vệ đề án, khóa luận hoặc thi tốt nghiệp: Năm 2001 tại Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Hà Nội).

Người hướng dẫn: PGS.TS Đường Công Minh

- Hệ đào tạo: Bằng 2

Thời gian đào tạo từ năm 2003 đến năm 2006.

Nơi học (trường, thành phố): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Ngành học: Kế toán tổng hợp

Tên đề án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp: Tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP VPP Cửu Long.

Ngày & nơi bảo vệ đề án, khóa luận hoặc thi tốt nghiệp: Năm 2006 tại Trường đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Người hướng dẫn: GS.TS Trần Văn Công

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ năm 2003 đến năm 2007	Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Cửu Long	Kế toán
Từ năm 2008 đến tháng 8/2018	Trung tâm Đại học Pháp - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán
Từ tháng 9/2018 đến nay	Viện đào tạo Quốc tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan các số liệu trong luận văn là những thông tin xác thực, có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng. Đề tài “**Tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh**” được trình bày là do chính tác giả nghiên cứu và thực hiện .

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2019

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Hồng Thuận

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến quý Thầy/Cô Khoa Kinh tế, Ban Giám hiệu và quý Thầy/Cô phòng Đào tạo trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ tác giả trong suốt thời gian học tại trường. Đặc biệt xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến TS. Vòng Thành Nam, người luôn đồng hành, định hướng và hướng dẫn rất tận tình cho tác giả trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu luận văn.

Bên cạnh đó tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn đến các Thầy/Cô và các Anh/Chị của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp rất nhiều thông tin, tài liệu quý báu để tác giả có thể hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng xin được gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã tạo điều kiện và động viên tác giả trong thời gian qua.

Kính chúc Quý Thầy, Cô và các Anh, Chị luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

TÓM TẮT LUẬN VĂN

ĐHQG-HCM là một trong những Đại học lớn của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và là một trong những đại học công lập có quy mô rộng lớn trong cả nước trực thuộc Chính Phủ. Theo Điều 26, Quy chế tổ chức & hoạt động (2014), ĐHQG-HCM “được quyền tự chủ cao trong các hoạt động về tài chính theo Quy chế này và cơ chế tài chính đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định”. Tuy nhiên trên thực tế về mặt quản lý tài chính, ĐHQG-HCM còn một số nội dung chưa được như mong muốn trong việc khai thác và sử dụng các nguồn tài chính của mình do thiếu quyền tự chủ trong việc phát triển nguồn thu và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính dẫn tới kết quả các hoạt động chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra, chưa phát huy hết được tiềm năng và sức mạnh hệ thống của Đại học lớn. Từ những lý do nêu trên cho thấy sự cần thiết phải tiến hành nghiên cứu hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM, góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục đại học.

Luận văn đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý tài chính, phân tích thực trạng quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM, rút ra những kết quả và các hạn chế, để từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị giúp ĐHQG-HCM có được cơ chế tài chính chủ động, đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống. Cụ thể luận văn đã đề xuất các giải pháp đẩy mạnh việc huy động nguồn thu ngoài ngân sách, tăng thu nhập cho người lao động, tăng cường hoạt động quản lý và sử dụng tài sản, công tác đầu tư; giải pháp về hoàn thiện bộ máy quản lý ... để có thể phát huy được sức mạnh hệ thống cũng như nguồn lực phong phú và đa dạng của mình.

ABSTRACT

VNU-HCM is one of the largest universities in the Vietnamese higher education system and is one of the largest public universities in the country under the Government. According to Article 26 of the Operation Regulation (2014), VNU-HCM “has high autonomy in financial activities according to this Regulation and specific financial mechanism stipulated by the Prime Minister”. However in reality, in terms of financial management, VNU-HCM faces some limitations in exploiting and using its financial resources due to lack of autonomy in developing revenue sources and effective use of financial resources, resulting to the activities that are not commensurate with the requirements, not yet promoting the potential and strength of the system of the big University. From the above reasons, it is necessary to conduct research on financial management activities at VNU-HCM, contributing to the development of higher education.

The dissertation has focused on the theoretical basis of financial management, analyzed the status of financial management at VNU - HCM, drawing out the results and limitations, from which to propose solutions and recommendations to help VNU-HCM have an active financial mechanism, meeting the development demand of the whole system. Specifically, the dissertation proposed solutions to promote the mobilization of off-budget revenue, solutions to increase incomes for employees, enhance management and use of assets and investment; solutions on perfecting the management organisation ... to promote the strength of the system as well as its rich and diverse resources.

MỤC LỤC

Lời cam đoan	iii
Lời cảm ơn	iv
Tóm tắt luận văn	v
Mục lục	vii
Danh sách các chữ viết tắt	x
Danh sách các hình	xi
Danh sách các bảng	xii
NỘI DUNG	11
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP	11
1.1 Một số vấn đề chung của quản lý Nhà nước về mặt tài chính	11
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của quản lý tài chính tại các trường ĐHCĐ	11
1.1.2 Vai trò của quản lý tài chính tại các trường ĐHCĐ	13
1.1.3 Quy trình quản lý tài chính tại các trường ĐHCĐ	15
1.2 Nội dung quản lý tài chính đối với các trường ĐHCĐ ở Việt Nam	19
1.2.1 Quản lý thu	19
1.2.2 Quản lý chi	20
1.2.3 Quản lý các Quỹ	23
1.2.4 Quản lý tài sản	25
1.2.5 Quản lý tài chính trong điều kiện tự chủ	26
1.3 Các nhân tố tác động đến hoạt động quản lý tài chính ở các trường ĐHCĐ	27
1.3.1 Điều kiện kinh tế - xã hội	28
1.3.2 Chính sách pháp luật	29
1.3.3 Chiến lược phát triển của nhà trường	30
1.3.4 Tổ chức bộ máy quản lý	31
1.3.5 Các công cụ quản lý tài chính và năng lực lãnh đạo	31

1.4 Kinh nghiệm quản lý tài chính của một số quốc gia trên thế giới và của một số trường Đại học ở Việt Nam	322
1.4.1 Kinh nghiệm trên thế giới	322
1.4.2 Kinh nghiệm trong nước	37
1.4.3 Bài học kinh nghiệm về quản lý tài chính cho ĐHQG-HCM	41
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	46
2.1 Tổng quan về Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	46
2.1.1 Giới thiệu chung	46
2.1.2 Đội ngũ cán bộ - viên chức	47
2.1.3 Quy mô đào tạo	48
2.1.4 Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.....	49
2.2. Khái quát hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM	50
2.2.1 Vai trò, nhiệm vụ quản lý tài chính của ĐHQG-HCM	50
2.2.2 Quy trình quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM	51
2.3 Phân tích thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM	53
2.3.1 Phân tích theo nội dung	53
2.3.2 Phân tích theo các nhân tố ảnh hưởng.....	75
2.4 Đánh giá thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM	79
2.4.1 Những thành quả đạt được.....	79
2.4.2 Những vấn đề tồn tại và nguyên nhân.....	82
Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	88
3.1 Cơ sở đề xuất giải pháp	88
3.1.1 Bối cảnh phát triển giáo dục đại học	88
3.1.2 Chủ trương và định hướng phát triển của ĐHQG-HCM.....	91
3.1.3 Cơ sở pháp lý của hoạt động quản lý tài chính.....	91
3.2 Giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM	92
3.2.1 Đẩy mạnh công tác huy động nguồn thu ngoài NSNN	92
3.2.2. Giải pháp về việc tăng thu nhập cho người lao động.....	94

3.2.3 Tăng cường hoạt động quản lý, sử dụng tài sản và công tác đầu tư	94
3.2.4 Hoàn thiện các Quy định quản lý tài chính trong hệ thống	95
3.2.5 Các giải pháp hỗ trợ	97
3.3 Kiến nghị	98
3.3.1 Đối với Chính phủ	98
3.3.2 Đối với các Bộ, Ngành liên quan	99
3.3.3 Đối với địa phương	99
KẾT LUẬN	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	103
PHỤ LỤC	108

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CMCN 4.0	Cách mạng công nghiệp lần thứ 4
DV & SXKD	Dịch vụ và sản xuất kinh doanh
ĐHCL	Đại học công lập
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
ĐH & SDH	Đại học và Sau đại học
ĐTPT	Đầu tư phát triển
ĐVSNCL	Đơn vị sự nghiệp công lập
GD và ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
HĐCUDV	Hoạt động cung ứng dịch vụ, đào tạo, chuyển giao công nghệ và sản xuất kinh doanh
HDQT	Hội đồng quản trị
HNTN	Hội nghị thường niên
KPTB/ĐT	Kinh phí trung bình/ đề tài
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NC viên	Nghiên cứu viên
NSNN	Ngân sách Nhà nước
PLP	Phí, lệ phí và thu khác
PTN	Phòng thí nghiệm
QHĐN	Quan hệ đối ngoại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TCTC	Tự chủ tài chính
TTCGCN/PTN	Trung tâm chuyển giao công nghệ/Phòng thí nghiệm
TX	Thường xuyên
VNU - F	Quỹ phát triển ĐHQG-HCM
VNU-HCM	Viet Nam National University Ho Chi Minh City
UBND TP.HCM	Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

DANH SÁCH CÁC HÌNH

HÌNH	TRANG
Hình 2.1 Tỷ lệ tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018	58
Hình 2.2 Tỷ lệ % cơ cấu nguồn thu kinh phí hoạt động thường xuyên giai đoạn 2014 - 2018	59
Hình 2.3 NSNN cấp cho đầu tư phát triển của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018	62
Hình 2.4 Tổng chi của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018	65
Hình 2.5 Tỷ lệ % cơ cấu chi theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 -2018	68

DANH SÁCH CÁC BẢNG

BẢNG	TRANG
Bảng 2.1 Tình hình thu tài chính của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014-2018	55
Bảng 2.2 Tỷ lệ tình hình tăng/giảm nguồn thu qua các năm (2014-2018)	56
Bảng 2.3 Tình hình tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018	57
Bảng 2.4 Tỷ lệ tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018	58
Bảng 2.5 Cơ cấu nguồn thu kinh phí hoạt động thường xuyên giai đoạn 2014 - 2018	59
Bảng 2.6 Tổng kinh phí NSNN cấp cho đầu tư phát triển giai đoạn 2014 - 2018	61
Bảng 2.7 Cơ cấu chi theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014- 2018	64
Bảng 2.8 Tỷ lệ cơ cấu chi theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014- 2018	66
Bảng 2.9 Tỷ lệ % cơ cấu chi hàng năm theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018	67

DANH SÁCH CÁC SƠ ĐỒ

SƠ ĐỒ	TRANG
Sơ đồ 1.1 Quy trình nghiên cứu luận văn	9
Sơ đồ 1.2 Mô hình quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM	44
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức ĐHQG-HCM	47

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngành giáo dục Việt Nam nói chung và các trường đại học của Việt Nam nói riêng đang tích cực xây dựng thương hiệu của mình trong khu vực và trên thế giới. Nhất là ở thời điểm hiện nay, khi cả nước đang trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin tác động mạnh mẽ đến hoạt động giáo dục và đào tạo. Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh chóng, đặc biệt ở các lĩnh vực về trí tuệ nhân tạo, điều khiển tự động, công nghệ thông tin, công nghệ nano ... đặt ra nhiều thách thức cho xã hội và phát sinh nhiều ngành nghề mới trên thị trường lao động. Sự thay đổi đòi hỏi giáo dục trong giai đoạn hiện nay phải đem lại cho người học tư duy về kiến thức, kỹ năng mới và khả năng sáng tạo, thích ứng với thách thức và những yêu cầu mới mà các phương pháp giáo dục truyền thống chưa đáp ứng được.

Trước bối cảnh xã hội phát triển không ngừng và mạnh mẽ, các trường đại học phải đổi mới cơ chế hoạt động cũng như chất lượng đào tạo của mình. Một trong những yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại trong công tác đổi mới là nguồn tài chính để thực hiện. Yếu tố tài chính đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của tổ chức và giữ vai trò quyết định trong quá trình thực hiện các chiến lược phát triển và các mục tiêu của tổ chức. Tài chính duy trì hoạt động của bộ máy và góp phần tạo nên sự phát triển của đơn vị. Tài chính là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của nhà trường.

ĐHQG-HCM là một trong những đại học lớn của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, là một trong những ĐHCL có quy mô rộng lớn trong cả nước trực thuộc Chính phủ. Nguồn kinh phí của ĐHQG-HCM hiện nay bao gồm Nguồn NSNN cấp; Nguồn thu học phí và lệ phí; Nguồn tài trợ, viện trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; Nguồn thu từ hoạt động hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh dịch vụ; Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước.

Trong đó nguồn NSNN cấp có xu hướng giảm, nguồn thu học phí bị hạn chế do Nhà nước quy định mức thu của nhiều ngành chưa tương xứng với chi phí đào tạo và chưa phù hợp với đặc thù ngành nghề. Việc phụ thuộc vào NSNN nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của ĐHQG-HCM. Bên cạnh đó cơ chế tự chủ còn thiếu các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành về triển khai thực hiện Nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho ĐHQG-HCM thiếu sự tự chủ trong việc phát triển nguồn thu và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, dẫn đến việc không phát huy hết khả năng, tiềm lực và thế mạnh của một Đại học lớn trong cả nước. Chính vì vậy việc nghiên cứu hoạt động quản lý tài chính tạo cơ chế tài chính chủ động và đáp ứng nhu cầu phát triển của ĐHQG-HCM là rất cần thiết..

Xuất phát từ những thách thức, những yêu cầu và những tồn tại thực tế, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ cho sự phát triển, đổi mới giáo dục của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và các hoạt động quản lý tài chính tại đây nói riêng, tác giả đã chọn đề tài: **“Tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”** để nghiên cứu.

2. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Trên thế giới, quản lý tài chính là vấn đề quan trọng, được đề cập và nghiên cứu thông qua nhiều báo cáo, công trình như:

Theo Bryan Cheung (2008), các trường đại học có thể tạo lập được các nguồn thu lớn từ các hợp đồng bên ngoài. Nguồn thu này được kiểm soát như mô hình công ty để tái khẳng định chi phí đơn vị và thiết lập một lợi nhuận công.

Nghiên cứu của Arthur M. Hauptman (2006) đã chỉ ra rằng, để có thêm nhiều tiền thì việc tăng học phí là cách tốt nhất để đáp ứng nhu cầu tài chính của các trường. Đồng thời, qua đó xem xét các nguồn hỗ trợ từ phía nhà nước cho các trường vào các lĩnh vực hoạt động nghiên cứu, hoạt động chi thường xuyên. Vấn đề quan trọng nhất trong quản lý tài chính là các trường phải minh bạch trong sử dụng nguồn tài chính để đảm bảo chất lượng GDĐH. Đồng thời, việc sử dụng ngân sách cần gắn chặt với vấn đề trách nhiệm, quyền chủ động trong sử dụng ngân sách.

Tony Holloway (2006) thì cho rằng các cơ quan quản lý khi xem xét vấn đề quản lý tài chính trong các trường đại học không thể cứng nhắc, tuân thủ các thủ tục tài chính, quy trình truyền thống mà phải có sự mềm dẻo, được điều chỉnh liên tục phù hợp với từng thời kỳ phát triển của mỗi quốc gia và đặc biệt coi trọng khía cạnh hành vi của chủ thể sử dụng nguồn lực tài chính đó.

Mark Bray (2002), "*The Costs and Financing of Education: Trends and Policy Implications*" tác giả đã tổng kết và nhận định tại nhiều quốc gia trên thế giới, việc quản lý tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học phải minh bạch để xã hội nhìn nhận được sự đóng góp của họ có đúng mục đích hay không và hiểu được phần đầu tư đó chính là đầu tư cho thế hệ sau này hưởng thụ.

Theo Robert S. Kaplan (2000), quản lý tài chính trong các trường ĐHCL phải theo kiểu doanh nghiệp, có sự kiểm soát của đối tượng thụ hưởng. Trong những năm gần đây, xu hướng tăng quyền tự chủ của các trường đại học ngày càng lớn, ngân sách của các trường đại học dần được xem là "ngân sách tự chủ" do người học đóng góp.

Myddelton, Estelle James, Elizabeth M. King and Ace Suryadi (1995), "*Finance and cost management between public and private schools in Indonesia*", Bộ văn hóa và giáo dục, Jakarta, Indonesia, các tác giả này đã so sánh hiệu quả của quản lý tài chính giáo dục khối công lập và khối dân lập, từ đó đưa ra những khẳng định bước đầu bằng việc điều tra, phân tích số liệu những vấn đề liên quan như: chi phí, hiệu quả của nó tương ứng với mức chi phí bỏ ra, thu nhập của cán bộ công nhân viên.

Harvey và Green (1993), "*Quality in Education and Training*": Các tác giả đã hệ thống hoá các quan niệm về chất lượng giáo dục đại học. Theo các tác giả, trên thế giới có sáu quan niệm về chất lượng giáo dục đại học, đó là: Chất lượng là sự vượt trội; Chất lượng là sự hoàn hảo nhất quán; Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu; Chất lượng được đánh giá bằng chi phí tài chính và Chất lượng được phản ánh ở giá trị chuyên đổi, tạo ra giá trị gia tăng. Giá trị gia tăng là một thước đo về chất lượng về việc trải nghiệm, giáo dục thúc đẩy phát triển kiến thức, năng lực và kỹ năng của sinh viên. Tuy nhiên, bản thân quan niệm chất lượng là sự vượt trội hay

sự hoàn hảo nhất quán mang ý nghĩa lý thuyết hơn là tính ứng dụng vì thiếu hệ thống đo lường. Việc đánh giá chất lượng giáo dục đại học cần phải làm rõ mục tiêu của người học, nhà trường, xã hội hay tất cả các chủ thể. Chi phí tài chính có thể là một thước đo nhưng việc so sánh hiệu quả tài chính với chất lượng giáo dục đại học không phải là một vấn đề đơn giản. Chất lượng tạo ra giá trị gia tăng nhưng cơ sở nào để đánh giá giá trị gia tăng đó đem đến những giá trị thực tiễn cho người học, nhà nước và cộng đồng xã hội cũng là một vấn đề cần tiếp tục được làm rõ.

Sheehan (1997) trong nghiên cứu “*Social Demand Versus Political Economy in Higher Education at the Turn of the Century*” đã cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá, dân chủ hoá, quốc tế hoá thì nguồn tài chính cho giáo dục rất đa dạng, trong đó các nguồn cơ bản gồm nguồn tài chính từ chính phủ, từ nguồn thu của người học và từ các tổ chức tài trợ cho giáo dục, vì vậy theo ông TCTC là khả năng đưa ra các quyết định tài chính; sự độc lập với các nguồn tài chính từ chính phủ, cho tới các tổ chức tài trợ và khả năng tạo ra các nguồn tài trợ công và phân bổ các nguồn tài chính này một cách độc lập. Quan điểm này của Sheehan cũng đã gắn TCTC trong phạm vi tiền tệ, bao gồm cả hai khía cạnh, đó là cả tự chủ trong khai thác và trong sử dụng. Tuy nhiên, theo ông, tự chủ trong cả khai thác và trong sử dụng chỉ gắn với nguồn tài chính ngoài nguồn tài chính từ Chính phủ, còn đối với nguồn tài chính từ Chính phủ thì chỉ có quyền tự do phân bổ.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nước ngoài đã cung cấp khối lượng lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn khá phong phú về quản lý tài chính đại học. Tuy nhiên, đây là nhận định và đánh giá chung những mô hình của các nước có nền kinh tế phát triển và được áp dụng ở những trường đại học không giống với các trường đại học của Việt Nam.

Tình hình nghiên cứu trong nước

Liên quan đến đề tài về quản lý tài chính đối với giáo dục đại học trong nước, hiện nay có không ít những bài viết, những công trình nghiên cứu đã đề cập đến công tác quản lý tài chính như:

Lê Văn Dụng (2017), “*Quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành Y ở Việt Nam*”, luận án tiến sĩ, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Trong luận án, tác giả đã phân tích và làm rõ một số vấn đề lý luận về quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành Y ở Việt Nam. Tác giả đã hệ thống hoá và làm rõ khái niệm, mục tiêu, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá của quản trị tài chính tại các trường ĐHCL; Phân tích lý luận về đặc thù trong đào tạo và quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành Y; Nêu lên các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị tài chính của các trường ĐHCL ngành Y; Hệ thống hoá và làm rõ cơ sở lý luận về cơ chế TCTC đối với ĐHCL và đúc kết những lý luận thực tiễn từ nghiên cứu kinh nghiệm quản trị tài chính tại trường đại học của một số quốc gia trên thế giới.. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành Y, luận án đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành Y trong hiện tại và hướng tới thực hiện cơ chế tự chủ như giải pháp nâng cao năng lực quản trị tài chính của nhà trường; Xác định chi phí đào tạo làm cơ sở quản trị chi phí và ban hành mức thu học phí hoặc giải pháp về tăng cường kiểm tra giám sát ...

Trần Quang Trung (2016), "*Đổi mới quản lý tài chính ở các trường ĐHCL trong bối cảnh thực hiện cơ chế TCTC*", Tạp chí kế toán và kiểm toán, số T6/2016. Trên cơ sở phân tích và khái quát các vấn đề chung nhất về vai trò quản lý tài chính trong giáo dục đại học, tác giả đã nhận diện các rào cản đối với công tác quản lý tài chính ở các trường ĐHCL ở nước ta cũng như phân tích các nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính ở các trường ĐHCL trong bối cảnh thực hiện cơ chế tự chủ. Đề tài đề cập đến việc quản lý tài chính ở cấp vĩ mô, các trường ĐHCL nói chung chứ không đi sâu vào từng đối tượng cụ thể.

Trần Trọng Hưng (2014), "*Những khó khăn về tài chính ảnh hưởng đến việc phát triển của các trường ĐHCL Việt Nam*". Tạp chí Tài chính số tháng 12/2014. Bài viết đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách trong các trường ĐHCL Việt Nam thời gian qua và đề cập đến những hạn chế trong quá trình huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước và đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách nhằm tăng cường huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước cho giáo dục ĐHCL ở Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020.

Phạm Văn Trường (2013), “*Cơ chế quản lý tài chính giáo dục ĐHCL*”, Tạp chí tài chính T07/2013. Tác giả đã đề cập đến vấn đề quản lý tài chính trong các trường ĐHCL. Theo tác giả, cơ chế quản lý tài chính của các trường ĐHCL đứng trước hai thách thức, đó là sự giới hạn về ngân sách và thách thức từ nhu cầu ngày càng cao từ phía người học. Việc nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và bài giảng cũng như các dịch vụ giáo dục khác buộc ĐHCL phải đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng. Đầu tư cơ sở hạ tầng cần nhu cầu nguồn vốn lớn. Điều này rất khó khăn đối với ĐHCL trong điều kiện ràng buộc ngân sách chặt chẽ. Những quy trình, thủ tục nhà nước về huy động và sử dụng nguồn vốn từ NSNN trong phát triển ĐHCL nếu thông thoáng và cởi mở sẽ thúc đẩy ĐHCL phát triển, ngược lại sẽ kìm hãm hệ thống này mở rộng.

Vũ Thị Thanh Thủy (2012), “*Quản lý tài chính các trường ĐHCL ở Việt Nam*”, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Tác giả đã phân tích về thực trạng cơ chế cấp NSNN hiện nay là chưa phù hợp, mang tính bình quân, chưa khuyến khích được các đơn vị phát triển nguồn thu. Dựa vào hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về quản lý tài chính các trường ĐHCL, tác giả đã đưa ra quan điểm về quản lý tài chính các trường ĐHCL, đặc biệt quản lý tài chính theo hướng TCTC. Bên cạnh đó tác giả đã đưa ra những tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài chính cho các trường Đại học học công lập tại Việt Nam gắn với kết quả đầu ra và đề xuất giải pháp phân bổ NSNN, chủ yếu là theo hướng phân bổ NSNN gắn với đầu ra và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính các trường ĐHCL Việt Nam nói chung chứ không đi sâu vào phân tích cho một đơn vị cụ thể.

Phạm Văn Ngọc (2006), “*Đổi mới cơ chế quản lý tài chính của Đại học Quốc gia Hà Nội đáp ứng yêu cầu phát triển đến năm 2015 và tầm nhìn 2025*”. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2006 - 2010. Nghiên cứu của tác giả Phạm Văn Ngọc đã chỉ ra những cơ hội và thách thức trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý tài chính của Đại học Quốc gia Hà Nội. Công trình nghiên cứu đã tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau và cũng đề cập đến các khía cạnh về đổi mới và nâng cao năng lực quản lý tài chính ở đại học Quốc gia Hà Nội.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể thấy nghiên cứu về tài chính đại học là một trong những nội dung thu hút được sự chú ý của giới nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách cũng như là đề tài mà nhiều nghiên cứu sinh hay học viên đã ưu tiên lựa chọn làm đề tài nghiên cứu của mình. Và tự chủ tài chính là xu thế tất yếu của giáo dục đại học trên thế giới, đó cũng là xu thế cơ bản cho các trường đại học ở Việt Nam. Đẩy mạnh tự chủ về tài chính đồng nghĩa với việc các trường ĐHQG phải thay đổi lối tư duy theo hướng năng động hơn, hoạt động theo tinh thần doanh nghiệp nhiều hơn. Các trường sẽ phải tính toán hiệu quả, và được hưởng thành quả tùy theo hiệu quả của mình. Thay vì ngồi chờ nguồn ngân sách được cấp và tự giới hạn mình trong phạm vi ấy, các đơn vị sẽ phải chủ động cải thiện chất lượng để có thể thu hút sinh viên và tồn tại được trong một môi trường cạnh tranh, và điều này sẽ có ý nghĩa tích cực trong việc nâng cao chất lượng hoạt động. Tự chủ tài chính sẽ tạo ra động lực đổi mới và tạo ra cho các trường một khuôn khổ pháp lý phù hợp để thực hiện những đổi mới ấy. Nhiều nghiên cứu đã phân tích khá rõ về quản lý tài chính đại học nhưng chưa có nghiên cứu nào đi sâu một cách có hệ thống về quản lý tài chính ở ĐHQG-HCM đặc biệt từ khi Chính phủ ban hành Nghị định 186/2013NĐ-CP, ngày 17/11/2013 về Đại học Quốc gia và Quy chế 26/2014/QĐ-TTg, ngày 26/3/2014 quy định về tổ chức và hoạt động của ĐHQG.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn được thực hiện nhằm đạt được mục tiêu sau:

Thông qua phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM, đề xuất những giải pháp tạo cơ chế quản lý tài chính chủ động đáp ứng nhu cầu phát triển của ĐHQG-HCM trong giai đoạn hiện nay khi cả nước đang thực hiện đổi mới giáo dục.

4. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động quản lý tài chính của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Tại Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Về thời gian: Nghiên cứu thực trạng quản lý tài chính từ năm 2014 đến năm 2018.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu, đề tài sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau:

Phương pháp thu thập dữ liệu: Dùng phương pháp này để thu thập các dữ liệu và tổng hợp qua các Báo cáo, sách báo, tài liệu, internet, các công trình nghiên cứu trước đây về hoạt động quản lý tài chính trong lĩnh vực giáo dục đại học; chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; Kinh nghiệm của các nước trên thế giới và của một số trường Đại học trong cả nước.

Phương pháp thống kê phân tích: Phương pháp thống kê phân tích được dùng để thống kê số liệu cụ thể về tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính tại ĐHQG-HCM và phân tích các dữ liệu thu thập được để phục vụ cho việc phân tích thực trạng của hoạt động quản lý tài chính, làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp.

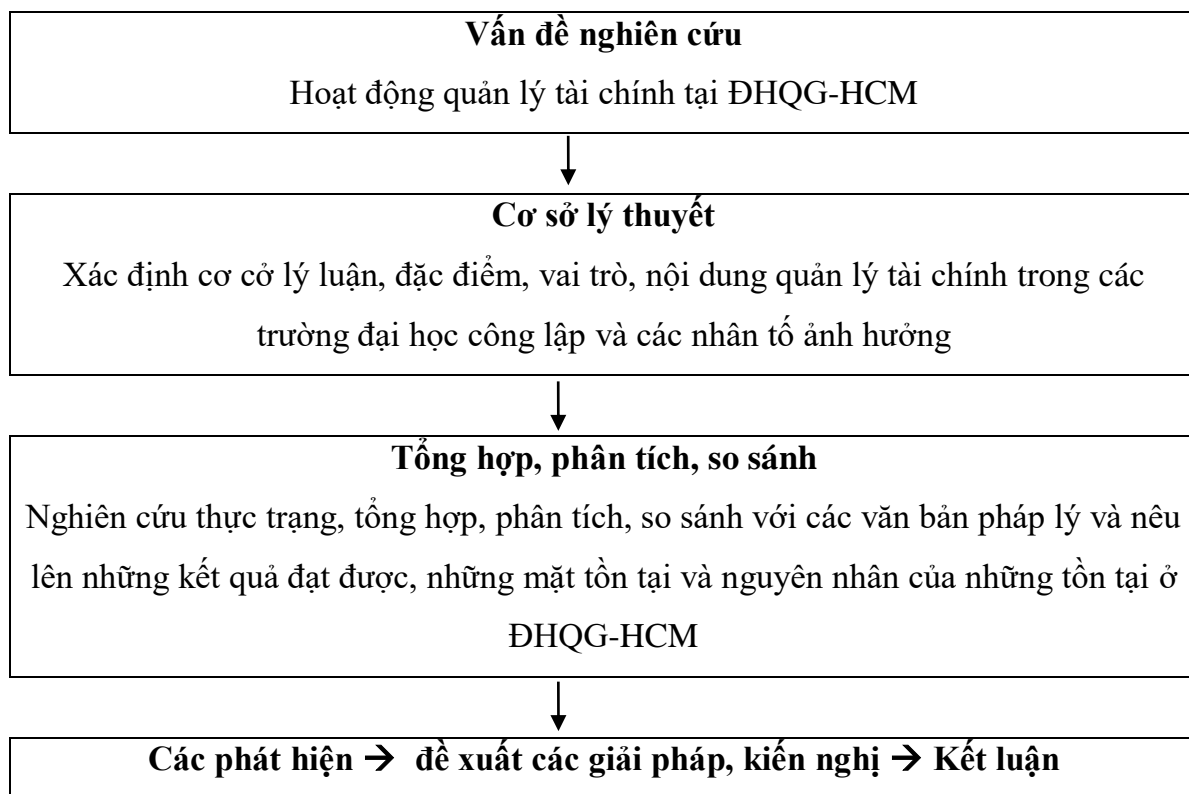
Phương pháp so sánh, đối chiếu: Được sử dụng để đánh giá, so sánh kết quả của hoạt động quản lý tài chính với các văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn về quản lý tài chính công; đối chiếu với các đơn vị giáo dục khác, đối chiếu với kế hoạch và nhiệm vụ đã được đề ra trong từng giai đoạn, nêu lên những mặt còn tồn tại, khó khăn, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp.

Phương pháp phỏng vấn chuyên gia: Sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia nhằm mục đích có thêm thông tin đánh giá tình hình quản lý tài chính, phục vụ cho việc đưa ra các giải pháp khắc phục cho những tồn tại về hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM. Chuyên gia ở đây là những người có chuyên môn và làm công tác quản lý về mặt tài chính tại các đơn vị thành viên và trực thuộc của ĐHQG-HCM. Các câu hỏi phỏng vấn đảm bảo cung cấp đủ thông tin cho vấn đề cần thu thập, đồng thời câu hỏi phải nhận được câu trả lời khách quan nhằm đánh giá một cách khách quan nhất về thực hiện cơ chế quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM.

Luận văn đã thực hiện phỏng vấn (bằng các hình thức trực tiếp/ qua thư điện tử / qua điện thoại) đối với các nhà quản lý tài chính các nội dung chủ yếu

liên quan đến nghiên cứu của luận văn, danh sách chuyên gia và bảng câu hỏi được trình bày tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của luận văn.

Quy trình nghiên cứu của luận văn được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1 Quy trình nghiên cứu luận văn

7. Những đóng góp của luận văn

Về mặt lý luận: Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về quản lý tài chính tại các trường ĐHCL. Xác định các nhân tố tác động đến việc quản lý tài chính trong các trường ĐHCL.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý tài chính của một số quốc gia trên thế giới và một số trường Đại học Việt Nam, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM.

Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM: những thành quả đạt được, những mặt hạn chế, và nguyên nhân của những hạn chế để từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính cho ĐHQG-HCM.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, đề tài bao gồm ba (03) chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động quản lý tài chính tại các trường Đại học công lập.

Chương 2: Thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

1.1 Một số vấn đề chung của quản lý Nhà nước về mặt tài chính

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của quản lý tài chính tại các trường ĐHCL

1.1.1.1 Khái niệm quản lý tài chính

Trường đại học công lập là một đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện chức năng đào tạo trình độ cao đẳng, đại học và trình độ sau đại học, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà hướng tới mục tiêu vì cộng đồng xã hội. Các trường đại học công lập có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng đội ngũ tri thức, đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

Tài chính là một thuật ngữ được sử dụng khi đề cập tới vấn đề liên quan đến sự vận động của các dòng tiền phát sinh trên cơ sở các mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Nó được thể hiện qua sự vận động của vốn tiền tệ diễn ra ở mọi chủ thể trong xã hội. Tài chính phản ánh tổng hợp các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các chủ thể trong xã hội.

Quản lý tài chính trước hết là quản lý các nguồn tài chính, quản lý các quỹ tiền tệ, quản lý việc phân phối các nguồn tài chính, quản lý việc tạo lập, phân bổ và sử dụng các quỹ tiền tệ một cách chặt chẽ, hợp lý và có hiệu quả theo mục đích đã định. Đồng thời, quản lý tài chính cũng chính là thông qua các hoạt động kể trên để tác động có hiệu quả nhất tới việc xử lý các mối quan hệ kinh tế - xã hội nảy sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính, trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ ở các chủ thể trong xã hội.

Theo học thuyết quản lý tài chính của Era Solomon (1963), ông cho rằng:

“Quản lý tài chính là việc sử dụng các thông tin phản ánh chính xác tình trạng tài chính của một đơn vị để phân tích điểm mạnh điểm yếu của nó và lập các kế hoạch hành động, kế hoạch sử dụng nguồn tài chính, tài sản cố định và nhu cầu nhân công trong tương lai nhằm đạt được mục tiêu cụ thể tăng giá trị cho đơn vị đó”.

Xét về bản chất thì quản lý tài chính trong các tổ chức về cơ bản là giống nhau nhưng do đặc thù của mỗi ngành nên quản lý tài chính nó có những nét cơ bản riêng. Chẳng hạn trong khối các trường ĐHCL thuộc đơn vị sự nghiệp công lập cũng được phân loại thành nhiều loại đơn vị sự nghiệp như: sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp y tế; sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp thể dục - thể thao hay những đơn vị sự nghiệp khác. Quản lý tài chính trong trường đại học nói chung và trường ĐHCL nói riêng sẽ có những nội dung giống như quản lý tài chính ở các doanh nghiệp, ví dụ, các trường cần cân bằng giữa chi phí đầu vào và chi phí đầu ra trong một thời gian dài cũng phải chịu các tác động của nhân tố thị trường như: sự rủi ro, lợi nhuận, sự gia tăng giá cả,...

Từ những đặc điểm riêng của mỗi loại hình đơn vị, chúng ta có thể hiểu khái niệm về quản lý tài chính trường ĐHCL như sau: *Quản lý tài chính trường ĐHCL là quá trình tác động của Nhà nước tới hệ thống quản trị đại học công thông qua hệ thống các công cụ của Nhà nước để thực hiện các chức năng cơ bản từ việc lập kế hoạch tài chính, tổ chức tạo nguồn và sử dụng nguồn tài chính đến kiểm tra, giám sát nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.*

Quản lý tài chính trong trường đại học là quản lý việc thu, chi một cách có kế hoạch, tuân thủ các chế độ tài chính, các quy định và tạo ra được hiệu quả chất lượng giáo dục.

Hay nói cách khác: *Quản lý tài chính trong các trường đại học công lập là quản lý quá trình huy động, quản lý quá trình phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính thông qua việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm tra kiểm soát hoạt động tài chính của nhà trường theo cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước nhằm đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường*

Quản lý tài chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng để Nhà nước điều hành và quản lý nền kinh tế đất nước, hình thành và đảm bảo các cân đối chủ yếu và tỷ lệ phát triển của nền kinh tế quốc dân. Quản lý tài chính thực chất là sử dụng và phát huy vai trò của hệ thống tài chính thông qua Nhà nước. Điều đó được thể hiện thông qua cơ chế hoạt động và vận động của tài chính phục vụ cho quá trình tái sản xuất xã hội và nâng cao vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước.

1.1.1.2 Đặc điểm quản lý tài chính tại các trường ĐHCL

Quản lý tài chính trong các trường đại học hướng vào quản lý thu, chi các quỹ tài chính trong đơn vị, quản lý thu chi của các chương trình, dự án đào tạo, nghiên cứu khoa học, chi đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất, quản lý việc thực hiện dự toán ngân sách của nhà trường;

Quản lý tài chính đòi hỏi các chủ thể quản lý phải lựa chọn, đưa ra các quyết định tài chính và tổ chức thực hiện các quyết định đó nhằm đạt được mục tiêu hoạt động quản lý tài chính của đơn vị. Mục tiêu tài chính có thể thay đổi theo từng thời kỳ và chính sách chiến lược của từng đơn vị;

Khác với quản lý doanh nghiệp chủ yếu nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận, mục tiêu của quản lý tài chính trong các trường ĐHCL không vì mục tiêu lợi nhuận mà vì lợi ích phục vụ cộng đồng và xã hội;

Quản lý tài chính trong các trường đại học công lập hướng tới mục tiêu chủ yếu là giải quyết hài hòa các mặt lợi ích giữa lợi ích của người học, lợi ích của Nhà nước, của xã hội và cả lợi ích tổng thể của nhà trường;

Quan hệ tài chính của các trường đại học công lập là các mối quan hệ liên quan đến Nhà nước, người học, cộng đồng xã hội, đối tác nước ngoài và cán bộ viên chức.

1.1.2 Vai trò của quản lý tài chính tại các trường ĐHCL

Vai trò của hoạt động quản lý tài chính trong các trường ĐHCL là đảm bảo nguồn tài chính và phân bổ kinh phí để thực hiện các mục tiêu giáo dục đề ra, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường có tích lũy, tái đầu tư, cụ thể như sau:

1.1.2.1 Đảm bảo việc tuân thủ các hoạt động tài chính của nhà trường

Quản lý tài chính ở trường ĐHCL có vai trò hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn và trung hạn, xây dựng các quy định tài chính để quản lý, kiểm soát và phát triển nhà trường. Việc tuân thủ các chế độ, chính sách của Nhà nước cũng như chính sách, quy định của nhà trường về thu, chi, quản lý tài sản được xem là mục tiêu đầu tiên của quản lý tài chính tại các trường ĐHCL. Trong điều kiện như hiện nay khi mà mô hình quản lý tài chính của Nhà nước đang thực hiện theo hướng tự chủ thì các trường có quyền khai thác nhiều nguồn thu khác, được xác định giá/phí dịch vụ, xây dựng định mức chi tiêu và phân phối thu nhập, nhưng các trường vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Ngoài việc thực hiện thu, chi đúng đối tượng, đúng định mức, các trường cần thực hiện đúng các quy định về thủ tục thanh, quyết toán, hạch toán và chế độ báo cáo.

1.1.2.2 Đảm bảo duy trì các hoạt động của nhà trường

Các trường ĐHCL đứng trước tình hình từng bước thực hiện tự chủ, nguồn ngân sách Nhà nước ngày càng giảm, các trường phải gia tăng nguồn thu khác ngoài NSNN. Mục tiêu của Nhà trường là làm sao để đáp ứng kịp thời, duy trì và phát triển các hoạt động của Nhà trường. Với quan điểm coi nhà trường giống như doanh nghiệp, nguồn thu ổn định và thường xuyên nhất giúp trường trang trải các chi phí hoạt động phải là nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ đào tạo của trường. Đây chính là nguồn thu học phí (giá dịch vụ đào tạo) đến từ khách hàng là các sinh viên của trường. Vì vậy, không ngừng mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo là con đường để các trường ĐHCL có nguồn thu bền vững. Nhiệm vụ của các nhà quản trị tài chính trong trường ĐHCL là phải có chính sách tài chính phù hợp thúc đẩy hoạt động đào tạo; đồng thời tính toán, cân đối và ưu tiên phân bổ nguồn lực tài chính nhằm phát triển hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó, việc tính toán chi phí, xác định giá/phí dịch vụ đào tạo hợp lý cũng tạo ra lợi thế cạnh tranh cho trường trong việc thỏa mãn nhu cầu và khả năng thanh toán của các nhóm khách hàng khác nhau. Bên cạnh nguồn thu từ người học qua cung cấp dịch vụ đào tạo, các trường ĐHCL cần chú trọng khai thác các nguồn thu từ dịch vụ liên doanh liên kết, hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và nguồn thu tài trợ, đóng góp khác của xã hội.

1.1.2.3 Đảm bảo các nguồn lực tài chính được sử dụng hiệu quả

Hiện nay tình hình chung của các cơ sở giáo dục ĐHCL là các nguồn lực thì giới hạn, trong khi nhu cầu chi tiêu vô hạn. Việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính được xem là mục tiêu quan trọng của quản lý tài chính tại các trường. Tính hiệu quả được thể hiện trước tiên ở công tác phân bổ. Nghĩa là nguồn lực tài chính được phân bổ đúng với nhu cầu. Mà nhu cầu được thể hiện ở việc xác định các ưu tiên chiến lược trong hoạt động của nhà trường để có cơ sở phân bổ nguồn lực tài chính theo đúng thứ tự ưu tiên các hoạt động, mục tiêu để hoàn tất các nhiệm vụ của nhà trường đã đề ra. Bên cạnh đó tính hiệu quả còn được thể hiện ở các hoạt động, cụ thể là nguồn tài chính phải được sử dụng và chi tiêu một cách tiết kiệm nhất. Muốn thực hiện được điều đó thì các trường cần xây dựng chiến lược và kế hoạch chi tiêu cụ thể; tính toán, xác định chi phí; kiểm soát chi tiêu.

Ngoài ra, trong hoạt động quản lý tài chính tại các trường ĐHCL việc đảm bảo có tích lũy tái đầu tư và phát triển hoạt động giáo dục đào tạo cũng là một trong những vai trò quan trọng trong công tác quản lý tài chính. Các cơ sở GDĐH công lập, với quan điểm là nhà cung cấp dịch vụ, mặc dù với mục tiêu phi lợi nhuận, cũng cần hướng đến mục tiêu thu nhập, có tích lũy. Các hoạt động và dịch vụ mà nhà trường cung cấp cho người học cũng cần được hạch toán để đảm bảo bù đắp chi phí, có tích lũy để tăng thu nhập cho nhà trường và cán bộ viên chức. Tuy nhiên, do đặc thù của hoạt động giáo dục đào tạo, nội dung này cần được cân nhắc và đặt trong mối quan hệ với việc đảm bảo chất lượng và định hướng giáo dục quốc dân.

1.1.3 Quy trình quản lý tài chính tại các trường ĐHCL

1.1.3.1 Công tác lập dự toán

Lập dự toán là khâu khởi đầu và quan trọng trong quản lý chi ngân sách nhà nước, nó có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và hiệu quả của khâu chấp hành, kế toán và quyết toán chi ngân sách nhà nước. Khi lập dự toán phải dựa trên các căn cứ sau:

Chủ trương của Nhà nước về duy trì và phát triển các hoạt động sự nghiệp trong từng giai đoạn nhất định. Dựa vào căn cứ này sẽ giúp cho việc xây dựng dự toán chi tài chính ở các ĐHCL có cái nhìn tổng quát về những mục tiêu, nhiệm vụ

mà đơn vị phải hướng tới trong năm, từ đó xác lập được các hình thức, phương pháp phân phối nguồn vốn đảm bảo tiết kiệm và đạt hiệu quả cao.

Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các chỉ tiêu có liên quan đến việc cấp phát kinh phí chi ngân sách nhà nước kỳ kế hoạch mà cấp trên giao cho các ĐVSN. Đây chính là việc cụ thể hoá các chủ trương của Nhà nước trong từng giai đoạn thành các chỉ tiêu cho kỳ kế hoạch. Khi dựa trên căn cứ này để xây dựng dự toán chi phải thẩm tra, phân tích tính đúng đắn, hiện thực, tính hiệu quả của các chỉ tiêu thuộc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó có kiến nghị điều chỉnh lại các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp.

Thiết lập mức cân đối tổng quát giữa khả năng nguồn kinh phí và nhu cầu chi ngân sách nhà nước dựa trên việc tính toán xem khả năng nguồn kinh phí có thể đáp ứng nhu cầu chi tiêu thường xuyên theo kỳ kế hoạch bằng cách dựa vào cơ cấu thu ngân sách nhà nước kỳ báo cáo và mức tăng trưởng của các nguồn thu kỳ kế hoạch.

Kết quả phân tích, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng kinh phí chi ngân sách nhà nước kỳ báo cáo sẽ cung cấp các thông tin cần thiết cho việc lập dự toán.

1.1.3.2 Công tác chấp hành dự toán

Chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước là khâu thứ hai trong chu trình quản lý ngân sách nhà nước. Trong quá trình sử dụng tài chính theo dự toán cũng cần phải dựa trên các cơ sở sau:

Dựa vào định mức chi được duyệt của từng chỉ tiêu trong dự toán và khả năng nguồn kinh phí có thể dành cho nhu cầu NSNN trong mỗi kỳ báo cáo. Đây là căn cứ mang tính quyết định nhất trong chấp hành dự toán chi NSNN.

Chi thường xuyên bằng nguồn NSNN luôn bị giới hạn bởi khả năng huy động của các nguồn thu. Mặc dù các khoản chi thường xuyên đã được ghi trong dự toán nhưng khi số thu không đảm bảo vẫn phải cắt giảm một phần nhu cầu chi tiêu. Đây là một trong những giải pháp thiết lập lại sự cân đối giữa thu và chi NSNN trong quá trình chấp hành dự toán.

Bên cạnh đó, chế độ, chính sách chi NSNN hiện hành cũng là căn cứ mang tính pháp lý cho công tác tổ chức chấp hành dự toán chi NSNN, bởi lẽ tính hợp lý

của các khoản chi sẽ được xem xét dựa trên cơ sở các chính sách, chế độ Nhà nước đang có hiệu lực thi hành.

Để làm được điều đó các chính sách, chế độ phải phù hợp với thực tiễn.

Để đạt được mục tiêu cơ bản của việc tổ chức chấp hành dự toán chi, cần áp dụng các biện pháp đảm bảo phân phối, cấp phát và sử dụng nguồn vốn hợp lý, tiết kiệm.

Việc xây dựng, hướng dẫn phải dựa trên cơ sở dự toán chi ngân sách đã được duyệt và các chế độ, chính sách hiện hành. Mỗi đơn vị, mỗi loại hình hoạt động và nguồn kinh phí hoạt động cần tổ chức các hình thức cấp phát dự toán thích hợp, trên cơ sở đó cần hướng dẫn trình tự cấp phát thống nhất trong suốt quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, cần phải hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt chế độ hạch toán kế toán áp dụng cho các đơn vị để việc sử dụng kinh phí phải được hạch toán đúng, đủ, chính xác và kịp thời. Trên cơ sở đó đảm bảo việc quyết toán kinh phí được nhanh, chính xác, đồng thời cung cấp các tài liệu có tính chuẩn mực cao cho các cơ quan thẩm quyền xét duyệt. Ngoài ra, trong quá trình chấp hành dự toán chi, cơ quan tài chính cần xem xét khả năng đảm bảo tài chính cho nhu cầu chi ngân sách nhà nước để có biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo cân đối trong quá trình chấp hành dự toán. Cuối cùng là phải tuân thủ chặt chẽ quá trình kiểm tra, giám sát việc nhận và sử dụng kinh phí tại từng đơn vị để đảm bảo đúng dự toán, định mức tiêu chuẩn của Nhà nước, góp phần nâng cao tính hiệu quả và tiết kiệm trong quản lý chi ngân sách.

1.1.3.3 Quyết toán ngân sách

Quyết toán chi ngân sách là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý tài chính. Đó là quá trình kiểm tra, rà soát, chỉnh lý lại các số liệu đã được phản ánh sau một kỳ chấp hành dự toán để phân tích, đánh giá kết quả chấp hành dự toán, rút ra những kinh nghiệm và bài học cần thiết cho kỳ chấp hành dự toán tiếp theo. Do vậy, trong quá trình quyết toán các khoản chi ngân sách phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

Lập đầy đủ các loại báo cáo tài chính và đúng thời gian cho các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt theo chế độ quy định.

Nội dung, số liệu trong báo cáo phải đảm bảo tính chính xác, trung thực. Trình tự nội dung các báo cáo tài chính phải theo đúng nội dung trong dự toán được duyệt và theo đúng mục lục ngân sách nhà nước quy định.

Báo cáo quyết toán của các đơn vị không được để xảy ra tình trạng quyết toán chi lớn hơn thu.

Việc kiểm soát tài chính là tổng thể các hình thức, phương pháp, công cụ được sử dụng trong quá trình kiểm tra, giám sát tài chính của một trường Đại học.

Kiểm soát tài chính là một nội dung quan trọng, là khâu thiết yếu trong đó là kiểm soát nội bộ và thông tin tài chính của đơn vị. Kiểm soát tài chính được thực hiện từ cơ quan quản lý cấp trên và từ bộ phận quản lý trong đơn vị. Kiểm soát tài chính trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo có vai trò rất quan trọng.

Hoạt động này có tác dụng tăng cường hiệu quả công tác quản lý tài chính, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch của đơn vị, đảm bảo tính chính xác, hợp lý trong quản lý thu chi từ đó tăng tính hiệu quả của vốn đầu tư cho hoạt động sự nghiệp cũng như góp phần thực hành tiết kiệm.

Kiểm soát tài chính thúc đẩy đơn vị thực hiện nghiêm chỉnh sách, chế độ và kỷ luật tài chính của nhà nước. Kiểm soát tài chính bao gồm:

✓ *Kiểm soát trước khi thực hiện kế hoạch tài chính*

Hoạt động này được tiến hành trước khi xây dựng, xét duyệt và quyết định dự toán kinh phí (kiểm soát quá trình lập dự toán thu, chi của các trường Đại học).

✓ *Kiểm soát trong quá trình thực hiện*

Kiểm soát trong quá trình thực hiện được tiến hành ngay trong các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch tài chính đã được quyết định. Giai đoạn này là kiểm soát trong các hoạt động tài chính, kiểm soát quá trình thực hiện thu chi tại các trường Đại học.

Kiểm soát thường xuyên là một trong những nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến công tác quản lý tài chính của các trường Đại học.

Kiểm soát thường xuyên nhằm thực hiện việc giám sát, kiểm tra liên tục hàng ngày đối với các hoạt động tài chính, nghiệp vụ tài chính phát sinh để từ đó

phát hiện kịp thời những sai sót, vi phạm chính sách, kỷ luật tài chính. Hoạt động này có tác dụng phòng ngừa những sai sót một cách hữu hiệu, trên cơ sở đó thúc đẩy hoàn thành các kế hoạch tài chính, tổ chức và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn thu, đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước và phát triển kinh tế xã hội.

1.2 Nội dung quản lý tài chính đối với các trường ĐHCL ở Việt Nam

1.2.1 Quản lý thu

Nguồn thu của các trường ĐHCL là các khoản kinh phí mà nhà trường nhận được dùng để triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Bao gồm:

1.2.1.1 Nguồn thu từ ngân sách nhà nước: Đây là nguồn thu do NSNN cấp theo dự toán xác định cho những nhiệm vụ, chương trình mục tiêu đã được duyệt. Để có nguồn kinh phí ngân sách cấp, các đơn vị phải thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản đặc thù cho từng ngành, từng lĩnh vực, quy chế được duyệt của đơn vị. Nguồn NSNN cấp kinh phí cho các hoạt động sau:

Kinh phí thực hiện các nghiệp vụ thường xuyên (lương, phụ cấp và các kinh phí nghiệp vụ thường xuyên khác);

Kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp Bộ, ngành, chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ đột xuất khác được cấp có thẩm quyền giao;

Kinh phí thanh toán cho các đơn vị theo chế độ đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước đặt hàng (điều tra, quy hoạch, khảo sát...) theo giá hoặc khung giá do nhà nước quy định;

Kinh phí cấp để thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do nhà nước quy định đối với số lao động trong biên chế dôi ra;

Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án và kế hoạch hàng năm, vốn đối ứng cho các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2.1.2 Nguồn thu sự nghiệp

Là tiền thu phí, lệ phí thuộc NSNN (phần được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định của Nhà nước).

Mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ nguồn thu được để lại đơn vị sử dụng và nội dung chi thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng loại phí.

1.2.1.3 Nguồn thu từ NCKH, hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ

Đối với các nguồn thu này thì mức thu do thủ trưởng đơn vị quyết định, theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

1.2.1.4 Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật

Các dự án viện trợ, liên kết đào tạo, quà biếu, quà tặng, tài trợ của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là vốn vay ngân hàng được các đơn vị sự nghiệp vay theo cơ chế để bổ sung cho việc chi tiêu và đầu tư khi cần thiết.

Để quản lý nguồn thu thì khâu kiểm soát thu là khâu rất quan trọng vì nó ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững tài chính của mỗi đơn vị đào tạo. Điều đó đòi hỏi công tác kiểm soát thu cần được thực hiện thường xuyên, công khai và kịp thời.

Dự toán thu là căn cứ quan trọng trong tổ chức thực hiện thu. Trong quá trình thu, đơn vị phải thực hiện thu đúng đối tượng, thu đủ và tuân thủ các quy định của Nhà nước để đảm bảo đủ nguồn thu. Đến cuối kỳ báo cáo hàng năm các đơn vị tổng hợp, đánh giá chấp hành dự toán thu đã được giao về kết quả thực hiện, vướng mắc tồn đọng, rút kinh nghiệm trong việc khai thác các nguồn thu, công tác xây dựng dự toán và tổ chức thu nộp trong thời gian tới, nộp báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên.

1.2.2 Quản lý chi

Hoạt động chi được thể hiện qua hai loại chi thường xuyên và không thường xuyên.

1.2.2.1 Chi hoạt động thường xuyên

Hoạt động thường xuyên của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được cấp trên phê duyệt gồm:

Chi thanh toán cá nhân (tiền lương, phụ cấp lương, phúc lợi, phí bảo hiểm xã hội, học bổng);

Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn (dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, hội nghị, công tác phí, thuê mướn);

Chi mua sắm và sửa chữa tài sản cố định thường xuyên, chống xuống cấp;

Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ; Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chương trình mục tiêu quốc gia; Chi đầu tư phát triển;

Chi khác: hoạt động đối ngoại, tiếp khách, phí lệ phí của đơn vị dự toán, chi phí dịch vụ ngân hàng, mua bảo hiểm phương tiện, phí giao thông...

Các khoản chi khác

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có thu còn có chi cho hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ...

1.2.2.2 Chi hoạt động không thường xuyên

Chi nghiên cứu khoa học: Chi thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên của các đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, ngành, chi thực hiện đơn đặt hàng của Nhà nước, chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài theo quy định.

Tuỳ theo kế hoạch nghiên cứu khoa học của từng trường mà có nguồn tài chính cấp ứng với mỗi loại cấp độ đề tài đó, gồm các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường.

Với các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước và cấp Bộ đòi hỏi tính ứng dụng vào thực tiễn cao, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường nhằm nghiên cứu phục vụ giảng dạy và học tập. Ngoài ra, nguồn tài chính còn sử dụng trong các trường để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chi thực hiện nhiệm vụ đặt hàng của Nhà nước như: điều tra, quy hoạch, khảo sát;...; chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài theo qui định hay chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ của Nhà nước quy định.

Chi đầu tư phát triển: chi xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi sửa chữa lớn, chi thực hiện dự án đầu phục vụ cho hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác như: Thể dục thể thao, Công nghệ thông tin ... theo quy định.

Chi thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp trên giao.

1.2.2.3 Các yêu cầu về quản lý chi trong các trường ĐHCL

Quản lý chi trong các trường đại học công lập phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

Đảm bảo đủ nguồn tài chính cần thiết để các đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo đúng đường lối, chính sách, chế độ của Nhà nước. Để thực hiện yêu cầu này, đòi hỏi các đơn vị cần xác lập được thứ tự ưu tiên cho các khoản chi để bố trí kinh phí cho phù hợp. Đây chính là yêu cầu đảm bảo nguồn tài chính cho kế hoạch dự toán chi.

Quản lý công tác chi phải đảm bảo tính kịp thời, tiết kiệm và hiệu quả: Kịp thời là nguyên tắc cần thiết theo yêu cầu của các đơn vị. Tiết kiệm được xác định là nguyên tắc hàng đầu của quản lý tài chính. Nguồn lực thì có giới hạn nhưng nhu cầu thường không có giới hạn. Do vậy đòi hỏi trong quá trình phân bổ lập kế hoạch chi, các trường phải tính toán sao cho chi phí là thấp nhất mà đạt được kết quả cao nhất. Đối với các hoạt động sự nghiệp, trong khi nguồn thu hạn hẹp, nhu cầu sử dụng kinh phí ngày một tăng nhanh, do vậy càng đòi hỏi tính tiết kiệm và hiệu quả trong sử dụng nguồn kinh phí có hạn. Để đạt được tiết kiệm và hiệu quả trong công tác chi thì yêu cầu phải xây dựng được kế hoạch, dự toán, xây dựng định mức, phân tích đánh giá tình hình thực tế để có biện pháp tăng cường quản lý chi.

Chi đúng định mức, chế độ, tiêu chuẩn: phải xây dựng được các định mức chi chuẩn xác. Đây vừa là cơ sở để xây dựng kế hoạch chi sát, vừa là căn cứ để kiểm soát chi cho các trường. Như vậy, yêu cầu định mức chi phải được xây dựng một cách khoa học, đảm bảo theo quy trình từ phân loại đối tượng; cách thức xây dựng phải là một quá trình chặt chẽ và có cơ sở khoa học. Các định mức chi phải đảm bảo quy định và đảm bảo phù hợp với tính đặc thù hoạt động của từng đơn vị. Các định mức xây dựng phải có tính thực tiễn cao, đó chính là phản ánh mức độ phù hợp của các định mức với nhu cầu kinh phí của các hoạt động. Chỉ khi định mức đạt được yêu cầu như vậy thì định mức mới trở thành chuẩn mực cho quản lý kinh phí.

Trên góc độ đơn vị dự toán, ĐHCL có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thành viên và trực thuộc lập dự toán thu, chi ngân sách; tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của cả trường; căn cứ vào cơ chế phân cấp quản lý tài chính và

quy chế chi tiêu nội bộ để tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện chế độ thu chi tài chính trong đơn vị. Các ĐHCL có quyền giao cơ chế tài chính và dự toán thu chi ngân sách năm cho các đơn vị cấp dưới; chủ động bố trí, cân đối, sắp xếp mọi nhu cầu chi tiêu của toàn trường trong phạm vi dự toán thu chi được giao.

1.2.3 Quản lý các Quỹ

1.2.3.1 Các Quỹ chuyên dụng

Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định; phần chênh lệch thu lớn hơn chi, đơn vị được sử dụng để trích lập các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Đó là kết quả của hoạt động tài chính trong năm, bao gồm các quỹ sau:

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: dùng để đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, trợ giúp thêm đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề năng lực công tác cho cán bộ, viên chức đơn vị; được sử dụng góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng của đơn vị và theo quy định của pháp luật.

Quỹ bổ sung thu nhập: để bảo đảm thu nhập cho người lao động.

Quỹ phúc lợi: dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế thực hiện tinh giản biên chế. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Quỹ khen thưởng: dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.2.3.2 Các Quỹ ngoài ngân sách nhà nước

Theo mục 19, điều 4, chương I, Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 thì “Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”.

NSNN không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được NSNN hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của NSNN và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Nguồn tài chính của Quỹ được hình thành từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội và sự hỗ trợ từ NSNN. Theo đó, việc hỗ trợ từ NSNN là không hoàn toàn bắt buộc, nhưng đối với một số Quỹ quan trọng thì đây lại là điều kiện đảm bảo cho sự ổn định của Quỹ. Mức độ hỗ trợ của NSNN đối với mỗi Quỹ ngoài NSNN là khác nhau do chức năng và khả năng huy động nguồn lực từ xã hội là khác nhau.

Mục tiêu của các Quỹ là hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học, hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các đơn vị mới thành lập hoặc các đơn vị đang trong giai đoạn khó khăn về mặt tài chính.

1.2.3.3 Quỹ khác

Tuỳ vào tình hình thực tế đặc thù của đơn vị mà các đơn vị được lập các quỹ khác nhau, chẳng hạn: Quỹ Khoa học công nghệ; Quỹ thiện nguyện; Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên, Quỹ hỗ trợ khám chữa bệnh ...

Đối với Quỹ khoa học công nghệ: nguồn kinh phí được hình thành từ nguồn NSNN cấp cho hoạt động KH & CN để thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và nâng cao năng lực KH & CN và các nguồn khác.

Đối với các Quỹ được hình thành với mục đích làm từ thiện (như Quỹ từ thiện, Quỹ hiến tặng tại các đơn vị...): NSNN không cấp kinh phí cho hoạt động này mà do đơn vị tự huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp và phải sử dụng đúng mục

đích của việc huy động và công khai tại đơn vị về việc huy động và chi tiêu, sử dụng quỹ.

1.2.4 Quản lý tài sản

Để phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, cung cấp dịch vụ và các hoạt động khác, các trường đại học cần rất nhiều loại tài sản, máy móc, trang thiết bị khác nhau. Bên cạnh những tài sản hữu hình, các tài sản vô hình cũng góp phần không nhỏ vào việc xây dựng và củng cố thương hiệu của nhà trường. Tài sản tại các trường ĐHCL bao gồm tài sản nhà nước mà Nhà nước giao cho các trường ĐHCL trực tiếp quản lý và sử dụng, các tài sản do các trường tự mua sắm để thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của trường, bao gồm: Khuôn viên đất là tổng diện tích đất trường ĐHCL trực tiếp quản lý, sử dụng được Nhà nước giao, nhận chuyển nhượng hoặc do tiếp quản từ chế độ cũ được xác lập sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật; Nhà cửa, vật kiến trúc và công trình xây dựng khác gắn liền với đất thuộc khuôn viên trụ sở làm việc: nhà làm việc, giảng đường, nhà hội trường, nhà câu lạc bộ, nhà văn hóa, nhà tập và thi đấu thể thao, nhà xưởng, ký túc xá, nhà khách, nhà công vụ...; Phương tiện đi lại: Xe ô tô, xe máy...; Máy móc, thiết bị văn phòng thiết bị động lực hay thí nghiệm...

Việc mua sắm tài sản không chỉ liên quan đến các quyết định đầu tư, từ việc lựa chọn chủng loại tài sản, thời điểm đầu tư, lựa chọn các nhà cung cấp... mà còn liên quan đến các quyết định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đó để phát huy hiệu quả cao nhất của vốn đầu tư. Khấu hao tài sản cố định là một yếu tố cấu thành trong chi phí dịch vụ đào tạo. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến giá dịch vụ, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của trường. Vì vậy, hoạt động quản trị tài sản của trường cần được quan tâm từ khi hình thành tài sản, sử dụng tài sản đến khi thanh lý tài sản đó.

Những nội dung quan trọng trong quản lý tài sản mà đơn vị cần thực hiện là phân bổ tài sản, quản lý tài sản và sử dụng tài sản một cách hợp lý và hiệu quả.

Các văn bản pháp lý về quản lý và sử dụng tài sản công bao gồm:

Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 do Quốc hội ban hành;

Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 hành quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thông tư này thay thế thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực từ năm 2018.

1.2.5 Quản lý tài chính trong điều kiện tự chủ

TCTC trong các trường ĐHCL được hiểu là việc các trường đại học được quyền quyết định hoạt động tài chính của nhà trường, nhằm mục tiêu cuối cùng là đảm bảo thu đủ bù đắp chi phí tương ứng với đảm bảo chất lượng đào tạo, hướng tới bền vững về tài chính.

Trường đại học được quyền chủ động trong quản lý tài chính của trường, bao gồm chủ động quản lý thu (các khoản thu ngoài NSNN), quản lý chi và phân phối các quỹ, quản lý các quỹ, quản lý tài sản, quản lý nợ phải trả của trường đại học, tuy vậy, phải luôn gắn các hoạt động này với mục tiêu cuối cùng là bền vững tài chính.

TCTC được xem xét trên nhiều góc độ, hoặc là các đơn vị được toàn quyền quyết định hoạt động tài chính: tự thu và tự quyết định các mức chi trong số lượng nguồn thu đó (tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và đầu tư); hoặc chỉ tự chủ toàn phần chi thường xuyên hay một phần kinh phí chi thường xuyên.

Các văn bản liên quan đến tự chủ ĐHCL tại Việt Nam hiện nay bao gồm: Nghị quyết số 14/2005/NQ - CP ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2005; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ; Nghị quyết số 77/NQ-CP năm 2014; Nghị định 16/2015/CP ngày 14 tháng 2 năm 2015....

Các nội dung quy định tại Nghị định 16/CP và Nghị quyết 77/NQ-CP phân loại các hình thức TCTC sau đây:

TCTC đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

TCTC đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên;

TCTC đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí);

TCTC đối với đơn vị được Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp).

Cơ chế tự chủ được xác định trên cơ sở 2 văn bản, Nghị quyết 77/NQ-CP năm 2014 ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Còn về Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành về triển khai thực hiện Nghị định này.

1.3 Các nhân tố tác động đến hoạt động quản lý tài chính ở các trường ĐHCL

Quản lý tài chính là một trong những hoạt động quan trọng đối với bất kỳ lĩnh vực nào từ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cho đến các cơ sở giáo dục đại học. Đối với các đại học công lập thì đây là một trong những yếu tố quyết định đến quy mô, đến chất lượng và uy tín của nhà trường. Nhất là trong điều kiện xã hội hóa và thực hiện cơ chế tự chủ như hiện nay. Khi hoạt động quản lý tài chính

phù hợp với từng đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường thì sẽ khuyến khích cũng như tạo điều kiện cho các trường phát triển. Chính vì vậy hoạt động quản lý tài chính đòi hỏi phải tác động đến nhiều nhân tố trong nền kinh tế. Để quản lý tài chính dưới quy mô và đặc thù của mỗi trường Đại học công lập, nếu đứng dưới góc độ quản lý nhà nước thì cần nhận biết tác động của các nhân tố để từ đó đưa ra những phương thức, hình thức và nội dung quản lý tài chính phù hợp trong từng điều kiện, từng hoàn cảnh cụ thể. Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quản lý tài chính đối với các đại học công lập nhưng trong khuôn khổ luận văn, tác giả chỉ xin được đề cập một số nhân tố được cho là quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến quản lý tài chính trong các trường đại học công lập. Các nhân tố chính bao gồm:

1.3.1 Điều kiện kinh tế - xã hội

Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là đối với các trường đại học công, sự tác động của tiến bộ khoa học và công nghệ ngày càng thể hiện rõ nét. Những nhân tố trước đây được xem là phù hợp với yêu cầu quản lý thì bây giờ sẽ không còn thích hợp và đòi hỏi phải có những cải cách, đổi mới. Mục tiêu của đổi mới là nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao tính thích ứng và tính công bằng trong quá trình đào tạo.

Yếu tố lao động và việc làm cũng đang có những thay đổi và tác động quan trọng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, trước yêu cầu phát triển của một nền kinh tế tri thức, nhu cầu về lực lượng lao động của xã hội đang có những thay đổi về chất. Bên cạnh đội ngũ lao động tay nghề cao được đào tạo trong các trường dạy nghề, nhu cầu về lực lượng lao động được đào tạo qua trình độ đại học và sau đại học, các nhà khoa học, các chuyên gia bậc cao ngày càng tăng lên.

Để đáp ứng yêu cầu học tập của xã hội, hệ thống giáo dục ở hầu hết các nước đều phải mở rộng quy mô để tiếp nhận ngày càng nhiều đối tượng vào học. Kết quả là số lượng các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ngày càng tăng lên. Quy mô đào tạo tăng lên, số lượng các đơn vị đào tạo cũng tăng nhưng nguồn lực công cũng như các nguồn lực khác cung cấp cho phát triển giáo dục nhiều khi không tăng một cách tương ứng. Điều này sẽ làm nảy sinh những bất

cập và ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng giáo dục. Nhằm ngăn chặn tình trạng suy giảm chất lượng giáo dục và đào tạo, nhiều giải pháp đổi mới cả về tổ chức và quản lý trong giáo dục đã được triển khai áp dụng. Ngày nay, việc nâng cao chất lượng giáo dục đã không còn là việc riêng của từng hệ thống giáo dục công mỗi nước. Điều đó trở thành mối quan tâm hàng đầu có tính toàn cầu của mọi quốc gia. Chính vì những lý do trên, trong quá trình quản lý, các trường Đại học công cần theo sát xu hướng phát triển mọi mặt của đất nước. Mục tiêu của việc đổi mới cơ chế, chính sách quản lý giáo dục, trong đó có cơ chế quản lý tài chính là nâng cao chất lượng của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng tới việc huy động nguồn tài chính đầu tư cho GD-ĐT. Phát triển kinh tế như sự gia tăng về sản xuất, dịch chuyển cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tăng thu nhập và tăng mức sống của người dân... là một trong những nhân tố ảnh hưởng lớn đến thực hiện chủ trương "Toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục" cũng như việc thực hiện xã hội hóa GDĐT. Nền kinh tế phát triển, người dân có thu nhập cao sẽ tạo tiền đề tốt thực hiện huy động toàn xã hội tham gia đóng góp nguồn lực cho phát triển giáo dục. Ngược lại, nếu nền kinh tế kém phát triển, thu nhập người dân thấp thì việc huy động tham gia đầu tư cho giáo dục sẽ bị hạn chế.

1.3.2 Chính sách pháp luật

Quản lý tài chính là một bộ phận của chính sách tài chính quốc gia, đó là căn cứ để các đơn vị sự nghiệp xây dựng cơ chế quản lý tài chính riêng. Nếu chính sách quản lý tài chính của nhà nước tạo điều kiện để phát huy tính chủ động, sáng tạo của các trường Đại học công thì đó sẽ là động lực nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản lý tài chính của mỗi trường. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhà nước quản lý gần như tất cả các dịch vụ xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Khi đó, các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo được cấp toàn bộ kinh phí từ NSNN và việc sử dụng nguồn kinh phí đó cũng hoàn toàn theo quy định của nhà nước. Trong điều kiện đó, mọi người dân trong xã hội đều có cơ hội học tập. Tuy nhiên, do nguồn NSNN còn hạn hẹp nên nhà nước không đáp ứng được nhu cầu học tập của toàn xã hội, cả về quy mô lẫn chất lượng giáo dục. Các trường ĐHCĐ

được Nhà nước thành lập để thực hiện việc cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực GD-ĐT. Vì vậy Nhà nước thực hiện quản lý vĩ mô đối với các trường đại học, thông qua chức năng nhiệm vụ của mình mà Nhà nước có thể can thiệp gián tiếp vào các hoạt động của nhà trường. Trong từng thời kỳ cụ thể, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển GD-ĐT nói chung và GDDH nói riêng sẽ có những thay đổi nhất định cho phù hợp với thực tiễn nền kinh tế - xã hội. Do đó cơ chế quản lý đối với các trường cũng có những thay đổi theo cho phù hợp. Cùng với chủ trương của Đảng, cơ chế quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp do Nhà nước ban hành cũng ảnh hưởng đến quản lý tài chính nội bộ các trường ĐHCL. Một cơ chế quản lý tài chính phù hợp sẽ tạo điều kiện cho các trường ĐHCL khai thác triệt để nguồn thu, đáp ứng đủ nguồn kinh phí cho các hoạt động thường xuyên; đồng thời, tránh thất thoát, lãng phí trong quá trình chi tiêu tài chính, tăng cường trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý tài chính. Bên cạnh đó, những thay đổi về chính sách thu học phí đối với các bậc, hệ đào tạo, chính sách trợ cấp ưu đãi đối với sinh viên của Nhà nước cũng ảnh hưởng đến công tác quản lý tài chính nội bộ các trường ĐHCL, đặc biệt ảnh hưởng đến nguồn thu của các trường ĐHCL.

1.3.3 Chiến lược phát triển của nhà trường

Chiến lược phát triển được xem là nội dung cốt lõi để triển khai thực hiện các hoạt động quản lý của nhà trường nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Chiến lược phát triển thể hiện các mục tiêu dài hạn (hay còn gọi là mục tiêu tổng quát) mà nhà trường hướng đến, cùng những định hướng lớn nhằm đạt được mục tiêu. Trên cơ sở chiến lược phát triển, các trường sẽ xây dựng các kế hoạch hoạt động từng giai đoạn cũng như kế hoạch hoạt động hàng năm để thực hiện các mục tiêu cụ thể. Kế hoạch tài chính là một bộ phận của kế hoạch chung, được xây dựng nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính và các phương án phân bổ nguồn lực để thực hiện mục tiêu. Vì vậy, chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động của trường quyết định trực tiếp đến nội dung của kế hoạch tài chính, cũng như phương án quản lý tài chính của trường. Cụ thể là với mỗi mục tiêu chiến lược cụ thể sẽ quyết định nhu cầu và khả năng huy động nguồn lực tài chính, cũng như quyết định ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các nhiệm vụ, hoạt động của trường

1.3.4 Tổ chức bộ máy quản lý

Tổ chức bộ máy được hiểu là việc bố trí, sắp xếp các bộ phận chức năng và cơ chế phối hợp giữa các bộ phận đó để thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Việc phân định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận một cách khoa học và bố trí nhân sự phù hợp để thực hiện nhiệm vụ đó, cũng như thiết lập cơ chế tương tác hợp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ là những vấn đề mấu chốt của tổ chức bộ máy. Quản lý tài chính trường ĐHCL, với tư cách là một chức năng của hệ thống cũng chịu ảnh hưởng bởi tổ chức bộ máy quản lý của trường. Nếu tổ chức bộ máy quản lý được bố trí khoa học, phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị không chỉ đảm bảo cung cấp thông tin tin cậy cho công tác quản lý tài chính, mà còn tạo điều kiện thực hiện cơ chế giám sát hiệu quả. Ngược lại, bộ máy chồng chéo, bất hợp lý không chỉ phát sinh thêm chi phí mà còn cản trở hoạt động tài chính của toàn đơn vị.

1.3.5 Các công cụ quản lý tài chính và năng lực lãnh đạo

Các công cụ quản lý tài chính trong trường ĐHCL thường được sử dụng bao gồm kế hoạch tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ và hệ thống theo dõi đánh giá. Hệ thống các công cụ quản lý tài chính là yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý tài chính của nhà trường. Hệ thống các công cụ quản lý tài chính được thiết lập phù hợp sẽ giúp công tác quản lý tài chính thuận lợi, các nhà quản lý tài chính phát hiện kịp thời những khó khăn, những sai sót, gian lận trong các hoạt động thu chi tài chính, đảm bảo tuân thủ và sử dụng các nguồn tài chính một cách hiệu quả. Ngược lại, nếu đơn vị chưa chú trọng tạo lập hệ thống kiểm soát nội bộ thì công tác quản lý tài chính sẽ có nhiều lỗ hổng, kém hiệu lực, hiệu quả.

Lãnh đạo đơn vị, với tư cách là người quản trị cấp cao có tác động trực tiếp đến hoạt động quản lý của đơn vị. Người lãnh đạo cần có năng lực định hướng chiến lược, có tầm nhìn và nhạy bén trong việc nắm bắt các xu hướng mới để quyết định quản lý tài chính phù hợp. Các quyết định quan trọng trong quản lý tài chính của trường liên quan đến việc ban hành chính sách, thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ. Cùng với yếu tố năng lực quản lý của lãnh đạo đơn vị, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý tài chính trong đơn vị cũng đóng vai trò quan trọng, ảnh

hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả quản lý tài chính của đơn vị. Đội ngũ cán bộ là người tham mưu và trực tiếp thực thi công việc quản lý. Nếu đội ngũ làm công tác quản lý trực tiếp hoạt động tài chính của nhà trường có chuyên môn nghiệp vụ giỏi sẽ tham mưu cho lãnh đạo nhà trường đưa ra những quyết định tài chính hợp lý và tổ chức thực hiện các quyết định đó một cách có kết quả. Ngược lại, nếu đội ngũ này có chuyên môn, nghiệp vụ hạn chế sẽ tham mưu cho lãnh đạo nhà trường ra các quyết định tài chính hạn chế, đồng thời thiếu cách thức tổ chức thực hiện các quyết định trong thực tế.

1.4 Kinh nghiệm quản lý tài chính của một số quốc gia trên thế giới và của một số trường Đại học ở Việt Nam

1.4.1 Kinh nghiệm trên thế giới

1.4.1.1 Kinh nghiệm của Singapore:

Đinh Thị Thu Hương (2018), đã chỉ ra: Singapore là đất nước được xếp vào hàng có thu nhập cao và nền giáo dục đại học phát triển nhất ở Đông Nam Á. Trong danh sách 200 trường đại học hàng đầu trên thế giới do Hệ thống tư vấn thị trường giáo dục Anh quốc (Quacquarelli, viết tắt là QS) công bố năm 2015, Đại học Quốc gia Singapore (NUS) xếp thứ 12, Đại học Công nghệ Nanyang Singapore (NTU) xếp thứ 13, tăng bậc rất nhiều so với bảng xếp hạng năm 2005. Mặc dù chỉ là một quốc đảo nhỏ bé nằm ở Đông Nam châu Á nhưng hai trường đại học ở Singapore có được những phát triển vượt bậc như vậy là do từ đầu năm 2006, chính phủ Singapore chấp thuận cho Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Công nghệ Nanyang Singapore trở thành đại học tự chủ với cơ chế doanh nghiệp phi lợi nhuận. Chính phủ Singapore cho phép các trường đại học được tự chủ và khuyến khích các trường tìm kiếm các nguồn vốn khác, đặc biệt là từ doanh nghiệp. Chính phủ cam kết là chủ thể cấp ngân sách chính cho giáo dục đại học, các trường được tự định mức học phí và được trao quyền tự chủ hoàn toàn về nguồn nhân lực, kể cả ấn định mức lương cho cán bộ giảng viên và viên chức. Ba trường đại học (Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Công nghệ Nanyang, Đại học Quản lý Singapore) thông qua việc xây dựng cương lĩnh tổ chức và quy định hoạt động của mình, đăng ký tự chủ với hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn phi lợi nhuận, hoạt động theo khung

pháp lý đối với công ty. Sau khi tự chủ, Hội đồng trường trở thành bộ máy lãnh đạo cao nhất trong nhà trường, quyết định mọi chiến lược phát triển của nhà trường, trường có quyền quyết định sử dụng kinh phí, tuyển sinh, tự đưa ra tiêu chuẩn học phí, toàn quyền quyết định vấn đề nhân sự và lương thưởng trong nhà trường. Hàng năm nhà trường phải có trách nhiệm báo cáo, công khai công bố tình hình phát triển của nhà trường, theo sự giám sát của Bộ giáo dục, các cơ quan ban ngành liên quan của chính phủ và sự giám sát của xã hội. Năm năm lại báo cáo chi tiết tình hình phát triển với Bộ giáo dục, để Bộ giáo dục đánh giá chất lượng đào tạo. Tự chủ đại học hoàn toàn không phải là thương mại hóa, tự chủ đại học vẫn mang tính chất phi lợi nhuận, các trường đại học tự chủ của Singapore vẫn được chính phủ tài trợ 75% kinh phí, đồng thời các trường cũng nên nhanh nhạy với thời cuộc, đào tạo các ngành "hot", ứng biến với sự thay đổi của thị trường, nhanh chóng đáp ứng với nhu cầu của thị trường, đồng thời huy động kinh phí từ các nguồn xã hội khác. Sau khi tự chủ, để đảm bảo hiệu quả trong việc thu chi ngân sách, mục tiêu đào tạo phù hợp với chính sách của nhà nước, có chất lượng đào tạo tốt, chính phủ Singapore chủ yếu dựa trên các thỏa thuận sau nhằm đảm bảo định hướng đào tạo và chất lượng đào tạo của các trường: Thỏa thuận về chính sách, tức là làm rõ phạm vi tự chủ của trường đại học và đưa ra qui định xử phạt nếu các trường vi phạm. Mục đích nhằm để đảm bảo các trường sẽ thực hiện mục tiêu đào tạo và quy hoạch phát triển tổng thể mà chính phủ đã đề ra; Thỏa thuận về hiệu quả: do các trường tự vạch ra, Bộ giáo dục phê duyệt, chủ yếu nhằm xác định các chỉ tiêu phát triển chính trong các mục cụ thể như mục tiêu phát triển tổng thể, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội và phát triển nhân sự - phòng ban.

Cứ 5 năm thỏa thuận này được rà soát lại một lần; Hệ thống đảm bảo chất lượng: quy định thông qua đánh giá của bản thân nhà trường và đánh giá ngoài của Hội đồng đánh giá do Bộ giáo dục chỉ định, đảm bảo nhà trường sử dụng hiệu quả nguồn lực, thực hiện tốt mục tiêu phát triển. Cứ 5 năm trường báo cáo một lần tình hình phát triển. Hội đồng trường gồm hơn 20 nhà quản lý giáo dục giỏi, doanh nhân thành đạt và các chuyên gia kinh tế nổi tiếng, là những người lãnh đạo cao nhất của nhà trường. Hội đồng trường có nhiệm vụ: chỉ đạo vĩ mô lãnh đạo trường thực hiện

mục tiêu đề án; chịu trách nhiệm chính, có quyền quyết định cuối cùng đối với các việc của nhà trường; quyết định phương châm tài chính của nhà trường; đảm bảo nhà trường sử dụng nguồn lực hợp lý (trường có quyền tự chủ lớn hơn trong vấn đề tài chính), lựa chọn ra các thành viên vừa thích hợp vừa nhiệt tình, không ngại cống hiến sức lực và tiền bạc cho nhà trường.

Dưới Hội đồng trường có 8 ban chuyên trách, giúp Hội đồng trường kiểm soát mọi tình hình trong nhà trường và tư vấn các quyết sách. Hội đồng trường có quyền đưa ra các quyết sách, hiệu trưởng có quyền thực thi các quyết sách của Hội đồng trường, các chuyên gia có trách nhiệm tư vấn và cùng thảo luận bàn bạc các vấn đề lớn của trường. Mỗi người một nhiệm vụ, song đảm bảo mọi việc đều ăn khớp. Các giáo sư đều tham gia quản lý trường (ví dụ như trường Đại học Công nghệ Nanyang). Hội đồng giáo sư của trường khoảng 1500 giáo sư, thành lập tháng 4 năm 2008, học tập mô hình của trường Đại học Stanford, có chức trách phản hồi, cho ý kiến về các vấn đề chuyên môn, Đứng đầu hội đồng giáo sư có Ban trị sự (gồm 50 giáo sư uy tín nhất) và Ban cố vấn (gồm 9 giáo sư)

Nhà trường có quyền tự quyết trong việc tuyển dụng lao động, giáo viên tuyển dụng ký hợp đồng ba năm một, sau 6 năm không đạt được chức danh phó giáo sư thì nhà trường sẽ không tuyển dụng nữa, giáo viên thường xuyên được đánh giá giờ giảng bởi Hội đồng khoa học khoa và sinh viên mới được tiếp tục đứng lớp.

1.4.1.2 Kinh nghiệm của Trung Quốc:

Ở Trung Quốc, mối quan hệ giữa Nhà nước với các trường ĐHCL khá chặt chẽ. Nhà nước đảm trách phần lớn các chi phí hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường và thực hiện khá nghiêm ngặt kiểm soát hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động tài chính của nhà trường nói riêng. Trước sức ép về nhu cầu mở rộng quy quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục ĐHCL, Chính phủ Trung Quốc phải giảm tỷ lệ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học và chi tăng lượng đầu tư tuyệt đối. Cùng với giảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục ĐHCL, chính phủ Trung Quốc cũng nói lỏng kiểm soát quá trình ngân sách đối với các trường ĐHCL và cho phép các trường ĐHCL đa dạng hóa việc huy

động các nguồn lực đã có tác động tích cực đến tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính.

Trong những năm gần đây GDDH ở Trung Quốc phát triển nhanh chóng, nhà nước đã thực hiện những cải cách nhằm thúc đẩy GDDH theo kịp sự phát triển kinh tế và đáp ứng được nhu cầu học đại học của các đối tượng trong xã hội. Việc cải cách cơ chế quản lý tài chính GDDH của Trung Quốc được thực hiện theo các hướng sau: Chuyển giao phần lớn các trường đại học, cao đẳng cho địa phương quản lý; Cải cách thể chế đầu tư, xây dựng, phát triển các trường ngoài công lập; Cải cách thể chế giáo dục, thực hiện xã hội hóa GDDH, theo tạp chí Tài chính (tháng 12/2016).

1.4.1.3 Kinh nghiệm của Mỹ

Mỹ là một quốc gia nổi tiếng với nền giáo dục phát triển mạnh mẽ cùng hệ thống các trường đại học chất lượng cao. Một trong những đặc trưng của hệ thống GDDH của Mỹ là mức độ phân quyền rất cao. Quản lý nhà nước hoạt động GDDH thuộc về cơ quan quản lý liên bang và cơ quan quản lý bang.

Theo Nguyễn Trọng Hoài (10/2018), cuộc khảo sát toàn cầu về GDDH năm 2006 do tạp chí The Economist thực hiện đã nhận xét về sự thành công của GDDH của Mỹ có được là do vai trò của Chính phủ và do mức độ tiếp cận cao với các nguồn tài chính. Ngày nay, giáo dục đại học Mỹ đã đạt được những thành tựu lớn lao đến mức trở thành một khuôn mẫu cho nhiều quốc gia khác và có một ảnh hưởng to lớn trên toàn cầu. Trong bảng xếp hạng ngày 14/6/2017, Times Higher Education đã chính thức công bố kết quả xếp hạng danh tiếng các trường đại học trên thế giới năm 2017, với 8 vị trí trong số 10 trường đứng đầu đã thuộc về các trường đại học Hoa Kỳ. Một trong những nhân tố có tính chất quyết định tạo nên những thành tựu to lớn của Mỹ đó là tính chất dân chủ trong hệ thống tổ chức và quản trị. Tính dân chủ được thể hiện bởi Mỹ không có Bộ Giáo dục để kiểm soát và đánh giá chất lượng cũng như hoạt động của các trường. Nhưng thay vào đó là các tổ chức kiểm định sẽ thực hiện kiểm định chất lượng của các ngành đào tạo và các trường đại học, dựa trên những tiêu chuẩn kiểm định được công bố minh bạch và công khai. Mặc dù phát triển rất mạnh về cả số lượng lẫn chất lượng, phần lớn đại

học tư ở Mỹ là những tổ chức phi lợi nhuận. Nếu là tổ chức vì lợi nhuận thì nhà nước sẽ thu thuế và họ có thể sử dụng lợi nhuận sau thuế để chia cho các cổ đông. Nếu là tổ chức phi lợi nhuận thì nhà nước không thu thuế, nhưng lợi nhuận của nhà trường nếu có sẽ được đầu tư cho phát triển và cho lợi ích của sinh viên, chẳng hạn các quỹ học bổng và tài trợ nghiên cứu.

Tại Mỹ, các trường đại học hoạt động không chỉ dựa trên ngân sách nhà nước, nguồn thu từ học phí, nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ, mà còn dựa vào một nguồn quỹ hiến tặng khổng lồ từ các tổ chức và cá nhân, đặc biệt là cựu sinh viên của nhà trường. Theo Tổ chức The Council for Aid to Education cho biết năm 2012, Quỹ hiến tặng từ các nguồn đóng góp cho 3.500 trường Đại học của Mỹ năm 2012 đã quyên được gần 31 tỷ đô la Mỹ để đầu tư cho việc giảng dạy và nghiên cứu của các trường đại học. Nổi bật về nhận các khoản đóng góp đó là Trường Đại học Harvard trong năm 2012 là 650 triệu đô la Mỹ, Trường Đại học Stanford là 1,03 tỷ đô la Mỹ, Trường Đại học Yale là 554 triệu đô la Mỹ. HĐQT của các trường ĐH Mỹ có trách nhiệm bảo đảm ngân quỹ của nhà trường được sử dụng một cách thích đáng, tài sản của nhà trường được quản lý một cách phù hợp, và mang lại những kết quả tích cực. Làm cách nào để thực hiện được điều này là trách nhiệm của hiệu trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt do hiệu trưởng phân công. Các quyết định mang tầm chiến lược cũng được HĐQT bỏ phiếu để thông qua quy định về tuyển sinh, về học bổng, thông qua các chương trình đào tạo trên cơ sở các báo cáo thường xuyên về tái cấu trúc chương trình kéo theo nó là phân bổ lại ngân sách và nguồn lực, hợp tác liên kết với các trường khác. Mặc dù các trường đại học được tự chủ rất cao nhưng họ vẫn nhận được tài trợ và cùng với các nguồn khác, ví dụ như các trường đại học công được nhận tài trợ từ tiểu bang. Đối với kinh phí cho nghiên cứu thì cả trường công và trường tư được tài trợ từ ngân sách liên bang và ngân sách liên bang còn tài trợ cho sinh viên vay tiền để đóng học phí.

Về mặt tài chính, vai trò của Hội đồng nhà trường là thiết lập cơ chế và chính sách, giúp cho hoạt động tài chính của nhà trường diễn ra lành mạnh, kiểm soát chi

phí nhằm bảo đảm ngân sách của nhà trường được sử dụng một cách đúng đắn và tìm kiếm các cơ hội giúp ổn định cán cân tài chính của nhà trường.

1.4.2 Kinh nghiệm trong nước

1.4.2.1 Kinh nghiệm của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Cùng với các trường đại học như Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh ... thì trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội là một trong sáu trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn thực hiện thí điểm tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và đầu tư giai đoạn 2008-2012, trường đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên từ năm 2008. Giai đoạn ban đầu khi cắt nguồn thu NSNN đột ngột đã tác động rất lớn đến nguồn tài chính của trường. Để bù đắp nguồn thiếu hụt khi NSNN cắt chi thường xuyên, trường phải tăng nguồn thu từ hệ đào tạo không chính quy, thu hoạt động dịch vụ, sau này tăng nguồn thu từ các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, liên kết quốc tế và mở rộng nhiều hình thức đào tạo. Mô hình quản lý tài chính tại trường Đại học kinh tế Quốc dân là tự chủ tài chính. Mô hình này đã mở ra cho trường được quyền tự chủ về tuyển sinh, chủ động trong liên kết đào tạo, mở ngành, đa dạng hóa hình thức đào tạo, tăng nguồn thu từ học phí để tự bảo đảm chi thường xuyên, tăng thu nhập của cán bộ công nhân viên lên 10% năm so với trước khi TCTC. Tuy nhiên, nguồn thu phần lớn nhờ vào mở rộng quy mô và đa dạng hóa các hình thức đào tạo, cũng như nhiều trường ở Việt Nam cơ cấu nguồn thu từ NCKH và kết quả hoạt động khoa học còn chưa cao. Theo Quyết định giao thí điểm tự chủ của Chính phủ thì được quyền rất rộng, nhưng khi thực hiện lại bị vướng mắc bởi nhiều văn bản chưa đồng bộ, theo Đồng Thế Hiển (2017).

1.4.2.2 Kinh nghiệm của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng với trường Đại học Tôn Đức Thắng và trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội thì Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cũng là một trong sáu trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn thực hiện thí điểm tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên giai đoạn 2008-2012. Ngày 29/12/2014, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2377/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động Trường Đại học Kinh tế Thành phố

Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2017. Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm TCTC thì trường tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư; được tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo Quyết định đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương đầu tư từ nguồn NSNN và tích lũy của Trường. Trường có 15 đơn vị đào tạo, 14 đơn vị quản lý chức năng, 7 đơn vị quản lý và phục vụ đào tạo. Ngoài các đơn vị đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM còn có hai cơ sở nghiên cứu và đào tạo cao cấp tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ và 4 trung tâm, chương trình đào tạo liên kết quốc tế. Ngoài ra, trường có 9 trung tâm nghiên cứu, dịch vụ khoa học - thông tin kinh tế và hai công ty TNHH một thành viên hoạt động trong lĩnh vực in và sách. Quy mô nhân sự khá lớn, có tổng số cán bộ công nhân viên khoảng 1.000 người, cán bộ viên chức khối phòng ban chiếm 30%, giảng viên có 13 giáo sư, 58 phó giáo sư, 206 tiến sỹ, 329 thạc sỹ và trên 100 cử nhân; Với quy mô trên 25.000 sinh viên các bậc đào tạo, trong đó có 14.700 sinh viên đại học chính quy, 8.000 sinh viên đại học không chính quy, 300 sinh viên hệ đào tạo liên kết, 2.500 học viên cao học, 300 nghiên cứu sinh. Số sinh viên chính quy sau khi có quyết định thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đã tăng về quy mô, số tuyển sinh từ 4.000 năm 2015 lên 5.000 năm 2016, tuyển sinh đầu vào hệ cao học là 1.000 chỉ tiêu/năm và NCS là 100 chỉ tiêu/năm. Mức học phí cho các hệ đã được điều chỉnh thí điểm trước từ giai đoạn 2008-2012 và tiếp tục tăng ở giai đoạn 2014-2017 nên vấn đề tăng học phí không ảnh hưởng nhiều đến tuyển sinh đầu vào. Tuy nhiên, nếu so sánh cả quá trình thì việc tăng học phí có ảnh hưởng ít nhiều đến điểm chuẩn đầu vào của trường. Trước đây điểm chuẩn đầu vào của trường ĐH Kinh tế TP.HCM luôn ở tốp cao trong khối ngành kinh tế (từ 21-23,5 bình quân), nhưng năm 2016, khi học phí tăng lên 17,5 triệu năm thì điểm đầu vào giảm xuống 18 cho một số ngành khó tuyển (dù học phí ngành này thấp 50-70% so với ngành cao) và 21 điểm cho những ngành dễ tuyển. Những ngành có học phí thấp gồm kinh tế chính trị, kinh tế nông nghiệp, toán tài chính, thống kê kinh tế bằng 50% các ngành thuộc khối ngành quản lý (quản trị kinh doanh, marketing, tài chính- ngân hàng, kế toán, anh văn chuyên ngành, kinh tế đầu tư, bất động sản và luật kinh tế...). Học phí chương trình chất

lượng cao và chương trình tiên tiến 25 triệu/năm, cao học 30 triệu năm và NCS 40 triệu/năm. Với quy mô về đào tạo hiện có, đã góp phần cho nguồn thu từ đào tạo chiếm trên 80% tổng nguồn thu của trường, còn lại thu từ hoạt động dịch vụ, đầu tư tài chính, lãi ngân hàng. Về chế độ chính sách đối với người học, trường có quỹ học bổng cho sinh viên do các doanh nghiệp tài trợ và trích lập từ nguồn thu của trường. Tổ chức bộ máy và nhân sự trường, có hội đồng trường gồm một số thành viên trong trường và 5 thành viên bên ngoài là lãnh đạo thành phố, vùng Tây Nam Bộ và các tập đoàn lớn. Trường có chiến lược thu hút và ký kết hợp đồng làm việc với chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực NCKH và đào tạo đang tiến tới quốc tế hóa trong các lĩnh vực hoạt động của trường. Các chương trình liên kết quốc tế của trường có rất nhiều chuyên gia, giảng viên nước ngoài có chuyên môn, phương pháp sư phạm tiên tiến, nghiên cứu hiện đại và có nhiều kinh nghiệm. Đây chính là lợi thế cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập của trường. Một số vị trí công việc như bảo vệ, vệ sinh trường thực hiện ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ thuê ngoài đã tinh giảm được biên chế, bộ máy và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ. Hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ của trường, có cơ chế khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín như ISI, Scopus, ABS, ABCD với mức rất cao từ 100 triệu đồng đến 200 triệu đồng và cho tạm ứng 50% ngay khi được phê duyệt đề tài, trong đó đề tài cấp trường được tài trợ từ kinh phí của trường. Lợi thế của trường khi chuyển qua TCTC là: Có tích lũy lớn do những năm trước đây quy mô đào tạo phi chính quy, chủ yếu hệ vừa học vừa làm và bằng hai lớn; Có đội ngũ mạnh trên 30% có trình độ tiến sỹ trở lên; có hệ thống cơ sở vật chất tương đối tốt nằm trong các quận nội thành TP. Hồ Chí Minh. Khi chuyển sang TCTC trường cũng gặp một số khó khăn như quy mô phi chính quy giảm mạnh, phải đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất để đảm bảo nâng cao chất lượng giảng dạy và mức thu học phí điều chỉnh tăng, ngành khó tuyển sinh phải hạ mức học phí để thu hút người học là các ngành kinh tế chính trị, kinh tế nông nghiệp, thống kê toán. Về quy định của pháp luật còn chưa đồng bộ với quyền tự chủ nên trường phải làm việc với các bộ, ngành trung ương xin ý kiến, chủ trương như việc bổ nhiệm nhân sự còn năng lực, trình độ được kéo dài tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật vào các vị

trí quản lý, theo Báo cáo ba công khai của trường Đại học Kinh tế - Quốc dân (2018).

1.4.2.3 Kinh nghiệm của Trường Đại học Hà Nội

Là một trong những trường đại học công lập đầu tiên của Thủ đô Hà Nội, Trường Đại học Hà Nội - trước đây có tên là Trường Đại học Ngoại ngữ- luôn gắn kết kinh nghiệm giảng dạy của mình với giá trị di sản văn hóa giàu truyền thống xây dựng của Thủ đô ngàn năm văn hiến. Trường đại học Hà Nội là một trong những trường đại học đầu tiên trong toàn quốc thực hiện tự chủ về tài chính. Theo đó, mỗi năm Nhà nước thực hiện cắt giảm 20% số kinh phí chi thường xuyên và từ năm 2008, nhà trường hoàn toàn không được nhận nguồn ngân sách này từ Nhà nước. Song trường đã chủ động cân đối các nguồn thu, tiếp tục đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất tương đối khang trang, hiện đại, phục vụ cho đổi mới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại trường ngày càng được nâng cấp và hoàn thiện. Hiện nay trường đang sở hữu hệ thống 20 phòng máy dạy - học ngoại ngữ, phòng dạy dịch ca-bin chuyên nghiệp, phòng dạy - học từ xa đạt tiêu chuẩn châu Âu, đi đầu trong số các trường ngoại ngữ tại Việt Nam. Hàng chục phòng học đa năng (multimedia) với hàng trăm máy tính nối mạng, được cài đặt các phần mềm học ngoại ngữ, chuyên ngành hiện đại. Mạng quản lý điện tử nội bộ với trên 500 máy tính văn phòng, đăng ký tự chọn môn học, thời gian học trực tuyến giúp sinh viên chủ động trong việc học tập. Thư viện mở với trên 50.000 đầu sách, 2.000 băng, đĩa CD, hơn 200 máy tính nối mạng (hoạt động 16/24 giờ/ngày). Hệ thống mạng không dây công nghệ mới phủ sóng toàn Trường cho phép sinh viên tự học mọi lúc, mọi nơi. Nhà ăn sinh viên sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu ký túc xá với đáp ứng chỗ ở cho hàng ngàn sinh viên Việt Nam và nước ngoài; sân vận động cho nhiều môn thể thao.

Nhà trường từng bước mở rộng quy mô, đa dạng hóa các ngành đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Với 11 ngành ngoại ngữ; 9 chuyên ngành khác ngoài ngôn ngữ, dạy - học hoàn toàn bằng ngoại ngữ; 6 trung tâm đào tạo và hợp tác quốc tế... Trường Đại học Hà Nội tự hào là cơ sở giáo dục

hàng đầu của cả nước trong đào tạo, nghiên cứu về ngoại ngữ và chuyên ngành bằng ngoại ngữ. Hàng năm, nhà trường đào tạo hơn 15 nghìn sinh viên và học viên các hệ. Mười năm qua, nhà trường gửi hơn 400 lượt giáo viên đi bồi dưỡng và đào tạo sau đại học ở nước ngoài, đồng thời mạnh dạn tuyển dụng nhiều giảng viên trẻ có trình độ được đào tạo ở nước ngoài về. 90% số giảng viên được đào tạo chính quy và tu nghiệp hàng năm tại các trường đại học danh tiếng thế giới. Đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản, tác phong nghiêm túc, làm việc hiệu quả. Công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường được đẩy mạnh góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo sinh viên. Nhà trường hiện có quan hệ, hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với hơn 60 trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế. Đặc biệt, trường có tám chương trình đào tạo được các trường đại học nổi tiếng trên thế giới công nhận tương đương. Để có được những thành quả như ngày hôm nay, nhà trường thực hiện công khai, minh bạch mọi hoạt động, trong đó chú trọng công khai về tài chính và thu nhập, công khai về chất lượng đào tạo và các chế độ chính sách, phát huy mạnh mẽ dân chủ cơ sở, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, đề cao vai trò trách nhiệm của mỗi cá nhân trước nhà trường với công việc được giao. Bên cạnh đó, việc gia tăng nguồn thu là một trong những nội dung then chốt của nhà trường để duy trì hoạt động và phát triển. Ngoài ra, trường cũng đã dành một khoản kinh phí lớn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhất là chú ý đúng mức đội ngũ giảng viên trẻ; có chính sách trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, khuyến khích động viên kịp thời người có nhiều công đóng góp cho sự phát triển chung của trường, theo Mô hình về tự chủ tài chính của trường Đại học Hà Nội (6/2019).

1.4.3 Bài học kinh nghiệm về quản lý tài chính cho ĐHQG-HCM

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quản lý tài chính của một số nước trên thế giới cũng như thực trạng quản lý tài chính tại một số trường đại học của Việt Nam, có thể nhận thấy các mô hình quản lý tài chính rất đa dạng, tùy vào đặc điểm văn hóa, điều kiện kinh tế và tình hình phát triển thực tế của mỗi nước để áp dụng các mô hình một cách hiệu quả và phù hợp. Đối với các trường Đại học công lập ở Việt

Nam nói chung và ĐHQG-HCM nói riêng, chúng ta nên xem xét và có chọn lọc những nội dung quản lý tài chính phù hợp với đặc điểm của chúng ta, điểm nổi bật ở đây là các nước trên thế giới đang có xu hướng chung trong quản lý tài chính là tự chủ tài chính. Từ đó có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm về quản lý tài chính cho ĐHQG-HCM như sau:

1.4.3.1 Tăng cường bộ máy quản lý trong hệ thống

ĐHQG-HCM cần hoàn thiện công tác thành lập Hội đồng trường ở tất cả các đơn vị thành viên và trực thuộc của ĐHQG-HCM. Hội đồng trường phải chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng đào tạo, về sự chính trực trong học thuật, về tài chính và tài sản của nhà trường. Các thành viên trong Hội đồng phải là người xây dựng chủ trương đường lối và chính sách, là người biện hộ và bảo vệ cho nhà trường. Hội đồng trường phải chịu trách nhiệm giải trình trước ĐHQG -HCM, trước các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về kết quả hoạt động của trường. Thành viên Hội đồng trường có đại diện Ban giám Đốc ĐHQG-HCM, Ban lãnh đạo các đơn vị thành viên và trực thuộc và nên có đại diện các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà trường tham gia. Hội đồng trường có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của nhà trường/ đơn vị và Hội đồng trường cũng phải có trách nhiệm, thẩm quyền trong việc tổ chức các hoạt động huy động tài trợ và phân phối tài chính cũng như các nguồn lực cho cơ sở và như xây dựng các chiến lược phát triển dài hạn cho đơn vị.

1.4.3.2 Đổi mới quản lý tài chính theo hướng tư duy quản lý

ĐHQG-HCM cần xác định rõ trong công tác phân định người làm chuyên môn và người làm công tác quản lý. Các nhà lãnh đạo (những người đứng đầu các đơn vị thành viên và trực thuộc) không nhất thiết phải đủ tiêu chuẩn, yêu cầu học hàm học vị cao, tuy nhiên họ phải là những người có kinh nghiệm, là người năng động, có năng lực và giỏi trong công tác quản lý.

1.4.3.3 Xây dựng lộ trình tự chủ tài chính phù hợp

Xu hướng chung hiện nay của các nước trên thế giới là quản lý tài chính theo hướng tự chủ do Ngân sách nhà nước cắt giảm chi tiêu cho giáo dục. ĐHQG-HCM cần xây dựng lộ trình tự chủ cho các đơn vị thành viên và trực thuộc một cách cụ

thể, phân loại các loại hình tự chủ theo đặc điểm của từng đơn vị để có cơ sở phân bổ và giao dự toán Ngân sách phù hợp, hiệu quả.

1.4.3.4 Tăng cường huy động nguồn tài trợ từ bên ngoài

Hiện nay các trường Đại học công lập của Việt Nam công tác huy động nguồn lực ngoài xã hội cho giáo dục đào tạo còn hạn chế. ĐHQG-HCM cần tăng cường khai thác các nguồn tài trợ trong và ngoài nước để hỗ trợ các hoạt động phát triển chung trong hệ thống thông qua mạng lưới các cựu sinh viên, học viên, các tập đoàn lớn, các đối tác trong và ngoài nước ... mục đích tăng nguồn thu cho đơn vị và giảm nhu cầu kinh phí từ Ngân sách Nhà nước, hướng tới tự chủ bền vững. Kinh nghiệm của các nước về tự chủ đại học cho thấy, trường nào càng huy động được nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước càng lớn, trường đó càng phát triển về chất lượng cũng như mọi hoạt động khác của nhà trường.

1.4.3.5 Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính đối với người học

ĐHQG-HCM cần xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính đặc biệt cho người học thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo được miễn, giảm học phí có cơ hội tiếp cận, học tập. Ngoài các đối tượng được miễn, giảm theo chính sách của Nhà nước các cơ sở giáo dục cần thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên học giỏi, xuất sắc, sinh viên là đối tượng chính sách từ các quỹ hỗ trợ sinh viên. Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên khó khăn được vay vốn từ tổ chức tín dụng và hoàn trả sau khi tốt nghiệp, đi làm hoặc sinh viên với chương trình khởi nghiệp.

Từ kinh nghiệm quản lý tài chính của các nước trên thế giới và một số trường ĐHCL của Việt Nam, tác giả đề xuất mô hình quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM theo sơ đồ sau:

Yếu tố đầu vào	Nhân tố tác động				Kết quả đầu ra
	<i>Môi trường bên ngoài</i>	→	QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	→	Chương trình đào tạo phù hợp

<ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> • Điều kiện kinh tế - xã hội 				Chất lượng sinh viên ra trường đáp ứng nhu cầu thị trường
<ul style="list-style-type: none"> • Nguồn thu học phí (bao gồm thu sự nghiệp và hoạt động dịch vụ) 	<ul style="list-style-type: none"> • Chính sách pháp luật 				Các công trình nghiên cứu khoa học
<ul style="list-style-type: none"> • Thu từ hoạt động dịch vụ và chuyển giao các công trình nghiên cứu khoa học 	<p><i>Môi trường bên trong</i></p>		↕		Sản phẩm dịch vụ
<ul style="list-style-type: none"> • Đóng góp từ cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> • Chiến lược phát triển của nhà trường 				
<ul style="list-style-type: none"> • Tài trợ nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức bộ máy quản lý 			TỰ CHỦ TÀI CHÍNH	
<ul style="list-style-type: none"> • Thu hợp pháp khác 	<ul style="list-style-type: none"> • Các công cụ quản lý tài chính và năng lực lãnh đạo 				

Sơ đồ 1.2 Mô hình quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã trình bày tổng quan về các khái niệm, đặc điểm, vai trò, quy trình của hoạt động quản lý tài chính trong các trường ĐHCL của Việt Nam. Với việc nghiên cứu về lý thuyết về quản lý tài chính các trường ĐHCL qua chương này, tác giả đã làm rõ được một số vấn đề về các nội dung quản lý tài chính cũng như nêu lên các nhân tố tác động đến quản lý tài chính tại các trường ĐHCL. Ngoài ra chương 1 cũng đã tìm hiểu và rút ra một số kinh nghiệm tăng cường công tác quản lý tài chính cho ĐHQG-HCM thông qua việc tìm hiểu các mô hình quản lý tài chính và các kinh nghiệm quản lý tài chính của một số nước trên thế giới cũng như một số trường Đại học trong nước. Đây là phần cơ sở lý luận quan trọng làm tiền đề cho việc phân tích thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM ở chương 2 và là cơ sở đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM ở Chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1 Tổng quan về Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1 Giới thiệu chung

ĐHQG-HCM được thành lập ngày 27 tháng 01 năm 1995 theo Nghị định 16/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở sắp xếp 9 trường đại học lại thành 8 trường đại học thành viên và chính thức ra mắt vào ngày 6 tháng 02 năm 1996. ĐHQG- HCM được tổ chức lại theo Quyết định số 15/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 26/3/2014, Chính phủ đã ban hành lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg . Theo đó, ĐHQG-HCM là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến, làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

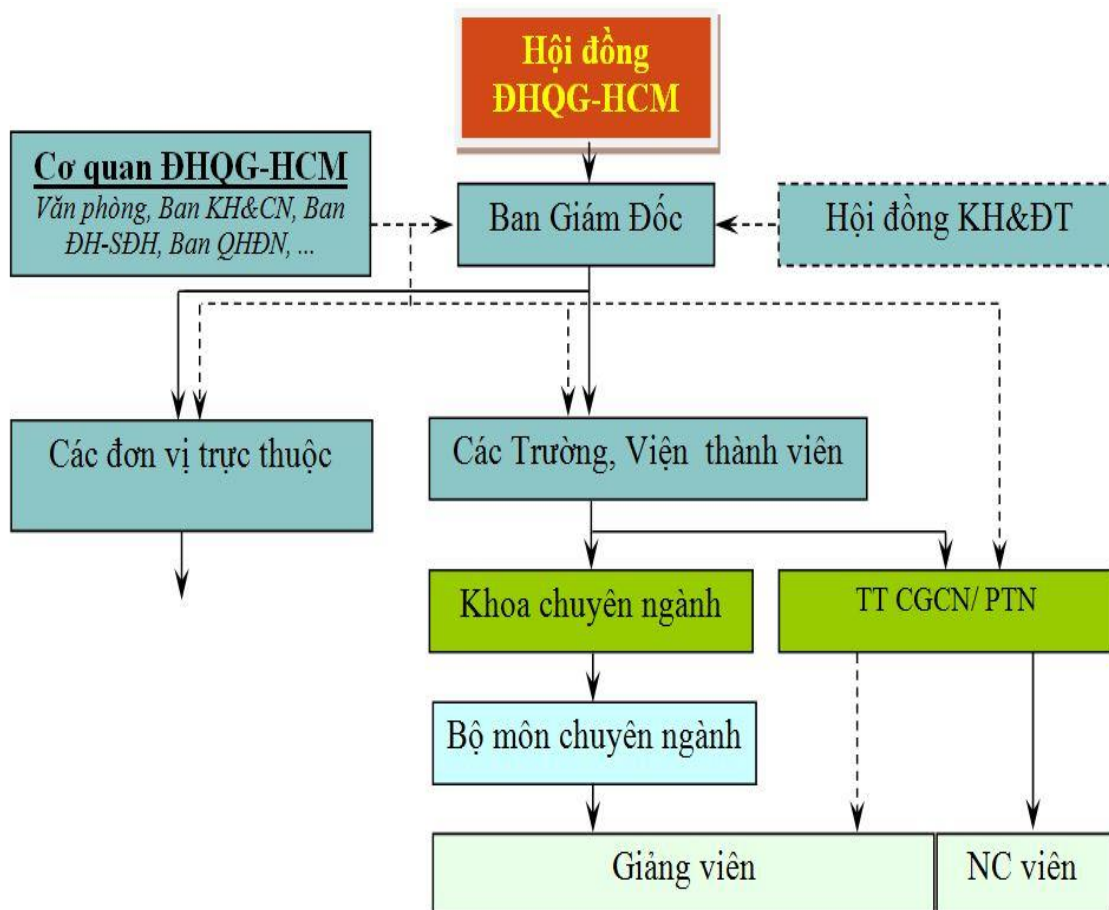
Tính đến thời điểm hiện nay, ĐHQG-HCM là một trong những cơ sở giáo dục lớn của Việt Nam với 26 đơn vị trực thuộc về các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và 8 đơn vị thành viên gồm các trường Đại học và Viện nghiên cứu.

“ĐHQG-HCM được quản trị, điều hành, quản lý theo mô hình hệ thống đại học mẫu mực với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao trước xã hội đồng thời tự kiểm soát và kiểm soát môi trường sáng tạo khoa học, tự do học thuật trong khu đô thị đại học kiểu mẫu”, theo Quy chế tổ chức hoạt động (2014).

Theo Chiến lược ĐHQG-HCM (2016), ĐHQG-HCM được xây dựng với mục tiêu tổng quát: “Phát triển hệ thống và hoàn thiện mô hình tổ hợp (hệ thống) ĐHQG -HCM trên cơ sở của tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình (Accountability) và trách nhiệm tương ứng (Corresponding Responsibility)”, cũng

như ý tưởng của các đại học hàng đầu trên thế giới, sứ mạng ĐHQG-HCM đã cam kết thực hiện chính là: “Thúc đẩy tiến bộ xã hội” .

Cơ cấu tổ chức của ĐHQG-HCM được thể hiện qua sơ đồ sau :



Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức ĐHQG-HCM

(Nguồn: Truy cập từ Website ĐHQG-HCM: [www.http://vnuhcm.edu.vn](http://vnuhcm.edu.vn) , năm 2018)

Danh mục các trường Đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc ĐHQG - HCM được trình bày ở Phụ lục 11.

2.1.2 Đội ngũ cán bộ - viên chức

Giám đốc ĐHQG-HCM là người đứng đầu, đại diện pháp lý của ĐHQG-HCM trong quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tất cả các mặt hoạt động của ĐHQG-HCM.

Về đội ngũ, năm 2018, ĐHQG-HCM có tổng cộng khoảng 5.241 cán bộ - công chức với khoảng 2.400 viên chức giảng dạy, 2.100 viên chức hành chính và

khoảng 700 cán bộ nghiên cứu. Trong đó gồm: 344 Giáo sư, Phó Giáo sư, 1.212 tiến sĩ, 2.043 thạc sĩ, theo Tài liệu Hội nghị Thường niên ĐHQG-HCM (2018).

Theo chức danh nghề nghiệp, đội ngũ cán bộ viên chức được phân loại theo chức danh nghề nghiệp và theo trình độ chuyên môn. Quy mô đội ngũ cán bộ, viên chức ĐHQG-HCM được trình bày ở Phụ lục 3 và Phụ lục 4.

2.1.3 Quy mô đào tạo

Về hoạt động đào tạo, ĐHQG-HCM được chủ động mở ngành, chuyên ngành đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định mở ngành, chuyên ngành đào tạo theo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiện nay, quy mô đào tạo chính quy (bao gồm các chương trình đại học và sau đại học) của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hơn 60.000 sinh viên đại học chính quy, hơn 10.000 học viên cao học và trên 1.500 nghiên cứu sinh cùng với 99 ngành/nhóm ngành đào tạo bậc đại học, 121 ngành đào tạo bậc thạc sĩ và 89 ngành đào tạo bậc tiến sĩ. Các lĩnh vực đào tạo của ĐHQG-HCM phân bố trong nhiều ngành, bao gồm: kỹ thuật - công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học kinh tế và khoa học sức khỏe, theo Báo cáo Hội nghị thường niên ĐHQG-HCM (2018).

Ngoài hệ đào tạo chính quy thông thường, ĐHQG-HCM còn tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo nguồn nhân lực tài năng, đào tạo liên doanh liên kết trong và ngoài nước, đào tạo chất lượng cao; bên cạnh đó còn hợp tác với các trường đại học có uy tín trên thế giới thực hiện hợp tác liên kết đào tạo theo chương trình tiên tiến, tiêu chuẩn chất lượng của trường đại học, đối tác nước ngoài. Chính vì vậy, quy mô đào tạo của trường tăng lên qua các năm, thể hiện ở Phụ lục 5, Phụ lục 6 và Phụ lục 7.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đại học, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành, từng bước

giảm dần sự hỗ trợ của NSNN trong tổng ngân sách hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập, hiệu chỉnh mức thu học phí để bù đắp chi phí đào tạo thường xuyên, tiến tới cơ sở đào tạo tự đảm bảo bù đắp phần lớn chi phí đào tạo. Từ năm học 2013-2014, ĐHQG-HCM đã từng bước triển khai thí điểm “Chương trình đào tạo chất lượng cao với học phí tương ứng” cho một số chương trình thuộc khối ngành kỹ thuật, khoa học xã hội, kinh tế, luật và công nghệ thông tin tại các trường đại học thành viên. Tương ứng với mức học phí được tính đúng tính đủ, chất lượng đào tạo bước đầu được nâng cao và hướng đến chuẩn mực quốc tế. Tính đến cuối năm 2018, ĐHQG-HCM đã phê duyệt triển khai hơn 21 chương trình đào tạo chất lượng cao với học phí tương ứng với quy mô đào tạo hơn 2.000 sinh viên, theo Báo cáo Hội nghị thường niên ĐHQG-HCM (2018).

Nhằm gia tăng chất lượng nguồn nhân lực đầu vào, ĐHQG-HCM đã triển khai Đề án xây dựng và tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực phục vụ công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng tại ĐHQG-HCM, chú trọng đánh giá các năng lực cơ bản để học đại học của thí sinh như: năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tư duy logic, năng lực phân tích, tổng hợp giải quyết vấn đề. Kết quả kỳ thi giúp mở rộng phương án xét tuyển của các đơn vị trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM, góp phần đánh giá chính xác và toàn diện hơn năng lực của thí sinh, từ đó chọn được thí sinh có năng lực phù hợp, đảm bảo chất lượng đầu vào cho hoạt động đào tạo.

2.1.4 Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Trong những năm qua, ĐHQG-HCM luôn là một trong những đơn vị đứng đầu cả nước về công bố khoa học, đặc biệt là trên các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục SCI, SCIE. Song song với các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế, ĐHQG-HCM cũng đẩy mạnh việc nâng cấp tạp chí trong hệ thống để nhanh chóng hội nhập quốc tế.

Các công bố Khoa học của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018 được trình bày tại Phụ lục 8.

Trên cơ sở triển khai công tác đảm bảo chất lượng bên trong và bên ngoài, từ năm 2016 ĐHQG-HCM đã chủ động tham gia xếp hạng đại học quốc tế thông qua việc cung cấp các số liệu chính thức nhằm khẳng định chất lượng đào tạo cũng như

đạt được sự công nhận quốc tế. Năm 2017, lần đầu tiên ĐHQG-HCM vượt lên xếp hạng 142 châu Á theo bảng xếp hạng Quacquarelli Symonds (QS). Đặc biệt đến năm 2018 tổ chức giáo dục QS Anh quốc đã công bố Bảng xếp hạng cho 1000 trường đại học hàng đầu của 85 quốc gia. Việt Nam lần đầu tiên có 2 Đại học xuất hiện trong bảng xếp hạng, đó là ĐHQG-HCM và ĐHQG Hà Nội. Trong đó, ĐHQG-HCM đứng top 701 - 750, còn ĐHQG - HN đứng top 801 - 1000. Với kết quả này, ĐHQG-HCM được xếp vào top 69% trường đại học hàng đầu trong bảng xếp hạng QS World và thuộc nhóm 4% trường Đại học hàng đầu thế giới trên tổng số 23.000 trường Đại học được xếp hạng, theo Tài liệu Hội nghị thường niên ĐHQG-HCM (2018). Có thể nói đây là kết quả của một quá trình phát triển lâu dài và quyết tâm cải tiến liên tục của ĐHQG-HCM nhằm thực hiện các mục tiêu về chất lượng, khẳng định rõ nét những định hướng chính sách và phương thức triển khai công tác đảm bảo chất lượng tại ĐHQG-HCM trong thời gian qua là đúng hướng và phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học trên thế giới.

Xếp hạng chi tiết các tiêu chí của ĐHQG-HCM trong QS World được trình bày ở Phụ lục 13.

2.2. Khái quát hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

2.2.1 Vai trò, nhiệm vụ quản lý tài chính của ĐHQG-HCM

“ĐHQG-HCM quản lý tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Tất cả các hoạt động dịch vụ của các đơn vị, doanh thu phải được phản ánh và hạch toán minh bạch, đầy đủ vào hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị và đơn vị thực hiện đầy đủ thực hiện nộp ngân sách với Nhà nước”, theo Quy định về cơ chế quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM (2017).

ĐHQG-HCM có các nhiệm vụ chính như triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thu chi ngân sách; Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, điều hành ngân sách, thực hiện chế độ báo cáo về kế hoạch tài chính, quản lý đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật; Quyết định đầu tư các dự án theo quy định của Nhà nước. ĐHQG-HCM phân bổ chi phí quản lý đào tạo, quản lý khoa học và công nghệ, quản lý học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh giữa các đơn vị trong ĐHQG-HCM; Quyết định tỷ lệ trích nộp đối với các khoản thu sự nghiệp của đơn

vị thành viên và đơn vị trực thuộc về đơn vị chủ quản để phục vụ các nhiệm vụ chung của ĐHQG-HCM; Thực hiện công khai tài chính của ĐHQG-HCM theo quy định của Nhà nước.

ĐHQG-HCM quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị dự toán trực thuộc để sử dụng nguồn tài chính theo quy định của pháp luật; chủ động huy động các nguồn tài chính, hỗ trợ các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc phát triển các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật; Quản lý các nguồn lực của đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc; Quản trị cơ sở dữ liệu kế hoạch tài chính thống nhất trong toàn ĐHQG-HCM.

Ngoài ra, ĐHQG-HCM còn có nhiệm vụ ban hành chiến lược, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng và quản lý cũng như điều phối cơ sở vật chất kỹ thuật trong ĐHQG -HCM.

Bên cạnh những nhiệm vụ quan trọng, ĐHQG-HCM cũng có quyền hạn trong hoạt động quản lý tài chính, đó là ĐHQG-HCM có quyền quản lý tất cả các nguồn lực, cơ sở vật chất, các hoạt động về lĩnh vực tài chính, tài sản và sử dụng cơ sở vật chất trong nội bộ của mình, quyền điều hành, sử dụng và chia sẻ các nguồn lực, cơ sở vật chất dùng chung trong hệ thống ĐHQG-HCM.

2.2.2 Quy trình quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

2.2.2.1 Lập dự toán

ĐHQG-HCM nhận quyết định giao chỉ tiêu thu, chi NSNN từ Chính phủ, từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học công nghệ. Ban Kế hoạch - Tài chính của ĐHQG-HCM đề xuất nguyên tắc, kế hoạch, cơ cấu trình Ban giám đốc về phương án giao nhiệm vụ và tài chính. Sau khi có phương án giao nhiệm vụ và tài chính từ Ban giám đốc, ĐHQG-HCM tổ chức Hội nghị giao nhiệm vụ KH-TC cho tất cả lãnh đạo các đơn vị thành viên và trực thuộc để giao chỉ tiêu tài chính, đồng thời gửi Bộ Tài chính các tài liệu thuyết minh phân bổ giao dự toán và gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

Căn cứ dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước được giao, ĐHQG-HCM phân bổ dự toán thu chi NSNN cho các đơn vị thành viên và trực thuộc theo nguyên tắc sau:

Dựa trên kế hoạch tài chính được tính tổng thể các nguồn thu: Ngân sách Nhà nước cấp, học phí, lệ phí, khác, dịch vụ;

Phân bổ Ngân sách nhà nước dựa trên tình hình phân bổ năm trước và đặc thù ngành nghề khó tuyển trên tinh thần duy trì ổn định các hoạt động chi thường xuyên ngân sách cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo;

Bố trí thường xuyên NSNN đảm bảo các chế độ chính sách cho con người và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng được giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị hội thảo, khánh tiết, hạn chế đi khảo sát nước ngoài và bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định.

Trên cơ sở kế hoạch và dự toán được giao, các đơn vị rà soát lần cuối kế hoạch hoạt động và tài chính, lãnh đạo đơn vị thực hiện công khai trong toàn đơn vị theo quy định hiện hành.

Dựa trên kế hoạch chiến lược, chuẩn đầu ra, các mục tiêu hoạt động của đơn vị thành viên và trực thuộc đã được ĐHQG-HCM phê duyệt, các đơn vị rà soát cụ thể lại chi tiết các mục tiêu và kết quả hoạt động dự kiến của năm, từ đó xác định các mảng hoạt động trọng điểm, cơ cấu chi và đầu tư ngân sách hoạt động cho năm tài chính.

2.2.2.2 Chấp hành dự toán

Sau khi nhận quyết định phê duyệt dự toán do ĐHQG-HCM giao, các đơn vị thành viên và trực thuộc tiến hành thực hiện dự toán theo định mức chi tiêu và khả năng nguồn kinh phí được cấp phát. Các nội dung chi phải phù hợp với kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Song song với việc giao dự toán thì ĐHQG-HCM sẽ tiến hành giám sát, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thông qua hệ thống các quy định về quản lý tài chính nội bộ trong hệ thống.

2.2.2.3 Quyết toán ngân sách

Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, các đơn vị thành viên và trực thuộc nộp các báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính theo quy định về ĐHQG-HCM.

ĐHQG-HCM tổng hợp và lên kế hoạch xét duyệt quyết toán tại cơ sở. Thời gian xét duyệt kéo dài có thể hàng quý và phân bổ cho tất cả các đơn vị thành viên và trực thuộc.

Kết thúc đợt duyệt quyết toán, ĐHQG-HCM căn cứ vào các Biên bản làm việc với cơ sở để ra thông báo về việc xét duyệt và thẩm định quyết toán đối với năm trước đó của các đơn vị thành viên và trực thuộc và gửi cho cơ sở.

Căn cứ Thông báo duyệt quyết toán năm trước, các đơn vị thành viên và trực thuộc sẽ điều chỉnh, khắc phục (nếu có) những tồn tại của công tác tài chính đã thực hiện và lấy số liệu đã được phê duyệt làm số liệu quyết toán nguồn kinh phí năm trước đã sử dụng.

Sau đó, ĐHQG-HCM tổng hợp kinh phí quyết toán của các đơn vị thành viên và trực thuộc gửi Bộ tài chính trước ngày 01/10 năm sau.

2.3 Phân tích thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

2.3.1 Phân tích theo nội dung

2.3.1.1 Quản lý nguồn thu

Nguồn thu của ĐHQG-HCM được xem xét dựa trên báo cáo thường niên của đơn vị. Nguồn kinh phí gồm có:

NSNN cấp (sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp KH-CN, sự nghiệp bảo vệ môi trường). Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên cho ĐHQG-HCM chủ yếu dựa vào chỉ tiêu sinh viên của các trường. Việc tổ chức quản lý và sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp được thực hiện theo quy định của nhà nước: Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách.

Nguồn thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, thu khác; hoạt động sản xuất dịch vụ). Các trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM xây dựng mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt trước khi thực hiện. Mức học phí, lệ phí tuyển sinh phải được công bố công khai cùng với thông báo tuyển sinh. Nguồn thu học phí của tất cả các hệ đào tạo chính quy và không chính quy trong ĐHQG-HCM theo loại hình nhà nước giao chỉ tiêu là nguồn thu NSNN, được quản lý tập trung tại tài khoản tiền gửi quỹ học phí của ĐHQG-HCM tại Kho bạc Nhà nước TP.HCM.

Tổng hợp nguồn thu của ĐHQG- HCM giai đoạn 2014 - 2018 được thể hiện ở Bảng 2.11 sau đây:

Bảng 2.1 Tình hình thu tài chính của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 -2018.

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tổng thu	Năm				
		2014	2015	2016	2017	2018
	Tổng cộng	2.235.009	2.655.666	2.917.644	2.558.968	2.713.332
I	Nguồn NSNN cấp	850.319	991.858	1.188.835	750.729	798.737
1	Chi đầu tư phát triển	427.010	474.595	719.523	248.130	227.552
2	Chi thường xuyên	423.308	517.623	469.312	502.559	571.185
II	Nguồn thu tại đơn vị	1.384.691	1.574.808	1.728.809	1.808.239	1.914.595
1	Thu từ phí, lệ phí, thu khác	875.718	990.701	1.114.984	1.117.993	1.216.985
2	Viện trợ	11.319	17.678	29.605	30.644	31.000
3	Thu từ HĐCUDV, KHCN	497.654	566.429	584.220	659.601	666.610

(Nguồn : Tác giả tổng hợp số liệu từ Báo cáo Hội nghị Kế hoạch tài chính các năm 2017, 2018 và 2019 của ĐHQG-HCM)

Từ bảng tổng hợp tình hình thu tài chính của ĐHQG-HCM từ năm 2014 đến năm 2018 ta có bảng tỷ lệ tình hình tăng/ giảm nguồn thu qua các năm như sau:

Bảng 2.2 Tỷ lệ tình hình tăng/giảm nguồn thu qua các năm (2014-2018)

(ĐVT:%)

	% tăng/ giảm 2015 /2014	% tăng/ giảm 2016 /2015	% tăng/ giảm 2017 /2016	% tăng/ giảm 2018 /2017
Tổng cộng	14,8	13,7	-12,3	6,0
NSNN cấp	16,6	19,9	-36,9	6,4
Chi đầu tư phát triển	11,1	51,6	-65,5	-8,3
Chi thường xuyên	22,2	-9,3	7,1	13,7
Nguồn thu tại đơn vị	13,7	9,8	4,6	5,9
Thu từ phí, lệ phí, thu khác	13,1	12,5	0,3	8,9
Viện trợ	56,2	67,5	3,5	1,2
Thu từ HĐCUDV, KHCN	13,8	3,1	12,9	1,1

(Nguồn: Báo cáo Hội nghị Kế hoạch tài chính ĐHQG năm 2017, 2018 và 2019)

Có thể thấy tổng các nguồn thu tài chính tại ĐHQG-HCM nhìn chung đang tăng dần qua các năm. Tuy nhiên nguồn ngân sách cấp năm 2017 giảm đột biến (37%) so với năm 2016. Nguyên nhân là do năm 2016, ĐHQG-HCM được Ngân sách Nhà nước cấp vốn chi đầu tư phát triển thêm từ nguồn vốn nước ngoài của dự án Ngân hàng thế giới (WB) 240 tỷ đồng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và năm 2018 NSNN cấp vốn chi đầu tư phát triển giảm 8,4% so với năm 2017. Các nguồn thu khác của đơn vị giai đoạn 2014 - 2018 đều tăng nhưng tỷ lệ tăng không ổn định và chững lại ở năm 2017, năm 2018. Nguồn thu chủ yếu từ thu học phí của các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM tăng theo lộ trình điều chỉnh học phí quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015. Nguồn thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ, đào tạo, chuyển giao công nghệ và sản xuất kinh doanh cũng tăng không ổn định, năm 2015 tăng 13,8% so với năm 2014 nhưng đến năm 2016 tỷ lệ tăng chỉ 3,1% và đến năm 2017 tăng trở lại 12,9% so với năm 2016

nhưng năm 2018 chỉ tăng 1% so với năm 2017. Điều này cho thấy nguồn thu đến từ hoạt động này còn mới và chưa ổn định.

• **Nguồn kinh phí cho hoạt động thường xuyên**

Nguồn kinh phí cho hoạt động thường xuyên bao gồm NSNN cấp, thu học phí lệ phí, thu từ viện trợ, thu khác và thu từ hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh. Trong đó nguồn thu khác bao gồm thu tiền lãi ngân hàng, các khoản thu từ trích nộp của các đơn vị trực thuộc, thu canteen, nhà xe ... Còn thu từ hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh đã bao gồm hoạt động chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh ở đây chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi.

Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM được thể hiện ở Bảng 2.3 sau đây :

Bảng 2.3 Tình hình tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014-2018

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tổng thu kinh phí hoạt động thường xuyên (*)	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng cộng	2.198.121	2.198.121	2.198.121	2.310.838	2.485.780
I	Thu từ hoạt động thường xuyên	1.310.345	1.525.642	1.613.901	1.651.237	1.819.170
1	NSNN cấp	423.308	517.623	469.312	502.599	571.185
2	Học phí, lệ phí	723.801	788.097	912.265	855.902	953.765
3	Viện trợ	11.319	17.678	29.605	30.644	31.000
4	Khác	151.917	202.604	202.719	262.092	263.220
II	Thu từ hoạt động DV & SXKD	497.654	566.429	584.220	659.601	666.610

(Nguồn: Hội nghị Kế hoạch- Tài Chính ĐHQG-HCM năm 2017, 2018 và 2019)

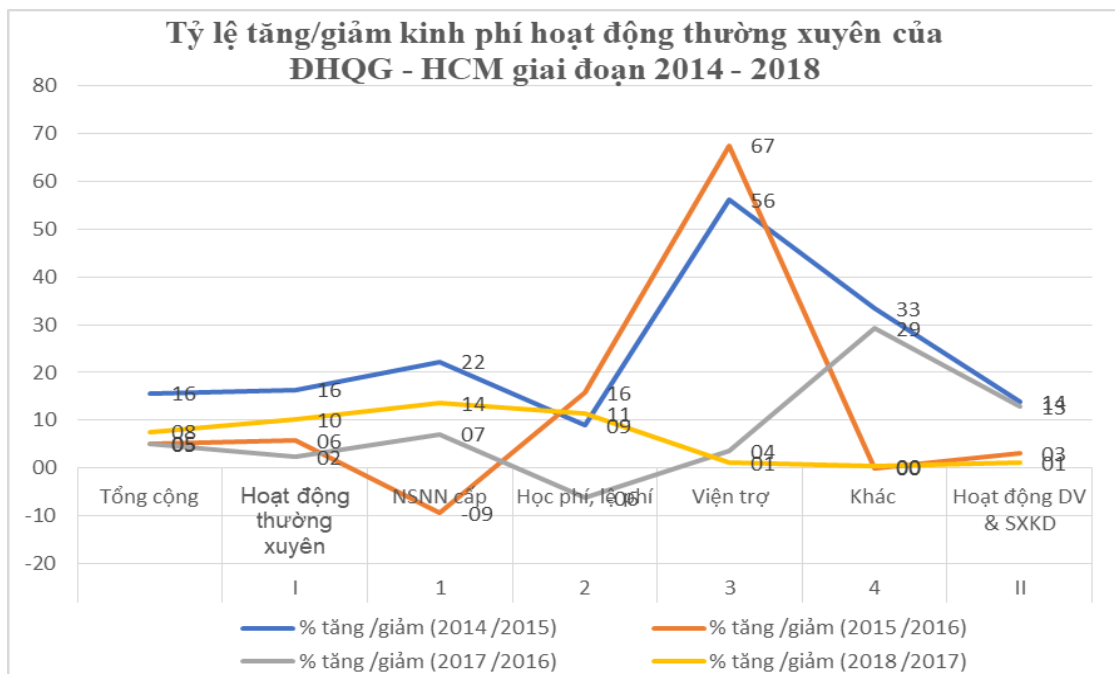
Tỷ lệ tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018 được thể hiện qua Bảng 2.4 dưới đây:

Bảng 2.4 Tỷ lệ tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT:%)

STT	Tổng thu kinh phí hoạt động thường xuyên (*)	% tăng /giảm (2015 /2014)	% tăng /giảm (2016 /2015)	% tăng /giảm (2017 /2016)	% tăng /giảm (2018 /2017)
	Tổng cộng	15,7	5,1	5,1	7,6
I	Hoạt động thường xuyên	16,4	5,8	2,3	10,2
1	NSNN cấp	22,3	-9,3	7,1	13,6
2	Học phí, lệ phí	8,9	15,8	-6,2	11,4
3	Viện trợ	56,2	67,5	3,5	1,2
4	Khác	33,4	0,1	29,3	0,4
II	Hoạt động DV & SXKD	13,8	3,1	12,9	1,1

(Nguồn: Hội nghị Kế hoạch- Tài Chính ĐHQG-HCM năm 2017, 2018 và 2019)



Hình 2.1 Tỷ lệ tăng/giảm kinh phí hoạt động thường xuyên của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

Theo số liệu từ bảng tổng hợp nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên thì tổng thu kinh phí tăng dần qua các năm. Tuy nhiên năm 2016 tốc độ tăng tổng thu kinh phí cho hoạt động thường xuyên sụt giảm do NSNN giảm mạnh (9,3%) so với năm 2015 và năm 2017 nguồn tu từ học phí và lệ phí cũng giảm 6,2% so với năm 2016.

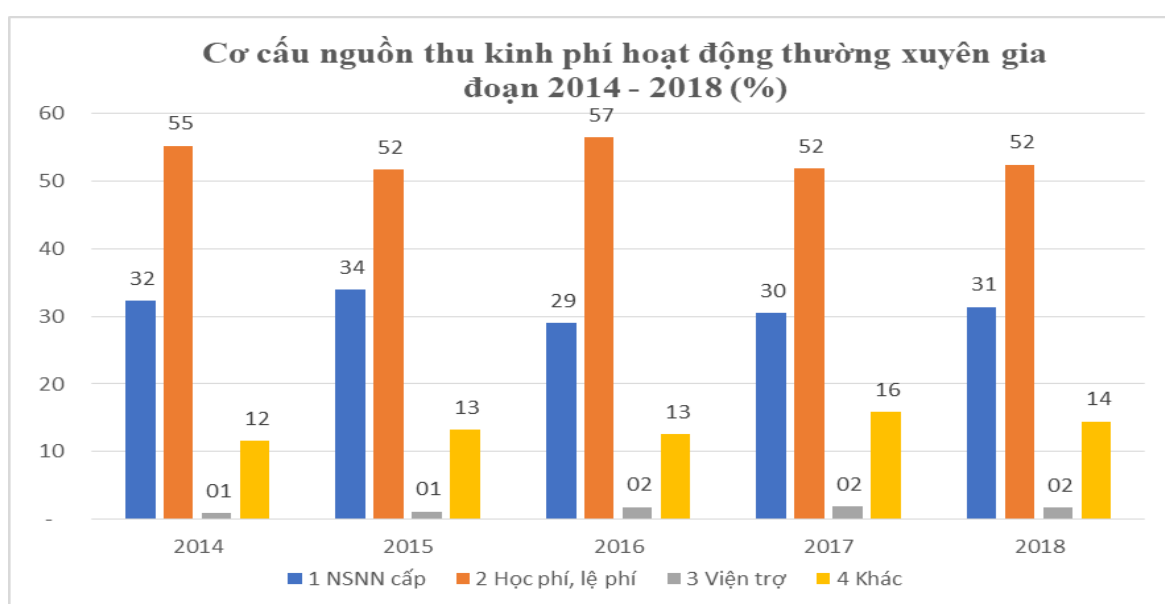
Có thể nhận thấy giai đoạn 2014 - 2018 nguồn thu kinh phí hoạt động thường xuyên đều tăng tỷ lệ tăng chưa ổn định qua các năm.

Nếu xét về cơ cấu nguồn thu ta có bảng 2.5 sau đây:

Bảng 2.5 Cơ cấu nguồn thu kinh phí hoạt động thường xuyên giai đoạn 2014 - 2018 (DVT:%)

STT	Tổng thu nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng cộng	100	100	100	100	100
1	NSNN cấp	32,3	33,9	29,1	30,4	31,4
2	Học phí, lệ phí	55,2	51,7	56,5	51,8	52,4
3	Viện trợ	0,9	1,2	1,8	1,9	1,7
4	Khác	11,6	13,3	12,6	15,9	14,5

(Nguồn: Hội nghị Kế hoạch - Tài Chính ĐHQG-HCM năm 2017, 2018 và 2019)



Hình 2.2 Tỷ lệ % cơ cấu nguồn thu kinh phí hoạt động thường xuyên giai đoạn 2014 - 2018

Giai đoạn 2014 - 2018 cơ cấu nguồn thu tương đối ổn định, trong đó chiếm tỷ lệ chủ đạo vẫn là nguồn thu từ học phí, lệ phí. Chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong tổng thu kinh phí thường xuyên là nguồn NSNN cấp. Nguồn NSNN cấp cho hoạt động thường xuyên bao gồm nội dung cấp cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo (trung bình chiếm 76%), sự nghiệp khoa học công nghệ (chiếm 23.7 %) và sự nghiệp bảo vệ môi trường (0.3%). Nguồn thu viện trợ và nguồn thu khác giữ tỷ trọng ở mức lần lượt từ 1% đến 2% và từ 11% đến 16%.

• **Nguồn kinh phí NSNN cấp cho đầu tư phát triển (Kinh phí không thường xuyên)**

NSNN cấp cho đầu tư phát triển bao gồm các nội dung: Giáo dục đào tạo ; Khoa học công nghệ ; Thể dục thể thao và Công nghệ thông tin.

NSNN cấp cho đầu tư phát triển ngành giáo dục đào tạo biến động giảm. Nguồn vốn cấp để xây dựng các dự án đầu tư trong hệ thống ĐHQG-HCM. Một số dự án lớn như Dự án đầu tư xây dựng Khoa Y; Tiểu dự án đầu tư xây dựng Viện Môi trường & Tài Nguyên và Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư tại khu đô thị ĐHQG-HCM.

Năm 2015 nguồn vốn cấp cho ngành tăng 11% so với năm 2014 với mức tăng 40.126 triệu đồng. Năm 2016 kinh phí được cấp là 586.573 triệu đồng trong đó có vốn trong nước là 346.573 triệu đồng, giảm hơn so với năm 2015 là 12% tương đương giảm 46.427 triệu đồng và 240.000 triệu đồng là từ nguồn vốn Chính phủ vay của Ngân hàng thế giới (World bank) cho chương trình chính sách phát triển giáo dục đại học để thực hiện các dự án cấp thiết: Bồi thường giải phóng mặt bằng khu vực Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trạm xử lý nước thải, phòng thí nghiệm nghiên cứu ung thư của Khoa Y, phòng thí nghiệm độc học môi trường. Đến năm 2017 con số này tiếp tục giảm mạnh so với năm 2016 (42%) và năm 2018 giảm 18% so với năm 2017. Việc nhà nước cắt giảm NSNN cho chi đầu tư phát triển cho ĐHQG-HCM khi nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo giảng dạy của các trường thành viên ĐHQG-HCM đang cấp bách và cần sớm được triển khai để đáp ứng các yêu cầu xây dựng các trường đại học tiên tiến. Số kinh phí này chưa kể đến 130.000 triệu đồng vốn vay từ Công ty đầu tư tài chính Nhà nước Thành phố Hồ

Chí Minh để đầu tư xây dựng khối lớp học, hành lang nối của trường Đại học Quốc tế cũng như xây dựng công trình khối lớp học của trường Đại học Kinh tế Luật trong giai đoạn Nhà nước khó khăn như hiện nay, theo Báo tài liệu Hội nghị Kế hoạch – Tài Chính (2016. 2017 và 2018).

NSNN cấp chi đầu tư phát triển cho ngành KHCN giai đoạn 2014 - 2018 theo xu hướng giảm dần. Năm 2016 tăng lên đến mức 113.000 triệu đồng nhưng trong đó có 31.000 triệu đồng vốn vay từ Nhóm ngân hàng thế giới. Đối với các nguồn này, ĐHQG-HCM hoàn toàn được tự quyết định về mức thu, tuy nhiên nguồn từ NSNN cấp vẫn phải phụ thuộc vào định mức, tiêu chuẩn, nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước. Dẫn đến việc các Bộ, sở, ban ngành địa phương khi thực hiện ký kết đề tài NCKH vẫn phải tuân thủ định mức quy định, chưa thực hiện theo phương thức xây dựng kinh phí gắn với sản phẩm hay kết quả đầu ra của sản phẩm nghiên cứu. Những nhân tố đó sẽ không tạo động lực, thúc đẩy các nhà khoa học và các cơ sở GDDH công lập tham gia nghiên cứu.

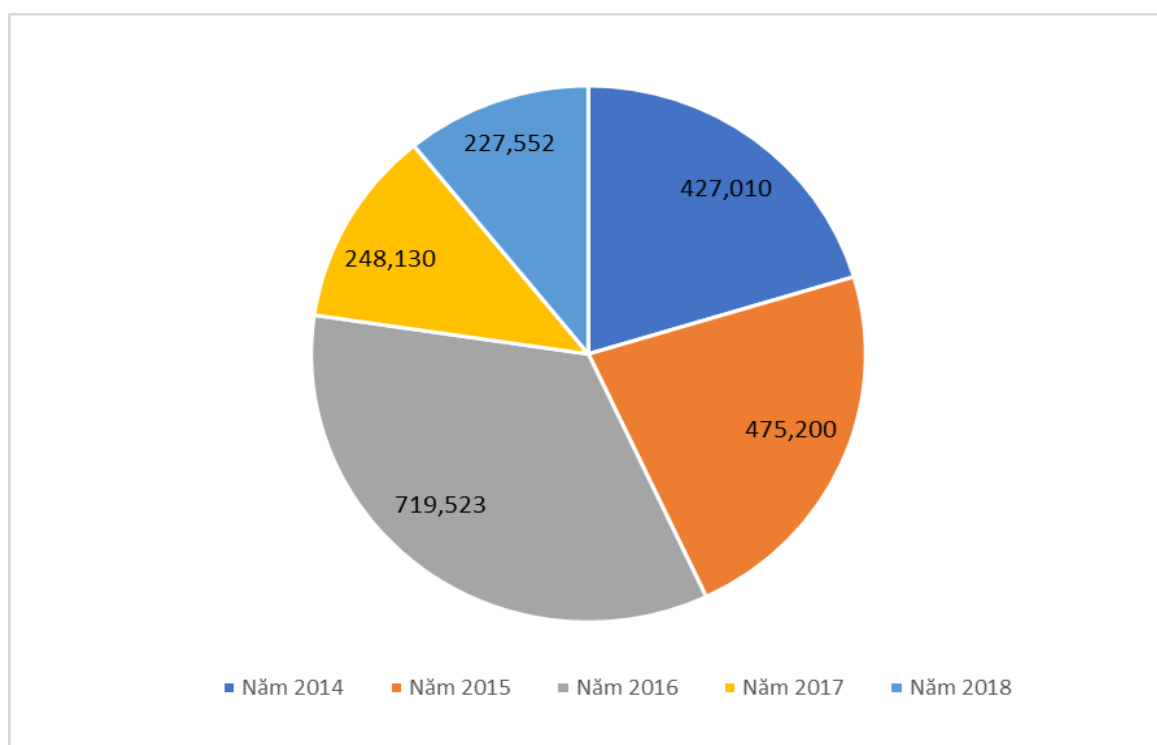
Ngoài ra từ năm 2016, ĐHQG-HCM được cấp thêm kinh phí đầu tư phát triển đối với hai ngành Thể dục thể thao và ngành Công nghệ thông tin. Trong đó tỷ lệ cấp cho hai ngành này là không đáng kể, mỗi ngành chỉ chiếm từ 1 đến 2% tổng mức kinh phí chi đầu tư phát triển.

Bảng 2.6 Tổng kinh phí NSNN cấp cho đầu tư phát triển giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT : Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng cộng	427.010	475.200	719.523	248.130	227.552
1	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	353.074	393.200	586.573	202.675	165.286
2	Khoa học công nghệ	73.936	82.000	112.995	39.525	55.156
3	Công nghệ thông tin	0	0	9.995	5.000	3.000
4	Thể thao	0	0	10.000	930	3.570

(Nguồn: Hội nghị Kế hoạch - Tài Chính ĐHQG-HCM năm 2017, năm 2018 và năm 2019)



Hình 2.3 NSNN cấp cho đầu tư phát triển của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

Nhìn chung NSNN cấp về đầu tư phát triển cho ĐHQG-HCM được phân bổ theo tinh thần không mở rộng dự án với việc ưu tiên cho công tác giải phóng mặt bằng, các công trình kỹ thuật hạ tầng chung, các công trình chuyển tiếp thực hiện. Tuy nhiên các dự án cần được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo thời hạn thanh quyết toán vốn NSNN.

Nhận xét chung về nguồn thu của ĐHQG-HCM

Qua phân tích về thực trạng nguồn thu tại ĐHQG-HCM cho thấy kinh phí NSNN cấp cho ĐHQG-HCM qua các năm có khuynh hướng chững lại và có xu hướng giảm. Điều này cho thấy xu hướng nhà nước giảm dần bao cấp đối với các đơn vị giáo dục đại học thực hiện tự chủ tài chính. Đối với ĐHQG-HCM nguồn thu từ NSNN vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng quy mô thu và đứng thứ 2 sau nguồn thu học phí, lệ phí, điều đó đồng nghĩa với việc ĐHQG -HCM vẫn còn phụ thuộc nhiều vào NSNN.

Nguồn thu từ phí và lệ phí: Mặc dù nguồn thu này tăng dần qua các năm nhưng mức tăng chưa thực sự tương xứng với nhu cầu phát triển của ĐHQG-HCM do bị giới hạn bởi khung học phí của Nhà nước theo quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ. Từ tháng 9/2015 đến nay thu theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ cấu thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm 2020-2021. Qua đó cho thấy nguồn thu từ học phí tại ĐHQG-HCM vẫn chưa được tự chủ hoàn toàn, thể hiện qua việc ĐHQG-HCM vẫn phải phụ thuộc vào trần mức thu học phí do Nhà nước quy định mức trần học phí; mức thu do Nhà nước quy định không căn cứ vào chất lượng đào tạo, nghiên cứu của cơ sở giáo dục. Theo báo cáo kiểm toán năm 2017 của kiểm toán Nhà nước thì tại một số trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM tồn tại việc thu vượt định mức quy định về học phí và thu ngoài danh mục quy định của Nhà nước một số nội dung thu như: lệ phí nhập học, phí tổ chức tốt nghiệp, thi lại, thi bổ sung kiến thức, cải thiện điểm... mà nguyên nhân được cho là khung quy định thu học phí của Nhà nước chưa căn cứ vào chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các đại học thành viên.

Nguồn thu từ tài trợ: Nguồn thu này chiếm tỷ lệ không đáng kể, rất nhỏ so với quy mô thu của ĐHQG-HCM. Trong khi đó mô hình của các nước trên thế giới, điển hình là Mỹ nguồn thu từ tài trợ chiếm tỷ lệ không nhỏ và rất quan trọng trong tổng quy mô nguồn thu, quyết định sự thành công của trường đại học tại Mỹ.

Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh: Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ gồm các khoản thu từ dịch vụ đào tạo, NCKH, tư vấn chuyển giao khoa học công nghệ... nhằm bù đắp chi phí cho các hoạt động; số chênh lệch thu chi được trích lập các quỹ để sử dụng theo quy định. Đối với nguồn này, cũng giống như các trường ĐHCL, ĐHQG-HCM cũng được quyền tự chủ hoàn toàn về quyết định mức thu.

2.3.1.2 Quản lý chi

Nguồn NSNN cấp chi hàng năm gồm chi hoạt động thường xuyên phục vụ đào tạo, chi nghiên cứu khoa học, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi mua sắm

trang thiết bị, chi sửa chữa thường xuyênhiện vẫn đóng vai trò quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu của ĐHQG-HCM. Tất cả các khoản NSNN cấp chi hàng năm được thực hiện theo chỉ tiêu đào tạo được giao hàng năm và dựa trên dự toán của trường thành viên và các đơn vị trực thuộc.

Nội dung chi gồm:

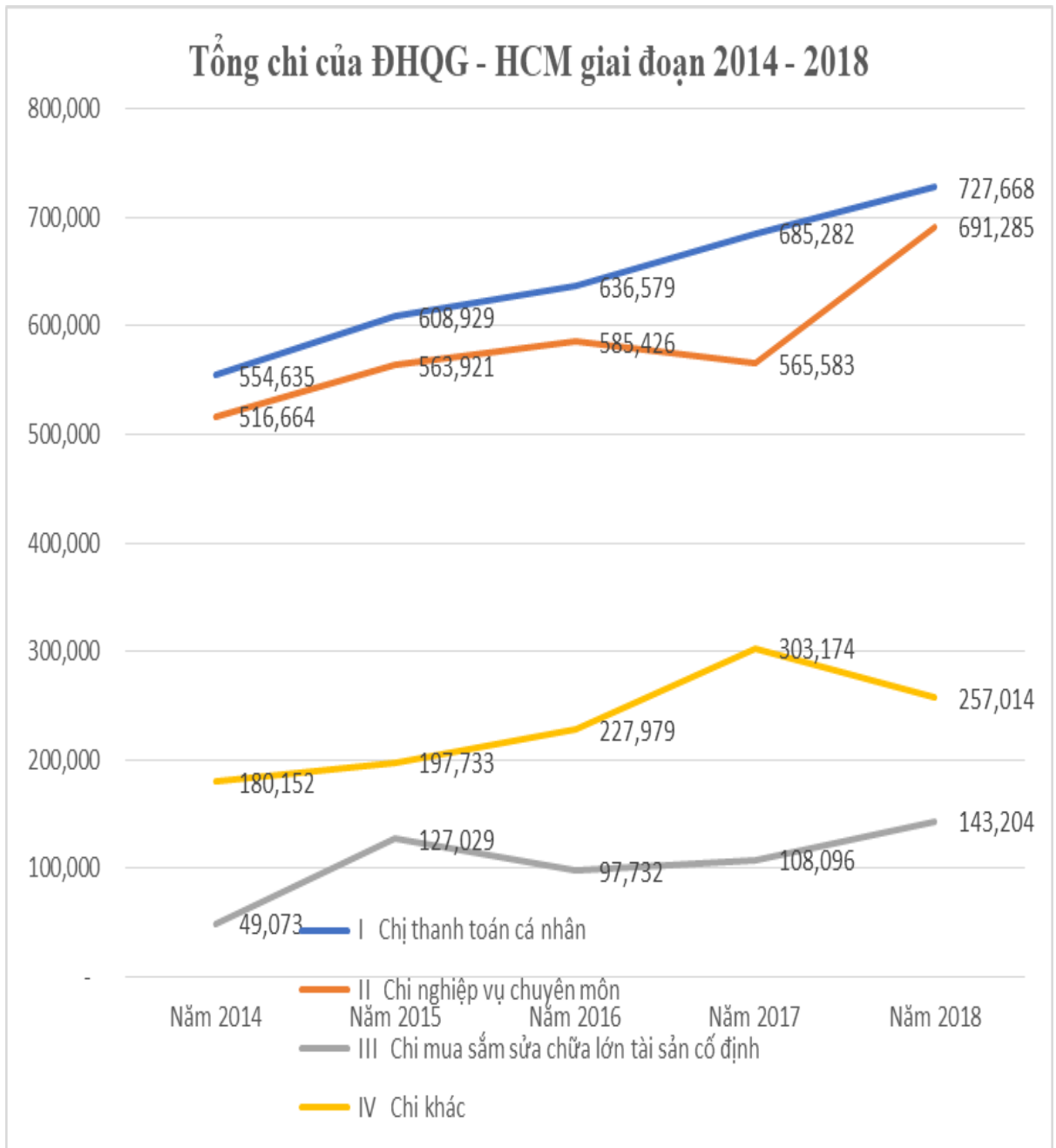
- **Chi hoạt động thường xuyên:**

Bảng 2.7 Cơ cấu chi theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014- 2018

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chi theo nhóm	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng cộng	1.300.524	1.497.612	1.547.716	1.662.135	1.819.171
I	Chi thanh toán cá nhân					
	<i>Trong đó:</i>	554.635	608.929	636.579	685.282	727.668
	Học bổng học sinh, sinh viên	37.620	40.396	59.732	60.103	42.781
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn					
	<i>Trong đó:</i>	516.664	563.921	585.426	565.583	691.285
1	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài	11.890	10.066	8.295	8.910	10.929
2	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	102.541	113.064	127.922	129.344	148.675
3	Sửa chữa tài sản cố định phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	50.326	53.970	41.470	40.487	31.683
III	Chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định					
		102.541	113.064	127.922	129.344	148.675
IV	Chi khác					
		50.326	53.970	41.470	40.487	31.683

(Nguồn: Tổng hợp từ Hội nghị Kế hoạch - Tài Chính ĐHQG-HCM năm 2016, 2017, 2018)



Hình 2.4 Tổng chi của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

Bảng 2.8 Tỷ lệ cơ cấu chi theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014- 2018

(ĐVT:%)

ST T	Chi theo nhóm	% tăng /giảm (2015 /2014)	% tăng /giảm (2016 /2015)	% tăng /giảm (2017 /2016)	% tăng /giảm (2018 /2017)
	Tổng cộng	15,2	3,3	7,4	9,4
I	Chi thanh toán cá nhân <i>Trong đó:</i>	9,7	4,5	7,7	6,2
	Học bổng học sinh, sinh viên	7,4	7,4	47,9	4,5
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn <i>Trong đó:</i>	9,1	3,8	-3,4	22,2
1	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài	-15,3	-17,6	7,4	22,7
2	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài	10,3	13,1	1,1	14,9
3	Sửa chữa tài sản cố định phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	7,2	-23,2	-2,4	-21,7
III	Chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định	158,9	-23,1	10,6	32,5
IV	Chi khác	9,8	15,3	33,0	-15,2

(Nguồn: Tổng hợp từ Hội nghị Kế hoạch - Tài Chính ĐHQG-HCM năm 2017, 2018 và 2019).

Các nhóm chi hoạt động thường xuyên bao gồm: Chi thanh toán cá nhân; Chi nghiệp vụ chuyên môn; Chi mua sắm sửa chữa lớn từ tài sản cố định và Chi khác.

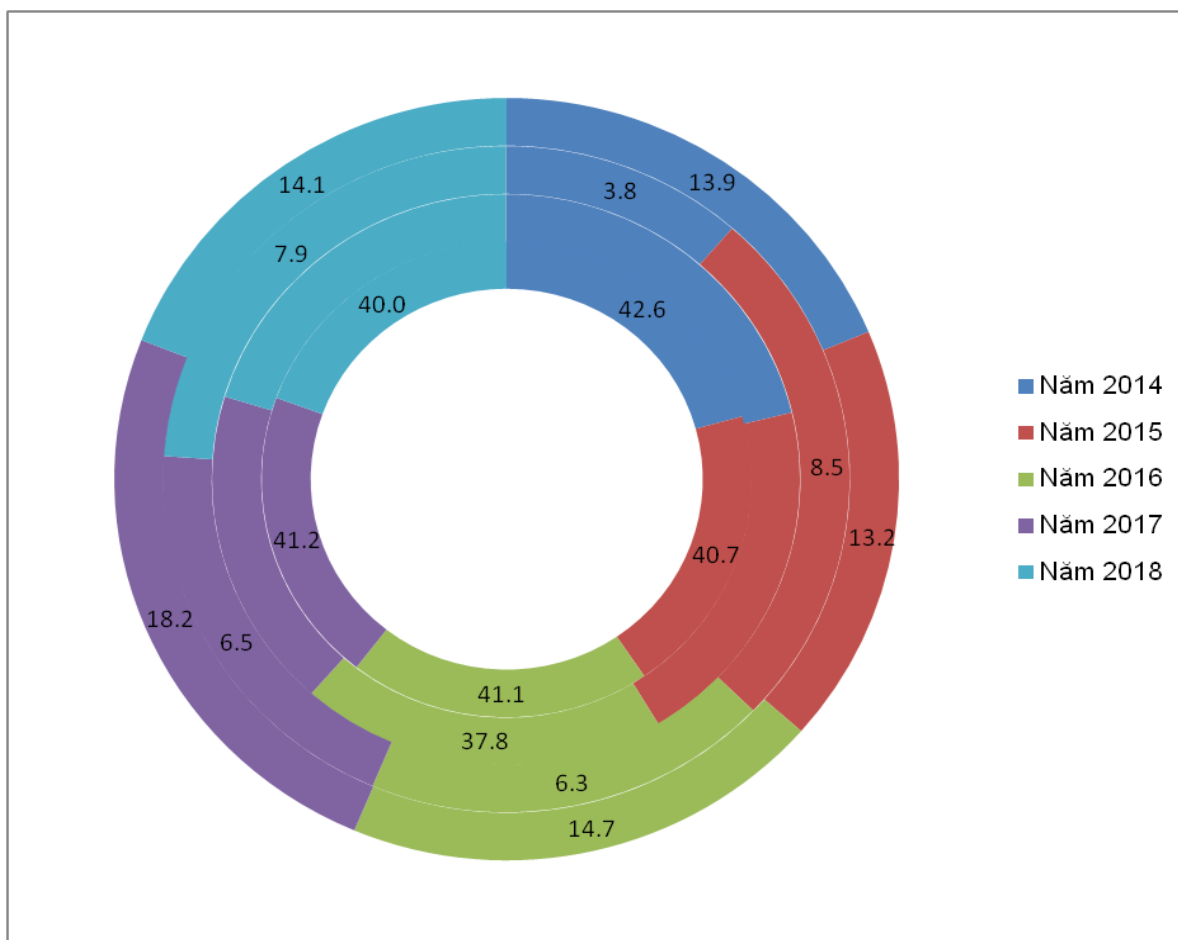
Nhìn chung, qua bảng cơ cấu và tỷ lệ chi theo nhóm có thể nhận thấy tổng kinh phí cho hoạt động thường xuyên giai đoạn 2014 - 2018 tăng dần qua các năm. Năm 2018 chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định tăng 32,5% là do ĐHQG-HCM

đang triển khai dự án tăng cường trang thiết bị giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học tại các đơn vị trường đại học thành viên.

Bảng 2.9 Tỷ lệ % cơ cấu chi hàng năm theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT:%)

STT	Chi theo nhóm	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng cộng	100	100	100	100	100
I	Chi thanh toán cá nhân	42,6	40,7	41,1	41,2	40,0
	<i>Trong đó:</i>					
	Học bổng học sinh, sinh viên	2,9	2,7	3,9	3,6	3,5
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn	39,7	37,7	37,8	34,0	38,0
	<i>Trong đó:</i>					
1	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài	0,9	0,7	0,5	0,5	0,6
2	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài	7,9	7,5	8,3	7,8	8,2
3	Sửa chữa tài sản cố định phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	3,9	3,6	2,7	2,4	1,7
III	Chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định	3,8	8,5	6,3	6,5	7,9
IV	Chi khác	13,9	13,2	14,7	18,2	14,1



Hình 2.5: Tỷ lệ % cơ cấu chi theo nhóm của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 -2018

Cơ cấu chi hoạt động thường xuyên giai đoạn 2014 - 2018 giữ tỷ trọng ổn định qua các năm, biên độ giao động dưới 5%. ĐHQG-HCM đã chi trung bình 41,1% tổng chi tiêu cho thanh toán cá nhân. Nếu tính cả chi thuê giảng viên thỉnh giảng và chuyên gia trong và ngoài nước thì trung bình mức chi cho con người chiếm khoảng gần 50% trong tổng mức chi, trong đó thuê giảng viên trong nước và chuyên gia nước ngoài chiếm khoảng trên 8%. Chi học bổng cho sinh viên để khuyến khích học tập và nghiên cứu khoa học ở mức trung bình 3,3% trong tổng cơ cấu chi nhưng con số này tăng đáng kể ở mức 37.620 triệu đồng năm 2014 lên đến trên 62.000 triệu đồng năm 2018, mức tăng khoảng trên 1,6 lần. Với mức chi tiêu ngân sách như trên cho thấy mức độ quan tâm đáng kể đến chính sách đội ngũ quản lý và giảng viên của các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM, khuyến khích sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học. Theo quy định mức chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động không quá 2 lần thu nhập quỹ tiền lương từ

nguồn quỹ bổ sung thu nhập (từ kết quả chênh lệch thu chi, sau khi trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp). Nếu so với khả năng nguồn thu của ĐHQG-HCM thì đây là giới hạn việc quyết định chi trả thu nhập và không tạo động lực thu hút nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng tham gia làm việc. Số chi hai năm (2017, 2018) là cao nhất, nếu tính từ năm 2014 là 554.635 triệu đồng, đến năm 2018 là 727.668 triệu đồng, tăng 173.033 triệu đồng, tương ứng 31,19 %. Khoản chi thanh toán cá nhân tăng từ một số điểm chính như mức lương cơ sở do Nhà nước thay đổi hàng năm tăng hàng năm, quy mô nhân sự ổn định, có tăng. Bên cạnh đó có sự điều chỉnh về chính sách ngạch, bậc lương đối với chức danh giảng viên có học hàm học vị là Phó Giáo sư, Giáo sư nên quỹ tiền lương vẫn ổn định số chi; việc mức lương cơ sở, hệ số lương ngạch, bậc tăng kéo theo các khoản phụ cấp lương, đóng góp theo lương cũng tăng theo, làm cho tổng quỹ lương tăng.

Trong nhóm chi thanh toán các nhân bao gồm cả nội dung chi học bổng khuyến khích sinh viên học tập. Theo quy định mức trích là 8% nhưng nhìn vào bảng cơ cấu chi theo nhóm thì mức trích chi học bổng chưa đáp ứng đủ tỷ lệ theo quy định.

Đối với nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn, tỷ trọng trung bình chiếm 37,4 % trong tổng mức chi. Cùng với nhóm chi thanh toán cá nhân, nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn cũng chiếm tỷ trọng khá lớn là hoàn toàn phù hợp với chức năng phát triển đào tạo của các đơn vị thành viên và trực thuộc của ĐHQG-HCM. Tỷ trọng chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định chiếm tỷ trọng trung bình lần lượt là 6,6% và 14,8%.

• **Chi hoạt động không thường xuyên:**

Chi đầu tư phát triển ngành Giáo dục - đào tạo:

Theo số liệu Báo cáo Hội nghị Kế hoạch- Tài chính hàng năm của ĐHQG-HCM thì giai đoạn 2014 - 2018 ĐHQG-HCM thực hiện các dự án lớn điển hình như sau:

Các dự án đền bù giải tỏa, tái định cư, xây dựng cơ sở hạ tầng chung bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư xây dựng ĐHQG-HCM trên địa bàn tỉnh

Bình Dương (dự án thực hiện từ năm 2009 đến năm 2018), dự án đã được cấp kinh phí đầu tư là 1.552.197 triệu đồng;

Tiêu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng, khu quy hoạch xây dựng ĐHQG-HCM và khu tái định cư phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh (triển khai thực hiện từ 2009 và dự kiến kết thúc năm 2020), kinh phí đầu tư: 787.669 triệu đồng;

Dự án xây dựng khu trung tâm ĐHQG-HCM (từ năm 2002 đến năm 2020), tổng dự toán được duyệt là 486.857 triệu đồng, trong đó kinh phí được cấp lũy kế đến năm 2018 là 127.000 triệu đồng;

Dự án xây dựng khu các viện nghiên cứu (từ 2009 đến năm 2016), kinh phí cấp: 412.397 triệu đồng;

Dự án xây dựng khu trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (triển khai từ năm 2005 và dự kiến hoàn thành năm 2020), tổng dự toán được duyệt là 384.090 triệu đồng, trong đó vốn đã cấp lũy kế đến năm 2018 là 359.007 đồng.

Các chương trình trọng điểm như: Chương trình kiểm định và đảm bảo chất lượng, dự án xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng quốc tế, dự án nâng cao năng lực giảng dạy, học tập tại ĐHQG-HCM ..

Chi đầu tư phát triển ngành Khoa học công nghệ:

Các dự án đã hoàn thành trong giai đoạn 2014 - 2018 bao gồm:

PTN nghiên cứu ứng dụng phục vụ NCKH và phát triển sản phẩm công nghệ của trường Đại học Khoa học Tự Nhiên: dự án thực hiện từ năm 2015 đến 2018 với tổng kinh phí là 6.989 triệu đồng;

PTN tính toán hiệu năng cao của trường Đại học Bách Khoa thực hiện từ năm 2015 đến năm 2018 với tổng kinh phí thực hiện là 36.100 triệu đồng;

PTN ứng dụng công nghệ phun để chế tạo linh kiện micro nano thực hiện từ năm 2015 đến 2018 với tổng kinh phí thực hiện là 36.000 triệu đồng.

Ngoài ra còn có các phòng thí nghiệm đầu tư chiều sâu khác với tổng kinh phí là 56.000 triệu đồng.

Nhằm xây dựng cơ sở vật chất làm nền tảng cho đại học nghiên cứu, đến nay ĐHQG-HCM đã hình thành một hệ thống 80 phòng thí nghiệm phục vụ

NCKH, CGCN và đào tạo theo các chương trình KH & CN trọng điểm trong đó có 02 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia và 10 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp ĐHQG, 01 phòng thí nghiệm được nâng cấp thành viện, đó là Viện công nghệ Nano.

Chi đầu tư phát triển ngành công nghệ thông tin: Là dự án nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo và nghiên cứu về an toàn, an ninh thông tin được thực hiện từ năm 2016 đến 2018 với kinh phí đã thực hiện là 17.995 triệu đồng trên tổng kinh phí được phê duyệt là 20.000 triệu đồng.

Chi đầu tư phát triển ngành Thể dục Thể thao: Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thể dục Thể thao đã thực hiện từ năm 2016, đến năm 2018 đã tạm dừng để tập trung bố trí vốn cho các dự án bồi thường giải phóng mặt bằng. Kinh phí đã thực hiện là 14.500 triệu đồng trên tổng số vốn đầu tư 40.000 triệu đồng.

Công tác chi đầu tư xây dựng cơ bản tại ĐHQG-HCM về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Nhà nước về xây dựng. Tuy nhiên còn một số thực trạng như: tiến độ giải phóng mặt bằng còn chậm, một số gói thầu nghiệm thu khối lượng không chính xác, áp dụng không đúng định mức, thiết kế tính thừa khối lượng... dẫn đến giá trị chênh lệch giữa kiểm tra và dự toán, thanh toán, quyết toán số tiền hơn 20 tỷ đồng, theo Kết luận của thanh tra Chính phủ (2017).

2.3.1.3 Quản lý các Quỹ

Các quỹ chuyên dụng:

Các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM thực hiện trích lập các quỹ chuyên dụng theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Quỹ hỗ trợ và phát triển ĐHQG-HCM

Là quỹ do các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM đóng góp để thực hiện các nhiệm vụ chung của ĐHQG-HCM nhằm nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, đảm bảo vai trò của ĐHQG-HCM là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, định hướng đại học nghiên cứu, ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và trên thế giới. Quy

định về tỷ lệ đóng góp của các đơn vị về Quỹ hỗ trợ hoạt động và phát triển ĐHQG-HCM: Tỷ lệ đóng góp đối với các đơn vị thành viên, khoa trực thuộc và trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh; Trung tâm Lý luận Chính trị là 3% trên tổng nguồn thu học phí của tất cả các hệ đào tạo chính quy và không chính quy, đào tạo liên kết của các đơn vị; Tỷ lệ đóng góp đối với các đơn vị trực thuộc: Đối với các đơn vị có thu sự nghiệp từ loại hình dịch vụ khoa học công nghệ, thực hiện tỷ lệ đóng góp là 3% trên tổng doanh thu của đơn vị; Tỷ lệ đóng góp đối với đơn vị trực thuộc có thu sự nghiệp từ các loại hình dịch vụ (đào tạo ngoại ngữ, liên kết quốc tế, đào tạo chứng chỉ ngắn hạn, hoạt động xuất bản trong ĐHQG-HCM), thực hiện tỷ lệ đóng góp là 5% trên tổng doanh thu của đơn vị;

Quỹ hỗ trợ hoạt động và phát triển ĐHQG-HCM được sử dụng trích 20 đến 25% Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp ĐHQG-HCM; Hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị mới thành lập, hỗ trợ cho các đơn vị chưa có nguồn thu hoặc nguồn thu chưa đảm bảo kinh phí hoạt động (tối đa 20%) và hỗ trợ chi phí hoạt động và quản lý chung hệ thống ĐHQG-HCM (5%). Dự phòng (tối thiểu 5%), theo Quy định Cơ chế quản lý tại ĐHQG-HCM (2017).

Quỹ phát triển ĐHQG-HCM:

ĐHQG-HCM cũng đã thành lập VNU - F theo quyết định của UBND TP.HCM vào ngày 29/7/2009. Đây là đơn vị đầu tiên trong cả nước hoạt động theo mô hình Quỹ giáo dục của đại học. “VNU - F là quỹ xã hội không vì lợi nhuận, hoạt động theo nguyên tắc tự tạo vốn, trên cơ sở vận động tài trợ và đóng góp tự nguyện của xã hội nhằm hỗ trợ sinh viên, giảng viên của ĐHQG-HCM trong học tập, nghiên cứu và phát triển cơ sở vật chất. Đây là sự tiên phong, sáng tạo của ĐHQG-HCM trong việc tìm ra giải pháp hữu hiệu để phát triển nguồn lực tài chính, phục vụ cho hoạt động giáo dục và đào tạo”.

Từ năm 2009 đến nay, thông qua vận động tài trợ của doanh nghiệp và xã hội, Quỹ đã đạt nguồn thu gần 200.000 triệu đồng. Trong đó, gần 120.000 triệu đồng dành cho phát triển cơ sở vật chất như trang bị nội thất của 19 block nhà Ký túc xá khu B, tài trợ cho Trung tâm phát triển công nghệ Ngân hàng tại ĐHQG-HCM (17.000 triệu đồng); Phòng Thực hành thăm dò chức năng của Khoa Y

ĐHQG-HCM (11.500 triệu đồng); Đầu tư trang bị cho phòng truyền thống ĐHQG-HCM (1.000 triệu đồng), phòng đọc Hoa Sen (800 triệu đồng); Tăng cường hệ thống máy tính cho Thư viện Trung tâm (1.000 triệu) và 16.700 triệu đồng dành cho các chương trình học bổng sinh viên như: học bổng sinh viên xuất sắc, học bổng sinh viên thủ khoa đầu vào - đầu ra, học bổng sau đại học, học bổng sinh viên khó khăn, học bổng Ordon Vallet, học bổng Toshiba, học bổng Pony Chung... Riêng năm học 2018-2019, quỹ đã trao 416 triệu đồng cho sinh viên thủ khoa đầu vào của các trường thành viên ĐHQG-HCM, theo Báo cáo kỷ niệm 10 năm thành lập VNUF (2019).

Ngoài ra, Quỹ còn hỗ trợ các hội thảo, hội nghị quốc tế, phát triển của các trung tâm nghiên cứu như Hội thảo Bức tranh kinh tế dành cho doanh nghiệp 2017, Hội nghị Lãnh đạo quan hệ quốc tế ASEAN+3, Dự án giáo dục VER-VEC... “Những chương trình này đã đóng góp thiết thực cho công tác giáo dục - đào tạo và sự phát triển của ĐHQG-HCM nói riêng, giáo dục đại học Việt Nam nói chung.

Quỹ Khoa học công nghệ:

ĐHQG-HCM đã thành lập Quỹ Khoa học công nghệ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, các nhân trong và ngoài nước với mục tiêu hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực KH & CN, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ, nâng cao vị thế của ĐHQG - HCM, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2.3.1.4 Quản lý tài sản

Quy định về tài chính trong việc sử dụng cơ sở vật chất giữa các đơn vị thuộc ĐHQG-HCM: Các đơn vị sử dụng cơ sở vật chất do các đơn vị thành viên khác quản lý có trách nhiệm chi trả các khoản chi phí trực tiếp sử dụng (điện, nước,...) và đóng góp một khoản chi phí để bù đắp các chi phí hoạt động chung của đơn vị quản lý cơ sở vật chất. Mức đóng góp được thỏa thuận giữa các đơn vị theo quy định của ĐHQG-HCM.

Ngày 22/01/2015 ĐHQG-HCM ban hành Quyết định số 26/QĐ-ĐHQG về việc quy định tạm thời về cơ chế quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM. Tại Điều 10,

Chương IV quy định về tài chính trong việc sử dụng cơ sở vật chất giữa các đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM mới thể hiện được cơ chế về tài chính giữa các đơn vị nhằm bù đắp chi phí quản lý chung cho đơn vị quản lý cơ sở vật chất; chưa thể hiện rõ nội dung cơ chế quản lý và sử dụng tài sản đối với các cơ sở GDDH thành viên.

Về quản lý tài sản cố định hữu hình: Cơ sở GDDH thành viên đã tổ chức hạch toán kế toán, ghi nhận giá trị tài sản vào sổ sách kế toán, báo cáo theo quy định.

Về quản lý tài sản cố định vô hình: Được theo dõi, hạch toán kế toán trên sổ sách, báo cáo tài chính; nhưng hiện giá trị quyền sử dụng đất vẫn chưa được theo dõi, hạch toán vào sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của các cơ sở GDDH thành viên; nguyên nhân ở đây được xác định là ĐHQG-HCM đã giao đất cho cơ sở GDDH thành viên quản lý nhưng chưa triển khai quy trình cấp quyền sử dụng đất, nên chưa thể xác định được giá trị quyền sử dụng đất.

Về định mức, tiêu chuẩn mua sắm: Thực hiện theo quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức mua sắm và quy trình mua sắm theo hình thức tập trung tại ĐHQG-HCM (trong khi kinh phí NSNN giao cho các cơ sở GDDH thành viên, làm ảnh hưởng đến kế hoạch cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động).

Qua đó cho thấy, ĐHQG-HCM cần quan tâm thực hiện theo quy định tại Nghị định 04/2016/NĐ-CP, Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho các cơ sở GDDH thành viên quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở GDDH thành viên của ĐHQG-HCM khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính. Một điểm tiếp theo là công tác quản lý tài sản của ĐHQG-HCM hiện nay chưa đồng bộ, đã đầu tư phần mềm quản lý tài sản qua hệ thống chung nhưng triển khai chưa đồng bộ và kịp thời, chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đối với các đơn vị thành viên và trực thuộc; do đó quy chế các đơn vị tự xây dựng chưa thống nhất, tài sản dùng chung chưa phát huy được hiệu quả trong khai thác, sử dụng cần phải quan tâm.

2.3.1.5 Quản lý theo lộ trình tự chủ tài chính

Theo lộ trình của ĐHQG-HCM thì lộ trình tự chủ ĐH sẽ được triển khai theo 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: thực hiện thí điểm tự chủ với các trường đã có sự chuẩn bị và điều kiện thực hiện gồm: trường Đại học Công nghệ thông tin, trường Đại học học Kinh tế - Luật và trường Đại học Bách khoa từ năm 2018. Tuy nhiên cho đến nay đề án của 2 trường là trường Đại học Công nghệ Thông tin và Trường Đại học Kinh tế Luật vẫn còn chậm trễ chưa được phê duyệt, nguyên nhân là do thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Giai đoạn 2: Theo dự kiến đến năm 2020, trên cơ sở đánh giá hiệu quả của các đề án thí điểm giai đoạn 1 để xem xét lộ trình tự chủ với các trường: trường Đại học Khoa học tự nhiên, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Khoa Y và Phân hiệu ĐHQG-HCM tại Bến Tre. Riêng Trường Đại học Quốc tế đã triển khai mô hình này và thực hiện từ hơn chục năm nay.

Khi triển khai mô hình tự chủ thì mức học phí cũng được điều chỉnh theo. Đối với trường đã thí điểm TCTC như Trường đại học Quốc tế thì mức học phí với các ngành do trường cấp bằng khoảng 42 triệu đồng/năm, còn chương trình liên kết thì học phí giai đoạn 1 khoảng 56 triệu đồng/năm và giai đoạn 2 theo chính sách trường đối tác, theo website của trường Đại học Quốc tế (2018).

Trường đại học Công nghệ Thông tin đã công bố mức học phí theo đề án đổi mới cơ chế hoạt động chương trình chính quy năm học 2018 - 2019 lên 16 triệu đồng/năm (các chương trình khác có mức học phí từ 16 - 35 triệu đồng/năm). Học phí chương trình chính quy sẽ tăng theo lộ trình 3 năm tiếp theo từ 18 - 22 triệu đồng/năm.

Trong thông tin tuyển sinh năm 2018 mà Khoa Y công bố vào tháng 4/2018, học phí ngành y khoa chương trình chất lượng cao khóa năm 2018 là 49 triệu đồng/năm; khóa năm 2019 và năm 2020 là 69 triệu đồng/năm và năm 2021 là 79 triệu đồng/năm. Với ngành dược, học phí năm 2018 là 11,8 triệu đồng/năm.

Các trường còn lại như Trường đại học Bách khoa cũng đã soạn thảo đề án tự chủ dựa theo dự thảo đề án đồng thời cũng dựa vào xu hướng đăng ký của người học ở từng ngành cụ thể, những ngành có sức thu hút thấp hơn có thể được phân bổ lại kinh phí để có chính sách hỗ trợ người học nhiều hơn như miễn giảm học phí, tăng thêm học bổng và các chương trình tài trợ.

Theo kế hoạch và lộ trình tự chủ thì Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn cũng sẽ thực hiện tự chủ một phần với 2 khu vực song song để đảm bảo quyền tiếp cận công nghệ giáo dục hiện đại cho sinh viên có điều kiện kinh tế khá đồng thời vẫn tạo điều kiện cho sinh viên khó khăn. Dự kiến trường có 5 - 6 ngành sẽ áp dụng đồng thời cả 2 chương trình đào tạo (đại trà và theo hướng tự chủ): Ngôn ngữ Anh, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Quan hệ Quốc tế, Du lịch, Báo chí. Đây là những ngành thu hút nhiều người học. Các ngành còn lại đều thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, cung cấp nguồn nhân lực công cho nhà nước nhưng chưa thực sự thu hút người học thì không thể thực hiện theo hướng này.

2.3.2 Phân tích theo các nhân tố ảnh hưởng

Quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố khác nhau. Việc nhận biết và đánh giá được tác động của từng nhân tố đến hoạt động quản lý tài chính nội bộ giúp ĐHQG-HCM phát huy được những mặt mạnh, khắc phục những mặt yếu, tận dụng được những cơ hội và hạn chế những thách thức nhằm đạt được mục tiêu của trường trong hoàn cảnh cụ thể. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM bao gồm:

2.3.2.1 Điều kiện Kinh tế - Xã hội

Trong bối cảnh thế giới có nhiều chuyên biến mạnh về kinh tế, xã hội yêu cầu các trường đại học nói chung và ĐHQG-HCM nói riêng phải đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng thích ứng với trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến, phải sáng tạo và tạo ra những đột phá về tri thức và kết quả nghiên cứu để có thể ứng dụng vào thực tiễn. ĐHQG-HCM với sứ mạng là “nơi đi đầu trong đổi mới, đóng góp quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước, thúc đẩy tiến bộ xã hội” cần phải nắm bắt xu thế về tự chủ đại học để có lộ trình và bước đi phù hợp. Ở các quốc gia trên thế giới luôn chú trọng đầu tư cho giáo dục và mong muốn giáo dục

mang lại những giá trị cho xã hội và đất nước. Và nguồn lực tài chính là một trong những nhân tố đầu tư tất nhiên cho giáo dục. Chính vì vậy ĐHQG-HCM cũng cần nhìn nhận tình hình kinh tế xã hội để xây dựng và định hướng về cơ chế tài chính và phát triển nguồn lực tài chính, tạo nguồn lực đủ đáp ứng việc nâng cao chất lượng đào tạo tại ĐHQG-HCM trong tiến trình tự chủ đại học.

2.3.2.2 Chính sách pháp luật của Nhà nước

Nhà nước thực hiện quản lý vĩ mô đối với ĐHQG-HCM. Thông qua chức năng nhiệm vụ của mình mà Nhà nước có thể can thiệp gián tiếp vào các hoạt động của nhà trường. Cơ chế quản lý tài chính do Nhà nước ban hành cũng ảnh hưởng đến quản lý tài chính của ĐHQG-HCM. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 đã tạo điều kiện cho các trường ĐHCL nói chung và ĐHQG-HCM nói riêng trong việc nâng cao tính tự chủ trong kiểm soát chi tiêu nội bộ, quản lý tài chính, phát huy tính chủ động sáng tạo của người lao động, từng bước huy động vốn để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đổi mới trang thiết bị và giảm gánh nặng bao cấp của Nhà nước. Tuy nhiên Nghị định 43/2006/NĐ-CP mặc dù có nhiều tiến bộ trong việc giao quyền tự chủ cho các trường nhưng vẫn còn bị hạn chế trong việc phát triển, mở rộng các hoạt động cung ứng dịch vụ, liên doanh, liên kết ... Để khắc phục những tồn tại của Nghị định 43/2006/NĐ-CP thì ngày 14/2/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên đến nay chưa có văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành liên quan về triển khai thực hiện Nghị định. Chính vì hiện nay ĐHQG - HCM vẫn đang áp dụng theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP. Hay nguồn thu từ học phí của người học là chủ yếu trong các cơ sở GDDH thành viên, nhưng về mức thu chưa được tự quyết định mà phải thực hiện theo quy định của Nghị định 49/2010/NĐ-CP (từ năm 2015 trở về trước) và Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc khống chế mức trần thu học phí và Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

2.3.2.3 Chiến lược phát triển của ĐHQG-HCM

Chiến lược phát triển được xem là xương sống để thực hiện các hoạt động quản trị nhà trường nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Mục tiêu tổng quát

trong quản lý tài chính mà ĐHQG-HCM nhắm đến là đảm bảo nguồn lực tài chính cho phát triển bền vững của ĐHQG-HCM. Trên cơ sở đó, ĐHQG-HCM xây dựng các kế hoạch hoạt động từng giai đoạn và kế hoạch hoạt động hàng năm để thực hiện các mục tiêu cụ thể. Đó là xây dựng cơ chế tài chính phù hợp, tạo động lực cho sự phát triển bằng việc đề ra các hoạt động: xây dựng cơ chế tự chủ trong ĐHQG-HCM nhằm phát huy thế mạnh của các đơn vị thành viên. Mục tiêu không kém phần quan trọng là nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất và cuối cùng là mục tiêu gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu trong hệ thống ĐHQG-HCM.

2.3. 2.4 Tổ chức bộ máy quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

Tại ĐHQG-HCM, Ban Kế hoạch - Tài chính là đầu mối về công tác quản lý tài chính của toàn hệ thống ĐHQG-HCM, được giám đốc ĐQQG - HCM giao nhiệm vụ phối hợp với các Ban liên quan đề xuất nguyên tắc, kế hoạch, cơ cấu trình Ban giám đốc về phương án giao nhiệm vụ và tài chính cho các đơn vị thành viên và trực thuộc.

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của bộ trưởng các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Khoa học công nghệ, Ban Kế hoạch - Tài chính sẽ phối hợp với các Ban hướng dẫn các đơn vị thành viên và trực thuộc lập kế hoạch và dự toán thu, chi ngân sách năm tài chính tiếp theo. Ban KHTC có nhiệm vụ tổng hợp Kế hoạch hoạt động, dự toán của các đơn vị thành viên và trực thuộc sau đó trình giám đốc xem xét và làm cơ sở tổng hợp dự toán bảo vệ trước Bộ Tài chính. Ngoài ra, ban Kế hoạch - Tài chính ĐHQG-HCM có nhiệm vụ phân bổ dự toán, nguồn kinh phí hoạt động định kỳ hàng năm cho các đơn vị trong hệ thống, thẩm định quyết toán thu chi NSNN và công tác kế toán, quyết toán NSNN của các đơn vị thành viên và trực thuộc theo quy định.

Tại các đơn vị thành viên và trực thuộc thì Hiệu trưởng, Viện trưởng, Giám đốc là chủ tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật cũng như ĐHQG-HCM về toàn bộ công tác quản lý tài chính, tài sản, sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị. Ngoài ra các đơn vị đều có phòng Kế hoạch - Tài chính giúp việc cho lãnh đạo trong việc quản lý tài chính.

Hàng năm tại Hội nghị Kế hoạch - Tài chính của ĐHQG-HCM sẽ là nơi hội tụ các cấp quản lý để cùng đánh giá và phân tích tình hình tài chính của đơn vị trong năm qua cũng như tiếp nhận nhiệm vụ Kế hoạch - Tài chính được giao cho năm tới. Đối tượng chủ yếu là các trưởng phòng và lãnh đạo đơn vị. Với số lượng nhân sự làm công tác tài chính kế toán tại ĐHQG-HCM khoảng trên 100 người (bao gồm tất cả các chuyên viên phòng Kế hoạch - Tài chính của các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc) nhưng ĐHQG-HCM chưa tổ chức định kỳ các buổi hội thảo hay tọa đàm để các chuyên viên làm công tác tài chính có thể chia sẻ những kinh nghiệm thực tế hay để có thể được giải đáp những vướng mắc trong quá trình tác nghiệp, nhất là sau mỗi đợt thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng tại ĐHQG-HCM.

2.3.2.5 Các công cụ quản lý tài chính và năng lực lãnh đạo tại ĐHQG-HCM

Về các công cụ quản lý tài chính: Tại ĐHQG-HCM, công cụ quản lý tài chính hiện nay chủ yếu dựa vào Ban Kế hoạch - Tài chính, đơn vị chịu trách nhiệm chính về công tác cấp phát dự toán, theo dõi tình hình thực hiện dự toán và duyệt quyết toán kinh phí đã thực hiện đối với các đơn vị thành viên và trực thuộc. Bên cạnh đó Ban thanh tra pháp chế cũng có chức năng kiểm tra một số nội dung có liên quan đến hoạt động quản lý tài chính nhưng chưa toàn diện và đầy đủ. ĐHQG-HCM cũng chưa xây dựng được hệ thống theo dõi đánh giá riêng cho hoạt động quản lý tài chính tại các đơn vị trong hệ thống mà chủ yếu dựa vào công tác duyệt quyết toán hay các đợt kiểm tra kết hợp với các mảng hoạt động khác trong hệ thống.

Tại các trường đại học thành viên và các Viện, Trung tâm trực thuộc chủ yếu phòng Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm soát chi tiêu và theo dõi thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ tại các trường chưa đầy đủ và nhiều trung tâm trực thuộc không có bộ phận kiểm soát nội bộ. Điều đó chưa tạo sự khách quan và chặt chẽ trong công tác quản lý tài chính vì như vậy mới là quản lý một chiều.

Về năng lực lãnh đạo: Tại ĐHQG-HCM phần lớn tập hợp đội ngũ lãnh đạo công tác quản lý tài chính có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm làm công tác quản

lý. Bên cạnh đó cũng có một số chuyên viên còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm về quản lý tài chính để có thể giúp lãnh đạo đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác trong hoạt động quản lý tài chính với tư cách là đơn vị cấp quản lý trong hệ thống. Tại các trường thành viên và đơn vị trực thuộc thì đa số những nhà quản lý cấp vĩ mô không phải là các nhà quản lý tài chính chuyên biệt mà hầu hết đều là các thầy cô giáo có học hàm học vị từ những ngành nghề khác nhau, nhiều thầy cô tham gia công tác giảng dạy được bổ nhiệm làm quản lý nên một số trong số đó chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý tài chính, điều đó cũng tạo nên một số khó khăn nhất định cho hoạt động quản lý tài chính tại đơn vị mình quản lý. Bên cạnh đó, các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM cũng chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ chuyên sâu về lĩnh vực tài chính. Hiện nay trường mới chỉ có Ban thanh tra nhân dân, có nhiệm vụ thanh tra các hoạt động chung của trường, trong đó có lĩnh vực tài chính. Thành viên của Ban này là các cán bộ, giảng viên, nhân viên do đoàn viên Công đoàn bầu. Hoạt động của Ban này cũng do Công đoàn trường quản lý. Đồng thời các thành viên này đều mang tính kiêm nhiệm, chính vì vậy đội ngũ này mặc dù có thể giỏi về chuyên môn nhưng kiến thức, năng lực kiểm tra, giám sát chuyên sâu về lĩnh vực tài chính thì còn hạn chế. Chính vì vậy, công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ chuyên sâu về tài chính chưa đảm bảo, các sai sót về tài chính chỉ được phát hiện khi có đoàn thanh kiểm tra bên ngoài. Do đó, thành lập Ban kiểm soát nội bộ để thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện ra những sai sót chuyên sâu về tài chính là cần thiết..

2.4 Đánh giá thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

2.4.1 Những thành quả đạt được

Dựa vào việc phân tích thực trạng quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM cho thấy hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM tương đối tốt, về cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính. Đơn vị đã xây dựng và phổ biến Quy định về quản lý tài chính và áp dụng trong hệ thống cho các đơn vị thành viên và trực thuộc. Quy định ban hành là căn cứ, cơ sở để quản lý, giao quyền tự chủ tài chính để các đơn vị thành viên và trực thuộc thực hiện. Các đơn vị thành viên và trực thuộc đang trong quá trình dịch chuyển theo hướng tự chủ hơn. Các quy định về ưu tiên phân bổ

nguồn lực trong quá trình lập Kế hoạch Tài chính, quản lý tài sản, quản lý nguồn thu, chi và NSNN theo đầu ra và theo kết quả từng bước được thực hiện. Đây là cơ sở và là động lực để công tác quản lý tài chính được tốt hơn và hiệu quả hơn. Điều đó được thể hiện qua một số thành quả đạt được sau đây:

2.4.1.1 Nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị có xu hướng tăng

Là một trong hai hệ thống đại học lớn của cả nước, ĐHQG-HCM được Nhà nước ưu tiên đầu tư cả về ngân sách hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất và đầu tư chiều sâu, PTN. Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM cũng đã chú trọng việc đa dạng hóa nguồn thu để bổ sung nguồn kinh phí hoạt động, giảm bớt gánh nặng cho NSNN. ĐHQG-HCM cũng đã có những thay đổi tích cực trong việc huy động, khai thác các khoản thu ngoài ngân sách thông qua các hoạt động như phát triển các hình thức liên kết đào tạo và chú trọng hoạt động của Quỹ phát triển, huy động nguồn vốn từ ngân hàng thế giới cho đầu tư phát triển ... Đó là cơ sở chính cho lộ trình thực hiện tự chủ tài chính đối với các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc.

2.4.1.2 Đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động của Nhà trường

Về cơ bản, nguồn kinh phí đáp ứng nhu cầu chi theo kế hoạch và thực tế. ĐHQG-HCM được sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp cho chi thường xuyên (tiền lương ngạch, bậc, tiền công, vật tư văn phòng, thuê khoán, công tác phí, nghiệp vụ chuyên môn...); Từ kết quả hoạt động sự nghiệp, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đơn vị đã tạo nguồn tăng thu nhập cho cán bộ viên chức theo mức không quá 2 lần mức tiền lương cơ sở do Nhà nước quy định trên cơ sở số lượng, chất lượng và hiệu quả công việc. Ngoài ra thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính, hàng năm sau khi trang trải các khoản chi, ĐHQG-HCM đã thực hiện trích lập các Quỹ cho đơn vị (Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khác).

2.4.1.3 Áp dụng tiên phong các mô hình phát triển nguồn lực tài chính ngoài NSNN

ĐHQG-HCM cũng đã vận dụng kinh nghiệm huy động các nguồn lực tài chính và đã đi đầu trong thực hiện các mô hình hoạt động như:

Mô hình Quỹ hỗ trợ phát triển: VNU- F đã huy động được nguồn lực tài chính nhất định từ xã hội, từ doanh nghiệp và cựu sinh viên phục vụ các hoạt động giáo dục như cung cấp học bổng sinh viên, hỗ trợ các đơn vị trong giai đoạn đầu hình thành và phát triển, hỗ trợ các hội nghị, hội thảo giáo dục.

Quỹ Khoa học công nghệ: thực hiện chức năng hỗ trợ và giúp đỡ các đơn vị NCKH, các nhà nghiên cứu thực hiện NCKH. Trong các năm qua, quỹ KHCCN đã hỗ trợ Trung tâm Manar, Viện John Von Neumann, Trung tâm Đào tạo và Thiết kế Vi mạch - các đơn vị trực thuộc của ĐHQG-HCM từng bước ổn định và phát triển trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ nhằm thương mại hóa và mang lại giá trị thực tiễn cho tài sản vô hình của đại học (Trung tâm Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ). Ngoài ra Quỹ cũng đã hỗ trợ những đơn vị nghiên cứu trong việc cho vay vốn thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học.

Mô hình trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ: chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ: thương mại hóa và mang lại giá trị thực tiễn cho tài sản vô hình của đại học.

2.4.1.4 Tuân thủ chính sách pháp luật của nhà nước và quy chế quản lý tài chính nội bộ của đơn vị

Về cơ bản công tác lập, phân bổ và giao dự toán, chấp hành pháp luật chính sách, quản lý sử dụng các khoản thu, chi ngân sách và tài sản công; chấp hành pháp luật chính sách, chế độ quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM được thực hiện theo đúng quy định.

ĐHQG-HCM đã từng bước chuẩn hoá công tác quản lý tài chính trong hệ thống thông qua việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và ban hành Quy chế tạm thời Quản lý, sử dụng chung cơ sở vật chất dùng chung trong hệ thống ĐHQG-HCM dựa trên các văn bản Quy định của Nhà nước về quản lý tài chính và tài sản công cũng như dựa trên các quyền, nghĩa vụ đặc thù của ĐHQG-HCM.

ĐHQG-HCM đã chỉ đạo tất cả các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của quy định hiện hành được giao để vận hành, quản lý tài chính hiệu quả, tăng cường cơ chế giám sát, công khai và minh bạch.

2.4.2 Những vấn đề tồn tại và nguyên nhân

2.4.2.1 Những tồn tại

Bên cạnh những thành quả đã đạt được của một đơn vị giáo dục lớn trong cả nước thì ĐHQG-HCM còn có những hạn chế như sau:

- **Nguồn thu ngoài NSNN chưa tương xứng với tiềm năng và sức mạnh của ĐHQG-HCM**

Trong cơ cấu nguồn thu của các trường chủ yếu là thu học phí và nguồn NSNN cấp. Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, đặc biệt thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, chuyên giao công nghệ, các hoạt động kết nối doanh nghiệp và nguồn thu từ các khoản tài trợ trong và ngoài nước từ xã hội còn rất khiêm tốn và chiếm tỷ lệ nhỏ trong quy mô tổng nguồn thu của ĐHQG-HCM, nguồn thu chưa thực sự bền vững ... kéo theo những hạn chế trong hoạt động chung như hạn chế về kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học, tỷ lệ trích học bổng cho sinh viên chưa đúng quy định.

Ngoài ra nguồn thu học phí bị giới hạn theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 dẫn đến việc một số trường đại học thành viên thu vượt mức trần quy định của Nhà nước. Hệ lụy kéo theo là các đoàn thanh tra, kiểm tra của Nhà nước kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách Nhà nước hoặc yêu cầu dừng việc triển khai thực hiện ... điều đó kéo theo sự sụt giảm nguồn thu, ảnh hưởng đến chi phí cho hoạt động và ảnh hưởng đến uy tín của các trường thành viên.

- **Chi hoạt động thường xuyên chưa thực sự tương xứng với vị thế của một đại học lớn**

Đối với các hoạt động chi thường xuyên: Các nội dung chi phụ cấp trách nhiệm, chi quản lý thực chất là chi thu nhập tăng thêm đang được hạch toán theo chi phụ cấp là chưa đúng quy định của Thông tư số 71/2006/TT-BTC. Theo báo cáo của thanh tra Chính phủ (2017), một số đơn vị thành viên chi trả phụ cấp quản lý theo vị trí công việc cao hơn quy định của Nhà nước; chi trả thù lao giảng vượt giờ chưa theo quy định của Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT- BTC. Việc phân phối thu nhập tăng thêm cho cá nhân hiện nay vẫn được các trường thực hiện chủ yếu theo cách phân phối bình quân

hoặc dựa vào các tiêu chí đầu vào như hệ số lương, học vị. Các tiêu chí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân ít được sử dụng. Cách phân phối đó chưa khuyến khích cán bộ viên chức lao động và cống hiến.

ĐHQG-HCM chưa có cơ chế chi trả phù hợp cho đội ngũ làm nghiên cứu để thúc đẩy, khuyến khích công bố, nghiên cứu, huy động nguồn thu từ NCKH, gia tăng số lượng học viên từ liên kết đào tạo quốc tế.

Mặc dù các đơn vị thành viên và trực thuộc đều đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ nhưng nội dung về xây dựng cơ chế kiểm soát chi chưa thể hiện rõ.

- **Tài sản chung của ĐHQG-HCM chưa được khai thác hết công suất**

Theo kết quả tổng kết các câu trả lời từ việc phỏng vấn các chuyên gia quản lý tài chính thì công tác quản lý tài sản tại ĐHQG-HCM hiện nay chưa đồng bộ, phần mềm quản lý tài sản đã được triển khai nhưng còn gặp nhiều vướng mắc và lỗi hệ thống, chưa khắc phục kịp thời dẫn đến việc cập nhật còn chậm để phục vụ quản trị. Mặc dù ĐHQG-HCM đã ban hành Quy định tạm thời về quản lý và sử dụng tài sản chung giữa các đơn vị thành viên và trực thuộc nhưng trên thực tế chưa khai thác sử dụng hiệu quả và phát huy công suất của các tài sản. ĐHQG-HCM chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đối với cơ sở GDDH thành viên và tại các đơn vị thành viên cũng chưa thực hiện tốt công tác này.

- **Công tác xây dựng cơ bản và giải phóng mặt bằng còn chậm**

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chưa đạt kỳ vọng, gây ảnh hưởng đến công tác phát triển khu đô thị ĐHQG-HCM. Nhiều hạng mục còn dở dang và phải điều chỉnh thiết kế, dự toán nhiều lần. Theo kế luận của Thanh tra Chính phủ tại ĐHQG-HCM (2017) thì việc quản lý khối lượng thi công, đơn giá của một số dự án còn thiếu sót, thiết kế thừa khối lượng, áp dụng không đúng định mức dẫn đến giá trị thanh toán, quyết toán cao hơn thực tế thi công, nhiều dự án phải điều chỉnh kéo dài thực hiện. Đây cũng là nhận định của chuyên gia về công tác xây dựng cơ bản từ cuộc phỏng vấn trong quá trình nghiên cứu luận văn.

- **Công tác tin học hoá trong quản lý tài chính chưa phát triển mạnh**

ĐHQG-HCM chưa hoàn thiện việc xây dựng được hệ thống tin học hoá trong quản lý tài chính đối với các đơn vị thành viên và trực thuộc. Công tác báo cáo số liệu kế toán và thống kê từ các cơ sở còn mang tính thủ công, chưa kịp thời và độ chính xác chưa thuyết phục. Phần lớn trong số các chuyên gia quản lý tài chính khi được phỏng vấn đều có chung nhận định về mặt hạn chế trong việc ứng dụng tin học hóa công tác quản lý tài chính trong việc báo cáo quản trị trong hệ thống ĐHQG-HCM.

2.3.3.2 Nguyên nhân

- **Công tác huy động nguồn thu ngoài NSNN còn hạn chế**

Nguyên nhân chính của việc hạn chế nguồn thu ngoài NSNN là do ĐHQG-HCM phải cạnh tranh khốc liệt với các trường đại học trong cả nước về tuyển sinh, nhất là các chương trình liên kết với các đối tác nước ngoài, nhu cầu ra nước ngoài học tập đang là trào lưu và phát triển rất mạnh. Một nội dung không quan trọng đó là ĐHQG-HCM đang thiếu một cơ chế để có thể khuyến khích cán bộ viên chức và người lao động, các tổ chức tham gia tìm kiếm, phát triển nguồn thu thông qua tài trợ, viện trợ, đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ và tư vấn chính sách dẫn đến kết quả huy động nguồn thu ngoài NSNN chưa cao.

Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp chưa có chiến lược đúng tầm nên chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của các doanh nghiệp, việc tích cực và chủ động trong phát triển các dự án tìm kiếm nguồn hỗ trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước nhưng vẫn thiếu sự đồng đều giữa các đơn vị trong ĐHQG-HCM. Nguồn vốn huy động từ tổ chức cá nhân bên ngoài cho công tác đầu tư xây dựng cũng hạn chế dẫn đến thiếu nguồn vốn đầu tư.

- **Chính sách thu hút người tài còn gặp nhiều khó khăn**

Chất lượng đào tạo và NCKH có phát huy được sức mạnh hay khả năng hay không là phụ thuộc lớn vào yếu tố con người. Trong khi đó các đơn vị thành viên ĐHQG-HCM còn gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có trình độ tiến sĩ trở lên. Nhiều trường hợp đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn được các đơn vị mời ở lại hợp tác do thiếu nguồn nhân lực chất lượng

cao. Ngoại trừ trường Đại học Quốc tế, đơn vị thành viên của ĐHQG-HCM thì các đơn vị thành viên và trực thuộc còn lại trong hệ thống chưa tạo ra cơ chế trả lương cạnh tranh để phát triển nguồn nhân lực do bị hạn chế theo các văn bản của Nhà nước đối với các loại hình tự chủ tài chính. Các trường vẫn thực hiện chi trả thu nhập cho giảng viên vẫn theo số tiết thực dạy, trong khi đơn giá và số giờ dạy thêm so với giờ chuẩn không được vượt quá 200 giờ là một rào cản rất lớn trong chính sách thu hút tuyển dụng người tài. Cán bộ giảng viên sẽ không yên tâm công tác vì cuộc sống không đảm bảo, kéo theo đó là sự thay đổi và xáo trộn trong tổ chức khi nhiều người có trình độ và năng lực thực sự sẽ chuyển sang làm việc cho các trường đại học tư thục với mức lương hấp dẫn và đảm bảo cuộc sống gia đình.

- **Cơ cấu tổ chức và bộ máy chưa hoàn thiện**

Mặc dù trong điều lệ trường đại học đã nêu khi các cơ sở giáo dục đại học chuyển sang đổi mới cơ chế hoạt động và tự đảm bảo nguồn tài chính thì sẽ được thành lập Hội đồng trường nhưng trên thực tế một số đơn vị thành viên của ĐHQG-HCM chưa thành lập Hội đồng trường dẫn đến chưa phát huy được quyền tự chủ tài chính, tự chủ bộ máy và nhân sự., ví dụ trường Đại học Quốc tế là một điển hình. Ngoài ra Viện môi trường tài nguyên hay Khoa Y cũng mới chỉ có Hội đồng Khoa học và đào tạo mà chưa thành lập Hội đồng trường... Một số đơn vị trực thuộc của ĐHQG-HCM cũng chưa thực hiện thành lập Hội đồng, chẳng hạn Trung tâm Khảo Thí và Đánh giá chất lượng đào tạo; Trung tâm Quản lý Ký Túc Xá... Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM cũng chưa xây dựng cơ chế quản lý tài chính cụ thể khi các trường đổi mới cơ chế hoạt động về việc thành lập Hội đồng trường.

- **Cơ chế tài chính của Nhà nước chưa đầy đủ và đồng bộ**

Mặc dù Nhà nước cũng đã ban hành nhiều văn bản Quy định về quản lý Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung nhưng khuôn khổ pháp lý và hệ thống chính sách trên thực tiễn vẫn còn bất cập, điều đó đã hạn chế sự chủ động, sáng tạo và hạn chế sự phát triển của các đơn vị giáo dục đại học nói chung và ĐHQG-HCM nói riêng. Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành đã tạo ra hành lang pháp lý cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là

Nghị định khung cho tất cả các lĩnh vực sự nghiệp mà chưa có văn bản hướng dẫn của các Bộ ban hành về triển khai thực hiện Nghị định về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Vì vậy chưa bao quát và chưa phù hợp với hoạt động của các trường. Mặt khác, một số nội dung quan trọng liên quan đến tự chủ tài chính như quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ đào tạo; tính đầy đủ chi phí vào giá dịch vụ đào tạo... chưa được hướng dẫn cụ thể. Trên thực tế tại ĐHQG-HCM vẫn phải áp dụng theo Nghị định 43/2006/NĐ - CP dẫn đến ách tắc trong công tác triển khai các đề án tự chủ cho các đơn vị thành viên và trực thuộc. Một số trường thành viên đã xây dựng đề án tự chủ nhưng vẫn chưa được phê duyệt (trường hợp của trường Đại học Công nghệ Thông tin và trường Đại học Kinh tế - Luật).

Nếu như Nghị định 16/2015/NĐ - CP đưa ra lộ trình tính đủ chi phí trong giá cung cấp dịch vụ công, theo đó thì năm 2016 sẽ phải tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp; đến năm 2018 tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và đến năm 2020 sẽ tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định thì Nghị định 86/2015/NĐ - CP của Chính phủ lại quy định về mức trần học phí đối với cơ sở GDDH công lập (cơ sở GDDH tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên; đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí thường xuyên). Điều này là không phù hợp chủ trương, chính sách thực hiện về tính giá cho chi phí đào tạo.

Mặc dù Luật giáo dục Đại học năm 2012 đã quy định về quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, NCKH, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy ... nhưng trên thực tế ĐHQG-HCM vẫn phải thực hiện theo quy định của Nhà nước về mức thu học phí, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, chi trả thu nhập cho người lao động hay mua sắm tài sản ... vẫn phải thực hiện theo quy định của Nhà nước do thiếu các văn bản hướng dẫn, các quy định chồng chéo nhau.

Tiểu kết chương 2

Quan việc phân tích thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM về mặt nội dung và các nhân tố ảnh hưởng ở chương 2, luận văn đã chỉ ra những nét nổi bật sau:

Ngân sách Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong quy mô tổng nguồn thu của ĐHQG-HCM. Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN ngày càng bị thu hẹp. Khả năng khai thác nguồn thu ngoài ngân sách còn chưa phát huy hết thế mạnh của một đại học lớn trong cả nước và chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của ĐHQG-HCM nói chung. Một số nội dung thu vượt mức trần quy định của Nhà nước.

Một số nội dung chi thường xuyên chưa thực hiện đúng quy định của Nhà nước về quản lý chi như chi vượt giờ dạy so với quy định về giờ làm thêm đối với cán bộ viên chức, giảng viên.

Đối với chi đầu tư phát triển, công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn chậm và một số dự án phê duyệt chưa đúng quy định, khối lượng nghiệm thu và thanh quyết toán cao hơn so với quy định, nhiều dự án được điều chỉnh lại nhiều lần.

Đánh giá những thành tựu đạt được và nêu những hạn chế trong hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM đồng thời luận văn cũng đã chỉ ra những nguyên nhân của các hạn chế.

Từ những vấn đề được đề cập trong chương 2, để tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM được tốt hơn và hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển của hệ thống giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới, chương 3 của luận văn sẽ đề xuất các giải pháp cũng như kiến nghị đối với Nhà nước và các ban ngành, địa phương.

Chương 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1 Cơ sở đề xuất giải pháp

3.1.1 Bối cảnh phát triển giáo dục đại học

Bối cảnh quốc tế

Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, đặc biệt là sự hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC) và Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 đã tạo áp lực cho giáo dục đại học: Để tồn tại và phát triển, giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng ở các nước đang đối mặt với yêu cầu cần phải nâng cao chất lượng, hợp lý chương trình để đáp ứng yêu cầu mới của nguồn nhân lực nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia trong quá trình hội nhập. Sự phát triển khoa học và công nghệ, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra rộng rãi trên toàn cầu và có tác động mạnh mẽ đến nguồn nhân lực của Việt Nam; làm thay đổi cơ cấu ngành trong nền kinh tế, cơ cấu ngành nghề của nhân lực lao động trong xã hội, đòi hỏi GDĐH điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ đào tạo sao cho phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế. Việc thay đổi này đang là yêu cầu lớn của người lao động, cần được trang bị và phát triển những kỹ năng mới, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề nghiệp và đào tạo lại để thích ứng, chuyển đổi vị trí làm việc cũng như nghề nghiệp.

Vai trò của kinh tế tri thức ngày càng quan trọng: Ngày nay tri thức đã và đang được xem là động cơ chủ lực; khoa học và công nghệ là lực đẩy mới cho sự phát triển. Bên cạnh đó, theo nhận định của các chuyên gia giáo dục trên thế giới, kinh tế tri thức đã và đang bùng nổ mạnh mẽ nếu xét ở khía cạnh qui mô, trở nên có tính chất toàn cầu nếu xem xét về phạm vi, bị phân hóa cao độ và có tính cạnh tranh khốc liệt.

Xu hướng trong học tập đã có những thay đổi đáng kể. Học tập suốt đời trở thành xu hướng chính yếu hiện nay. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và xã hội tri thức cũng là những xu hướng tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, đã tác động đến nhiều hoạt động trên phạm vi toàn thế giới, trong đó có giáo dục, đào tạo và NCKH. Xu hướng phát triển KH-CN ngày càng nhanh làm cho xã hội hiện đại hơn, cuộc sống thuận tiện hơn nhưng cũng nhiều áp lực hơn. Các đại học nghiên cứu đang đóng vai trò then chốt trong hệ thống nghiên cứu, đổi mới và đào tạo sau đại học của một quốc gia.

Tình hình trong nước

Sau gần 30 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam liên tục phát triển; an ninh, quốc phòng được giữ vững. Việt Nam đang hội nhập mạnh mẽ vào các hoạt động khoa học - kỹ thuật, kinh tế, văn hóa và chính trị của thế giới, từng bước tiến tới chiếm lĩnh và phát triển các ngành công nghệ cao.

Mặc dù có những bước tăng trưởng đáng kể, nền kinh tế nước ta vẫn là nền kinh tế có mức thu nhập thấp, nợ công tăng cao. Nguyên nhân chủ yếu đất nước chúng ta chưa có những đột phá trong việc nâng cao trình độ, đặc biệt là trình độ khoa học - kỹ thuật cho lực lượng lao động để nâng cao hiệu suất lao động. Nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước chưa đáp ứng yêu cầu.

Nghị quyết số 29-NQ/TW về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã tạo ra những tiền đề phát triển đồng bộ các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục Việt Nam, khẳng định giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc. Giáo dục phải đi trước một bước, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài để thực hiện thành công các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Giáo dục đại học Việt Nam bước đầu đang được tổ chức lại theo xu hướng chung của giáo dục đại học thế giới, các đại học sẽ được phân tầng thành các đại học định hướng nghiên cứu, các đại học định hướng ứng dụng và các đại học định hướng thực hành (Nghị định 73/2015/NĐ-CP). Tự chủ đại học đang được quan tâm và dần được hình thành, tạo điều kiện để các đại học chủ động hơn trong đào tạo, NCKH. Đặc biệt là những đổi mới trong cơ chế quản lý tài chính tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH (Nghị quyết 77/NQ-CP năm 2014 và Nghị định 16/2015/NĐ-CP).

Sự phát triển năng động của các trường đại học công lập và ngoài công lập trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam tạo nên môi trường cạnh tranh không chỉ về cung cấp dịch vụ đào tạo và dịch vụ khoa học công nghệ mà còn cạnh tranh trong việc thu hút nguồn nhân lực giữa các trường đại học với nhau nhằm cung cấp dịch vụ đào tạo tốt hơn cho người học.

Đại học ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng và địa phương giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình phát triển bền vững địa phương và đất nước.) Vị thế của Việt Nam trên thế giới được nâng cao đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hội nhập và hợp tác của giáo dục đại học.

ĐHQG-HCM với tầm nhìn tới năm 2030 là “Một hệ thống đại học trong top đầu Châu Á, nơi hội tụ của khoa học, công nghệ, văn hóa và tri thức Việt Nam” đã được Đảng, Nhà nước, các Bộ ngành ưu tiên phát triển và tạo điều kiện tự chủ về mọi mặt trong đó có tự chủ về tài chính, điều đó được hợp thức và cụ thể hóa trong các văn bản sau:

Luật giáo dục nêu rõ: “Đại học Quốc gia là trung tâm nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao được Nhà nước ưu tiên, đầu tư phát triển” đồng thời “Đại học Quốc gia có quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy”.

“Chính phủ và các Bộ ngành, địa phương tiếp tục tạo điều kiện, ưu tiên phát triển ba đại học này thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu uy tín trong nước và khu vực, được vào bảng xếp hạng các trường đại học của thế giới”.

Từ bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay, có thể nhận thấy để phát triển giáo dục đại học theo đúng sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn thì các đại học cần có cơ chế tài chính, nguồn lực tài chính phù hợp, có sự phân bổ hợp lý nguồn kinh phí và sử dụng hiệu quả tài chính. Để làm được điều đó thì cũng cần hành lang pháp lý thuận lợi về cơ chế, chính sách tài chính cho các cơ sở GDDH.

3.1.2 Chủ trương và định hướng phát triển của ĐHQG-HCM

Theo Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 của ĐHQG-HCM, các giá trị cốt lõi trong chủ trương và định hướng phát triển thể hiện ở các nội dung sau:

- Vì sự phát triển toàn diện của con người, lấy người học làm trung tâm;
- Chất lượng giáo dục luôn là yếu tố hàng đầu cho mọi hoạt động;
- Đề cao tính độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, sáng tạo khoa học;
- Sự liên thông, hợp tác quốc tế là nòng cốt cho sự phát triển;
- Đề cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác quản lý;
- Gắn kết và phục vụ cộng đồng.

Mục tiêu chung của cơ chế tài chính và phát triển nguồn lực: Đảm bảo nguồn lực tài chính cho phát triển bền vững của ĐHQG-HCM, gắn kết nguồn lực và mục tiêu.

Về mục tiêu cụ thể của cơ chế tài chính và phát triển nguồn lực: Cơ chế tài chính phù hợp, tạo động lực cho sự phát triển; nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, cơ sở vật chất và gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu.

Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất.

Gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu.

3.1.3 Cơ sở pháp lý của hoạt động quản lý tài chính

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 02 tháng 07 năm 2012;

Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH;

Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Nghị định 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động ĐHQG và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập”;

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021”;

Quy định về cơ chế quản lý tài chính tại Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh ban hành kèm theo QĐ số 170/QĐ/QĐ-ĐHQG ngày 29/3/2017 và Quyết định sử đổi, bổ sung số 1220/QĐ/QĐ-ĐHQG ngày 01/11/2017.

3.2 Giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM

3.2.1 Đẩy mạnh công tác huy động nguồn thu ngoài NSNN

Để khắc phục tình trạng thu học phí, lệ phí cao hơn so với quy định theo tình hình thực tế và theo kết luận của Thanh tra chính Phủ (2017), Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (2017) cũng như để tạo nguồn thu duy trì và phát triển bền vững các hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường hay đầu tư xây dựng, ĐHQG-HCM cần tập trung vào giải pháp nhằm tăng cường các nguồn thu ngoài NSNN thông qua các hoạt động sau:

ĐHQG-HCM cần đẩy mạnh và phát triển các chương trình liên kết bao gồm liên kết với địa phương và liên kết quốc tế, các chương trình chất lượng cao, chương trình kỹ sư tài năng để nâng cao vị thế, hình ảnh các trường Đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc, từ đó mang lại nguồn thu cho hệ thống. Để thực hiện tốt công tác đó thì việc chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, có sản phẩm tốt mới có thể cạnh tranh với các trường Đại học trong cả nước khi hiện nay các trường đều hướng tới việc gia tăng nguồn thu ngoài NSNN;

Chú trọng hoạt động cung cấp dịch vụ để khai thác thị trường sinh viên và

CBVC đang học tập và làm việc tại ĐHQG - HCM bằng việc sớm đưa các công trình xây dựng phục vụ sinh viên vào hoạt động và khai thác;

Huy động nguồn tài chính từ hoạt động khoa học công nghệ. Hoạt động khoa học công nghệ là hoạt động gắn với đào tạo tại ĐHQG- HCM và các trường đại học thành viên. ĐHQG-HCM cần xây dựng và ban hành cơ chế tài chính phù hợp nhằm khuyến khích gia tăng công bố, nghiên cứu khoa học, chuyển giao là rất cần thiết. Triển khai rà soát, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính hiệu quả để vận hành, khuyến khích, tạo động lực cho các trường đại học thành viên đẩy mạnh hoạt động NCKH; các nhà khoa học, giảng viên dành nhiều thời gian tham gia nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao khoa học công nghệ. Xây dựng, triển khai cơ chế khuyến khích tìm kiếm hợp đồng NC - CGCN dựa trên thế mạnh và các kết quả đạt được về nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng viên, viên chức của ĐHQG-HCM để tăng doanh thu từ hoạt động khoa học - công nghệ. Việc phát triển và khai thác hiệu quả các nguồn quỹ khoa học công nghệ sẽ giúp cho các trường thành viên độc lập, tự chủ hơn trong việc cung cấp nguồn tài chính cho Khoa học công nghệ.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch cụ thể để đẩy mạnh và phát triển các Quỹ ngoài ngân sách, tìm kiếm tài trợ từ mạng lưới cựu sinh viên, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước cũng như duy trì và phát triển các mối quan hệ, nguồn tài trợ đã gây dựng được. ĐHQG-HCM nên nhất quán về quan điểm giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp luôn đồng hành để cùng phát triển, tương tác hai chiều, tạo ra sự gắn kết, hiệu quả các nguồn lực. Quan trọng nhất là xây dựng, ban hành cơ chế để thu hút, khuyến khích cán bộ, giảng viên và người lao động của các đơn vị thành viên và trực thuộc tích cực tham gia tìm kiếm nguồn thu. Việc huy động tài chính từ các cựu sinh viên trong hệ thống các trường thành viên ĐHQG-HCM cũng là một giải pháp thực tế. Trên thực tế có những cựu sinh viên thành đạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trở thành những nhà doanh nghiệp lớn. Nếu các trường thành viên có cơ chế phù hợp thu hút họ tham gia vào hoạt động thì đây cũng là nguồn tài chính có tiềm năng huy động cho sự phát triển của các trường.

Ngoài ra, ĐHQG-HCM nên tăng cường công tác quan hệ đối ngoại; tăng cường công tác quảng bá hình ảnh, kêu gọi hợp tác đầu tư...

3.2.2. Giải pháp về việc tăng thu nhập cho người lao động

ĐHQG-HCM xem xét đổi mới cơ chế chi trả tiền lương tăng thêm cho người lao động và triển khai đồng bộ các thức trả lương theo nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ. Cách trả thu nhập này tiết chế động lực dạy nhiều để tăng thu nhập. Xác định nhiệm vụ của giảng viên là vừa giảng dạy vừa làm nghiên cứu khoa học và công bố kết quả NCKH. Điều đó giúp hình thành một không khí học thuật giống các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Liên quan đến chất lượng đào tạo, mức chi tiền lương và thu nhập theo nhiệm vụ sẽ tăng tính ổn định của Nhà trường, cán bộ giảng viên yên tâm công tác và làm nghiên cứu. Thu nhập của người lao động sẽ quyết định đến hiệu quả công việc. Tỷ lệ chi trả cho dạy vượt giờ ngoài quy định sẽ dần được khắc phục.

Để có nguồn kinh phí ổn định thay đổi các trả thu nhập cho người lao động, thì ĐHQG-HCM cũng cần dựa trên kế hoạch chiến lược, chuẩn đầu ra để xác định các hoạt động trọng điểm và có kế hoạch phân bổ chi tiêu đúng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, thiết thực, tiết kiệm, giảm thiểu kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thay đổi cơ chế chính sách và thực tế.

Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM cũng cần tăng tỷ lệ trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để tạo sự chủ động trong chi tiêu tiền lương, tiền công; tạo niềm tin cho cán bộ viên chức và người lao động khi nền kinh tế của cả nước đang gặp khó khăn.

3.2.3 Tăng cường hoạt động quản lý, sử dụng tài sản và công tác đầu tư

ĐHQG-HCM cần rà soát và khắc phục các lỗi hệ thống về phần mềm quản lý tài sản để sử dụng một cách có hiệu quả, tận dụng các tài sản chưa khai thác hết công suất trong hệ thống. Cần có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện và định mức sử dụng tài sản chung trong hệ thống để các đơn vị chủ động liên hệ với nhau và sử dụng hiệu quả tài sản chung. Tăng cường hơn nữa việc sử dụng và khai thác tài sản chung đúng mục đích được giao, đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả đồng thời

phải chịu trách nhiệm nếu có sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản. Tránh đầu tư dàn trải, không đồng bộ gây lãng phí nguồn vốn...Đẩy mạnh sử dụng và khai thác cơ sở vật chất chung theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công.

Trước tình hình thực tế NSNN cấp cho hoạt động đầu tư tại ĐHQG-HCM đang giảm mạnh theo tinh thần không cho mở rộng dự án thì ĐHQG-HCM phải chủ động tìm phương án đầu tư, đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư bằng cách có thể vay vốn kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh và trả dài hạn bằng nguồn vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị nhằm mục đích giảm gánh nặng từ nguồn NSNN, đáp ứng nhu cầu nguồn vốn kịp thời để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong hệ thống. Công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư cũng cần được đẩy nhanh tiến độ để không kéo theo các chi phí phát sinh và cá hệ lụy về chậm tiến độ thi công.

Bên cạnh đó Ban Kế hoạch - Tài chính cũng như Ban Quản lý dự án xây dựng ĐHQG-HCM cần phối hợp với Ban quản lý dự án của các đơn vị thành viên và trực thuộc chấn chỉnh tồn tại trong công tác xây dựng đầu tư để tránh tình trạng các dự án nghiệm thu với giá trị cao hơn thực tế và hạn chế việc điều chỉnh nhiều lần các dự án thông qua việc kiểm soát chặt chẽ khối lượng công trình thi công và thường xuyên kiểm tra, kiểm soát quá trình hoạt động, thi công, tránh tình trạng dự án hoàn thành, khi có báo cáo và kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mới xử lý.

3.2.4 Hoàn thiện các Quy định quản lý tài chính trong hệ thống

ĐHQG-HCM cần sớm triển khai xây dựng đề án và lộ trình tự chủ trình Chính phủ phê duyệt để thực hiện. Khi các đơn vị thành viên thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động thì ĐHQG-HCM cần quan tâm đến tính hệ thống, đến cơ chế quản lý, cơ cấu tổ chức bộ máy, vận hành, tính cạnh tranh giữa các đơn vị thành viên, đặc biệt là cơ chế tài chính nhằm giúp cho cơ sở các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc đảm bảo cân đối được nguồn tài chính để vận hành, đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, chế độ chính sách với người học do học phí điều chỉnh, chi phí đào tạo thực tế gia tăng... Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM

xem xét, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc lập các đề án phát triển (các sản phẩm mới) đáp ứng với mục tiêu đề ra. ĐHQG-HCM cần xây dựng phương án tài chính cụ thể nhằm tháo gỡ những khó khăn về tình hình tài chính của những đơn vị trực thuộc. Ngoài ra, ĐHQG-HCM cần rà soát, chỉnh sửa, hoàn chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật như quy chế quản lý tài chính, quy định về quản lý tài sản, hướng dẫn mua sắm tập trung, hướng dẫn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ... phù hợp với chủ trương, cơ chế tự chủ theo Nghị định 186/2013/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về ĐHQG, Quyết định 26/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hoạt động của ĐHQG và các cơ sở GDDH thành viên, đặc biệt công tác xây dựng và đề xuất Chính phủ phê duyệt “Cơ chế đặc thù về tài chính”, đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động” đối với ĐHQG-HCM và các cơ sở GDDH thành viên.

Phát huy vai trò của Hội đồng trường trong công tác quản lý tài chính. ĐHQG-HCM cần quy định về trách nhiệm, vai trò của Hội đồng trường trong việc quản trị đơn vị thành viên và trực thuộc gắn với xu hướng tự chủ hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó, Hội đồng trường phải được thể hiện vai trò đại diện sở hữu, có chức năng xây dựng kế hoạch chiến lược, định hướng phát triển trường. Chẳng hạn như quyền được bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, để tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược đã đề ra; giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược. Song song với thành lập Hội đồng trường thì cũng cần xây dựng cơ chế chế tài liên quan tới việc thành lập Hội đồng trường, làm rõ mối quan hệ, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường với Đảng ủy và Ban Giám hiệu để tránh việc trùng lặp quyền quyết định, phát sinh các khó khăn trong quá trình hoạt động của các trường đại học thành viên trong hệ thống ĐHQG-HCM. Hội đồng trường nên được xem như là cơ quan quyền lực chứ không phải cơ quan quản lý vì quản lý thuộc trách nhiệm của bộ máy chính quyền mà hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật và chịu trách nhiệm quản lý điều hành, còn Hội đồng trường sẽ quyết nghị những vấn đề lớn của Nhà trường và giám sát để thực hiện tốt quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội.

ĐHQG-HCM nên củng cố và hoàn thiện các quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các đơn vị do mình quản lý, tăng cường và thường xuyên tổ chức hoạt động kiểm soát tại các đơn vị thành viên và trực thuộc trong công tác công

khai tài chính, tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ tại các đơn vị thành viên và trực thuộc. gắn kết trách nhiệm lãnh đạo đơn vị với việc thực hiện nhiệm vụ được giao và đánh giá trên hiệu quả hoạt động. Kiểm tra, thanh tra tài chính là một trong những công cụ quan trọng của nhà nước trong công tác quản lý tài chính. ĐHQG-HCM nên thường xuyên kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện kịp thời, chấn chỉnh và xử lý các sai phạm trong việc quản lý tài chính đồng thời qua đó phát hiện ra những điểm tồn tại của cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài chính, từ đó đề xuất những kiến nghị sửa đổi, bổ sung. Đây là cơ sở, để đảm bảo cho công tác quản lý tài chính được thực hiện một cách hiệu quả và minh bạch.

Thực hiện công khai minh bạch tài chính, phát huy vai trò chủ động tham gia xây dựng, thực hiện đánh giá và tự đánh giá của các cơ sở, các tổ chức đoàn thể vào công tác kế hoạch tài chính của đơn vị.

3.2.5 Các giải pháp hỗ trợ

Ngoài các giải pháp nêu trên, ĐHQG-HCM cần bổ sung một số giải pháp để hoạt động quản lý tài chính tại đây được tốt hơn và hiệu quả hơn, đó là:

Giao chỉ tiêu hoạt động cho các đơn vị gắn với giao nhiệm vụ từng mảng hoạt động. Chẳng hạn nhiệm vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp nghiên cứu khoa học hay dịch vụ phục vụ cộng đồng. Đánh giá kết quả thì nên dựa trên yếu tố hiệu quả, hiệu quả về đầu tư nguồn lực, gắn trách nhiệm cá nhân và tập thể với hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị đóng góp cho từng đơn vị nói riêng và cho toàn hệ thống ĐHQG-HCM nói chung.

Thường xuyên tổ chức các khoá tập huấn ngắn hạn để nâng cao năng lực quản lý tài chính và tập huấn hướng dẫn công tác kế toán - tài chính, cập nhật các văn bản mới cho các đơn vị thành viên và trực thuộc, đối tượng tham gia các khoá tập huấn là các cán bộ, chuyên viên làm công tác tài chính để họ có thể nắm bắt, áp dụng nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định.

Tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, các buổi họp rút kinh nghiệm theo từng chuyên đề về quản lý tài chính thường xuyên hơn để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các đơn vị cấp dưới cũng như để tiếp thu các ý kiến đóng góp, các kết luận từ các đoàn thanh tra, kiểm tra của Nhà nước và tìm các giải pháp tháo gỡ, khắc phục

những tồn tại, tìm các hướng giải quyết mới. Đối tượng tham gia là lãnh đạo đơn vị phụ trách công tác tài chính, trưởng các phòng, ban, chuyên viên phòng Kế hoạch - Tài chính các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM.

Thành lập các diễn đàn giải đáp những khó khăn vướng mắc trong quá trình tác nghiệp. Hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị trong công tác lập dự toán, lập kế hoạch sát với thực tế. Đó cũng là cơ hội tốt để các đơn vị chia sẻ kinh nghiệm thực tế và cùng nhau tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công việc. Mục đích để đảm bảo hoạt động thu - chi tài chính của các đơn vị trong toàn ĐHQG-HCM được thực hiện đúng chế độ của Nhà nước và quy định của đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh hệ thống trong hoạt động quản lý tài chính và gắn với trách nhiệm giải trình của các đơn vị.

ĐHQG-HCM là một đơn vị quản lý lớn bao gồm nhiều đơn vị thành viên và trực thuộc, do vậy đòi hỏi công tác quản lý tài chính, quản lý tài sản tại đây cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống giúp các cấp quản lý cập nhật dữ liệu nhanh chóng và thống nhất, giảm thời gian chờ đợi cấp dưới nộp báo cáo mới có thể tổng hợp, từ đó giúp công tác quản trị tại ĐHQG-HCM được kịp thời và hiệu quả hơn khi có đầy đủ và nhanh chóng thông tin, dữ liệu để phân tích, đánh giá và chỉ đạo triển khai công việc. Hiện nay do chưa có hệ thống tin học quản lý chung nên khâu thống kê, báo cáo, tổng hợp tốn nhiều thời gian, nhân sự quản lý, không đồng nhất về thông tin và dữ liệu, dẫn đến khó khăn trong khâu tìm kiếm các thông tin về tài nguyên có thể sử dụng chung tại các đơn vị thành viên và trực thuộc, tài nguyên chung đó sẽ không được khai thác, tận dụng hiệu quả trong công tác quản lý tài chính.

3.3 Kiến nghị

3.3.1 Đối với Chính phủ

ĐHQG-HCM có thể kiến nghị Chính phủ nên xem xét việc trao quyền tự chủ cho ĐHQG-HCM trong việc phê duyệt mức thu học phí trên cơ sở chi phí đào tạo mà không phụ thuộc vào khung học phí của Nhà nước quy định, mức thu học phí được xác định theo ngành nghề và nhu cầu xã hội, được xây dựng và thực hiện theo lộ trình và phản ánh đúng chi phí đào tạo. Điều đó đảm bảo cho các đơn vị

thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM có nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó Nhà nước tạo điều kiện cho ĐHQG-HCM nói chung cũng như các đơn vị thành viên và trực thuộc của ĐHQG-HCM có chính sách vay vốn để kịp thời đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3.3.2 Đối với các Bộ, Ngành liên quan

Các bộ ngành sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định về các trường đại học công lập nói chung và ĐHQG-HCM nói riêng có thể triển khai tiếp các đề án đổi mới cơ chế hoạt động cho các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc hệ thống.

3.3.3 Đối với địa phương

Bên cạnh sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Nhà nước và Ban ngành thì ĐHQG - HCM cũng rất cần sự hỗ trợ của các thành phố, tỉnh trong các hoạt động về giải phóng mặt bằng, tìm kiếm nguồn vốn vay đầu tư...

Đối với Tỉnh Bình Dương: ĐHQG-HCM mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện trong việc bảo vệ an ninh khu vực nơi ĐHQG-HCM đóng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các cấp phối hợp với ĐHQG-HCM trong việc di dời người dân hiện đang sinh sống tại nơi quy hoạch cho ĐHQG-HCM và hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng còn lại trong khu đô thị giúp ĐHQG-HCM sớm triển khai khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản còn dở dang chưa hoàn thiện.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh: ĐHQG-HCM cũng luôn mong muốn Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là cầu nối trong việc hỗ trợ ĐHQG-HCM huy động nguồn vốn vay ưu đãi từ chương trình tín dụng của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM để đầu tư phát triển cơ sở vật chất của ĐHQG-HCM như xây dựng các công trình giảng đường phục vụ đào tạo cho các cơ sở GDDH thành viên và các đơn vị trực thuộc.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài chính của ĐHQG-HCM ở chương 2, chương 3 của luận văn đã tập trung phân tích bối cảnh, chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và nêu lên các cơ sở pháp lý để từ đó đề xuất quan điểm, các giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM theo hướng tự chủ tài chính gắn với kết quả đầu ra. Bao gồm nhóm giải pháp cho ĐHQG-HCM nói chung và cho các trường thành viên, các đơn vị trực thuộc nói riêng.

Nhóm giải pháp tập trung vào việc hoàn thiện công tác quản trị tài chính nội bộ, phát triển các nguồn thu từ hoạt động đào tạo và từ các hoạt động liên kết với doanh nghiệp, kêu gọi đầu tư và gia tăng tài trợ; tăng cường quản trị chi phí và tăng cường hiệu quả vốn đầu tư; đồng thời quản trị tốt kết quả tài chính. Ngoài ra, các nội dung kiến nghị với Nhà nước bao gồm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý tài chính đại học, đặc biệt cơ chế tự chủ, phát huy và nâng cao vai trò của Hội đồng trường.

KẾT LUẬN

ĐHQG-HCM được Đảng và Nhà nước ưu tiên đầu tư kinh phí để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao nhằm phục vụ cộng đồng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hình ảnh và vị thế của ĐHQG-HCM trong hệ thống giáo dục đại học trong nước và thế giới được đánh giá cao. Hệ thống giáo dục đại học trong nước đang đứng trước đòi hỏi ngày càng cao về trách nhiệm xã hội đối với sản phẩm đào tạo, sự cạnh tranh và phát triển ngày càng lớn về chất lượng đào tạo. Điều này đòi hỏi ĐHQG-HCM càng phải khẳng định vị trí đi đầu trong đổi mới giáo dục, giữ vai trò là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao trong tiến trình hội nhập với quốc tế.

Trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế thế giới, nếu ĐHQG-HCM vẫn phụ thuộc kinh phí Nhà nước cấp phát cho giáo dục đại học chủ yếu từ NSNN khi mà NSNN đang còn hạn hẹp thì sẽ rất khó khăn để phát triển, khi đó, nhu cầu đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước và nhu cầu học tập của người dân cũng sẽ không được đáp ứng. Chính vì vậy chiến lược đảm bảo tài chính bền vững cho các nhiệm vụ giáo dục đào tạo, đa dạng hóa nguồn thu từ các hoạt động xã hội hóa, dịch vụ... đi đôi với việc chú trọng thực hiện hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực tài chính được lãnh đạo ĐHQG-HCM quan tâm và chỉ đạo rất quyết liệt. Đây cũng là một trong những giải pháp góp phần giảm gánh nặng cho Ngân sách Nhà nước và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước hiện nay, đó là xu hướng tự chủ. Tự chủ đại học là xu thế tất yếu của xã hội phát triển vì vậy ĐHQG-HCM buộc phải thích nghi với cơ chế tự chủ. Quản lý tài chính đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình thực hiện TCTC. Cơ chế tự chủ bao gồm tự chủ bộ máy và tổ chức, tự chủ tài chính ... Đây là vấn đề then chốt, nhằm đảm bảo quá trình tự chủ và tự chịu trách nhiệm được thực hiện đầy đủ, khách quan, công bằng và minh bạch. Hoạt động Quản lý tài chính có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của hệ thống giáo dục đào tạo, NCKH của các đại học nói chung và của ĐHQG-HCM nói

riêng. Đây là phương tiện để các đơn vị giáo dục có thể duy trì được hoạt động của mình. Đề tài “Tăng cường hoạt động quản lý tài chính tại Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh” đã đóng góp cho công tác quản lý tài chính, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tính hiệu quả trong quản lý tài chính ở ĐHQG-HCM. Đó là hệ thống hóa cơ sở lý luận về các nguồn tài chính và quản lý tài chính ở các trường đại học công lập. Thông qua phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý tài chính tại ĐHQG-HCM, luận văn đã chỉ ra được những kết quả đạt được và hạn chế tồn tại, cũng như những định hướng phát triển của hệ thống ĐHQG-HCM, luận văn đã đề ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm thực hiện có hiệu quả quá trình huy động và quản lý sử dụng tài chính tại ĐHQG-HCM. Tuy nhiên, để hoạt động quản lý tài chính ở các ĐHQG-HCM thực sự có hiệu quả, thì Nhà nước cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện cơ chế tự chủ nói chung và TCTC nói riêng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt

1. Báo cáo

Báo đánh giá tác động của việc thực hiện thí điểm đổi mới theo Nghị quyết 77/2014 của Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), “*Báo cáo hội nghị tổng kết Thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ giai đoạn 2014-2017*”.

2. Luận văn, luận án

Lê Văn Dung. (2017). “*Quản trị tài chính tại các trường ĐHCN ngành Y ở Việt Nam*”, luận án tiến sĩ, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Vũ Thị Thanh Thủy. (2012). “*Quản lý tài chính các trường ĐHCN ở Việt Nam*”, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

3. Nguồn từ internet

Dương Lê (2017), “*Đại học Quốc gia TPHCM thu ‘sai’ 80 tỷ: Thanh tra kiến nghị không thu hồi*”, truy cập từ: <https://www.tienphong.vn/giao-duc/dai-hoc-quoc-gia-tphcm-thu-sai-80-ty-thanh-tra-kien-nghi-khong-thu-hoi-1215529.tpo>

Công bố kết luận thanh tra Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, truy cập từ: <http://tphcm.chinhphu.vn/cong-bo-ket-luan-thanh-tra-dai-hoc-quoc-gia-tphcm-ngay-25/6/2019>;

Đỗ Trung Tá (2017), “*Một số trao đổi về tự chủ giáo dục đại học ở Việt Nam*”, truy cập từ: <http://vienphuongdong-ordi.vn/mot-so-trao-doi-ve-tu-chu-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam/>.

Đồng Thế Hiển (2017), “*Đổi mới cơ chế tự chủ giáo dục ĐHCN giai đoạn 2015 - 2017: Kết quả và kiến nghị chính sách*”, truy cập từ:

<http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/doi-moi-co-che-tu-chu-giao-duc-dai-hoc-cong-lap-giai-doan-20152017-ket-qua-va-kien-nghi-chinh-sach-130355.html>.

Lan Chi (2013), Đại học Stanford nhận hơn 1 tỷ USD từ các nhà tài trợ, Báo mới.com, truy cập từ: <https://www.baomoi.com/dh-stanford-nhan-hon-1-ti-usd-tu-cac-nha-tai-tro/c/10885234.epi>, truy cập ngày 15/01/2018.

Nguyễn Minh Thuyết (2014), “*Tự chủ đại học - Thực trạng và giải pháp cho đại học Việt Nam*”, Hội thảo cải cách giáo dục đại học VED 2014, https://vedial.files.wordpress.com/2014/06/5_nmthuyet.pdf

Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Báo cáo ba công khai, <https://www.neu.edu.vn/vi/ba-cong-khai>, truy cập ngày 06/01/2018.

Trường Đại học Hà Nội, Mô hình về tự chủ tài chính trong giáo dục, truy cập từ website: “<http://www.hanu.vn/vn/tin-tuc-va-su-kien/950-.html>”; truy cập ngày 30/6/2019.

Tuệ Minh. (2018). Các trường thành viên của ĐHQG TP.HCM sẽ tự chủ đại học, lộ trình thực hiện từ nay đến năm 2020. truy cập từ <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/tuyen-sinh/> ngày 5/1/2018.

4. Tài liệu

ĐHQG-HCM (2014, 2015, 2016, 2017, 2018). “*Báo cáo Hội nghị thường niên*”.

ĐHQG-HCM (2014, 2015, 2016, 2017, 2018). “*Tài liệu Hội nghị thường niên*”.

ĐHQG-HCM (2014, 2015, 2016, 2017, 2018). “*Báo cáo Hội nghị Kế hoạch Tài chính*”.

ĐHQG-HCM.(2016). “*Kế hoạch chiến lược ĐHQG-HCM giai đoạn 2011-2015 và 2015-2020*”.

Giới thiệu về ĐHQG-HCM, truy cập 7.2019, từ: “<https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm/33396864>”.

Nguyễn Quốc Khánh, (2018). “*Bài giảng “Quản lý tài chính công*”.

Văn phòng Chính phủ (2017), *Thông báo số 52/TB-VPCP ngày 21/11/2017: “Kết luận của Thủ tướng chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp thường*

trực chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển đại học quốc gia hà nội, đại học quốc gia thành phố hồ chí minh, ngành học đà nẵng thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu uy tín trong nước và khu vực”.

5. Tạp chí

Nguyễn Trọng Hoài , “*Tự chủ tài chính đại học theo thông lệ quốc tế và những gợi ý chính sách cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam*” Tạp chí Giáo dục, Số 439 (Kì 1 - 10/2018), tr 12-16;

Đinh Thị Thu Hương (2018). “*Tự chủ đại học: Kinh nghiệm và bài học từ Singapore*”, Tạp chí Thương trường số ra ngày 19/6/2018.

Phạm Văn Trường (2013), “*Cơ chế quản lý tài chính giáo dục ĐHCL*”, Tạp chí tài chính T07/2013.

Trần Quang Trung. (2016). “*Đổi mới quản lý tài chính ở các trường ĐHCL trong bối cảnh thực hiện cơ chế TCTC*”, Tạp chí kế toán và kiểm toán, số T6/2016.

Trần Trọng Hưng. (2014). “*Những khó khăn về tài chính ảnh hưởng đến việc phát triển của các trường ĐHCL Việt Nam*”. Tạp chí Tài chính số tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh. (2018). “*Một số vấn đề về quản lý tài chính tại các trường ĐHCL*” - Đại học kinh tế và quản trị Kinh doanh Thái Nguyên, Tạp chí kế toán chuyên mục tài chính số ra ngày 03/01/2018.

6. Văn bản pháp lý

Bộ Tài chính. (2003). “*Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 06 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước*”.

Bộ Tài chính. (2011). “*Đánh giá tình hình thực hiện TCTC và định hướng đổi mới cơ chế tài chính đối với các trường ĐHCL giai đoạn 2012-2020*”.

- Bộ Tài chính, (2013). “*Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT- BTC hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập*”.
- Chính phủ. (2015). “*Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*”.
- Chính phủ. (2015). “*Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021*”.
- Chính phủ. (2015). “*Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2015 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục ĐHCL giai đoạn 2014 - 2017*”.
- Chính phủ (2013), “*Nghị định số 186/2013/NĐ-CP về Đại học Quốc gia*.”
- Chính phủ. (2006). “*Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*”.
- Quốc hội (2002). “*Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH1*”.
- Quốc hội (2015). “*Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13*”
- Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.
- Quy định về cơ chế quản lý tài chính tại Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh ban hành kèm theo QĐ số 170/QĐ/QĐ-ĐHQG ngày 29/3/2017 và Quyết định sửa đổi, bổ sung số 1220/QĐ/QĐ-ĐHQG ngày 01/11/2017.

Tiếng Anh:

1. Sách

- Arthur M. Hauptman. (2006). *Higher Education Finance: Trends and Issues*” International Handbook of Higher, Springer 2006, p.83-106, 2006.
- Arthur M. Hauptman A.M. (2007). *Higher Education Finance: Trends and Issues*. Forest J.J.F., Altbach P.G. (Eds) International Handbook of Higher

Education. Springer International Handbooks of Education, vol 18.; Publisher: Springer, Dordrecht.

Ezra Solomon, “The theory financial management”, New York and London Columbia University Press, 1963.

Sheehan, J. (1997), Social Demand versus Political Economy in Higher. Education at the Turn of the Century, Higher education in Europe, p. 123-136.

2. Tạp chí

Bryan Cheung. (2008). *Higher Education Financing Policy: Mechanisms and Effects*, University of South Australia.

Harvey và Green . (1993). “Quality in Education and Training”.

Mark Bray (2002), “The Costs and Financing of Education: Trends and Policy Implications”.

“Secrets of Success, The Economist, 8th September 2005”, truy cập tại <http://www.economist.com/node/4339944>.

The World University Rankings 2017 reputationranking, truy cập tại https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2017/reputationranking#!/page/0/length/25/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats.

Tony Holloway (2006), *Financial Management and Planning in Higher Education institutions*, Brunel University.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh sách các chuyên gia được phỏng vấn

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Hình thức phỏng vấn
1	Chuyên gia 1	Nguyên trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Viện Môi trường - Tài Nguyên, ĐHQG-HCM	Gửi email
2	Chuyên gia 2	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Khoa Y, ĐHQG-HCM	Gửi email
3	Chuyên gia 3	Kế toán trưởng	Quỹ Phát triển ĐHQG-HCM	Trực tiếp
4	Chuyên gia 4	Kế toán trưởng	Viện Jone Vonne New Man, ĐHQG-HCM	Trực tiếp
5	Chuyên gia 5	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Trung tâm Khảo thí và đánh giá chất lượng, ĐHQG-HCM	Trực tiếp
6	Chuyên gia 6	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Khoa hành chính - chính trị, ĐHQG-HCM	Trực tiếp
7	Chuyên gia 7	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Viện đào tạo Quốc tế, ĐHQG-HCM	Trực tiếp
8	Chuyên gia 8	Phó giám đốc	Ban quản lý dự án xây dựng, ĐHQG-HCM	Gọi điện thoại

Phụ lục 2: Bảng các câu hỏi phỏng vấn chuyên gia

STT	Nội dung câu hỏi phỏng vấn
Câu 1	Những thuận lợi và khó khăn chung đối với tình hình tài chính của nhà trường/ đơn vị Anh/chị đang công tác?
Câu 2	Nguồn thu chính của nhà trường/viện/trung tâm là nguồn nào? NSNN, học phí, nguồn thu từ tài trợ hay hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ? Nguồn thu có đảm bảo cho hoạt động tài chính của nhà trường không?
Câu 3	Tình hình trích quỹ và sử dụng quỹ từ hoạt động thường xuyên của nhà trường có đảm bảo cho chi đầu tư phát triển, chi phúc lợi, chi khen thưởng ... của nhà trường không? Thuận lợi và khó khăn trong công tác trích lập quỹ tại đơn vị như thế nào?
Câu 4	Nhà trường/đơn vị có kế hoạch phát triển nguồn thu ngoài ngân sách như thế nào?
Câu 5	Công tác quản lý và sử dụng tài sản của nhà trường như thế nào? Trường có tận dụng và kết hợp việc sử dụng tài sản trong hoạt động chung không?
Câu 6	Anh/chị gặp những thuận lợi và khó khăn gì sau khi các đoàn thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đưa ra kết luận tại đơn vị?
Câu 7	Thu nhập của CBVC tại đơn vị anh/chị phụ trách được tính như thế nào?
Câu 8	Anh/chị có gặp khó khăn, vướng mắc gì khi triển khai công tác tài chính, kế toán theo Nghị định và Thông tư quy định của Bộ Tài chính hiện hành không?
Câu 9	Định hướng phát triển tài chính của nhà trường trong tương lai như thế nào (loại hình tự chủ tài chính nào cho phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị?).
Câu 10	Anh/chị có mong muốn hay đề xuất/kiến nghị gì với ĐHQG -HCM hay với Nhà nước về các cơ chế quản lý tài chính đối với các đại học công lập hiện nay không?

Phụ lục 3: Đội ngũ cán bộ viên chức ĐHQG-HCM theo chức danh nghề nghiệp giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT: người)

Phân loại viên chức	Năm				
	2014	2015	2016	2017	2018
Viên chức giảng dạy	2.717	2.668	2.531	2.445	2.417
Viên chức hành chính, phục vụ	2.249	2.023	2.072	2.123	2.097
Viên chức khoa học và công nghệ	696	946	810	757	727
Tổng cộng	5.662	5.637	5.413	5.325	5.241

(Nguồn: Trích từ Báo cáo thường niên của ĐHQG-HCM năm 2018)

Phụ lục 4: Đội ngũ cán bộ viên chức ĐHQG-HCM theo trình độ chuyên môn giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT: người)

STT	Cán bộ, viên chức	2014	2015	2016	2017	2018
1	Đại học và khác	2.319	2.007	1.829	1.755	1.642
1	Thạc sĩ	2.023	2.141	2.099	2.075	2.043
2	Tiến sĩ	1.076	1.192	1.170	1.190	1.212
3	Giáo sư, Phó Giáo sư	244	297	315	305	344
Tổng số cán bộ, viên chức		5.662	5.637	5.413	5.325	5.241

(Nguồn: https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm_33396864/so-lieu-doi-ngu-can-bo-dhqg-hcm/323030396864.html)

Phụ lục 5: Quy mô đào tạo của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT: Người)

STT	Năm	Hệ đào tạo			Cộng (sinh viên)
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	
1	Năm 2014	917	8.159	55.791	64.867
2	Năm 2015	1.032	9.619	55.538	66.189
3	Năm 2016	1.304	11.464	59.021	71.789
4	Năm 2017	1.586	13.368	63.919	78.873
5	Năm 2018	1.598	13.571	64.186	79.355

(Nguồn: Tổng hợp từ Tài liệu Hội nghị thường niên năm 2017 và năm 2018 của ĐHQG-HCM)

Phụ lục 6: Quy mô tuyển sinh của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018*(ĐVT: Người)*

TT	Năm	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	Cộng
1	Năm 2014	270	3.051	12.650	15.971
2	Năm 2015	300	3.388	12.850	16.538
3	Năm 2016	338	3.262	13.155	16.755
4	Năm 2017	363	3.320	14.195	17.878
5	Năm 2018	384	3.345	16.495	20.224

*(Nguồn: Tổng hợp từ Tài liệu HNTN năm 2017 và năm 2018 của ĐHQG-HCM)***Phụ lục 7: Quy mô tốt nghiệp các hệ đào tạo giai đoạn 2014 - 2018***(ĐVT: Người)*

STT	Bậc học	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tốt nghiệp hệ đại học chính quy	10.659	10.405	9.672	10.967	9.897
2	Tốt nghiệp hệ đại học không chính quy	2.647	2.280	3.352	2.469	959
3	Tốt nghiệp trình độ thạc sĩ	2.422	1.996	1.417	1.465	1.252
4	Tốt nghiệp trình độ tiến sĩ	59	63	66	81	91
	Tổng	15.787	14.744	14.507	14.982	12.199

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tài liệu Hội nghị thường niên năm 2017 và năm 2018 của ĐHQG-HCM)

Phụ lục 8: Các công bố Khoa học của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

(DVT: Bài)

Năm	2014	2015	2016	2017	T9/2018
1. Tạp chí quốc tế	566	619	742	770	455
1.1 Thuộc danh sách SCI, SCIE	341	372	392	439	298
Tỷ lệ (%) số bài SCI, SCIE/ Tổng số tạp chí quốc tế	60	60	53	57	-
1.2 Thuộc danh sách ESCI, Scopus, khác (có ISSN)	225	247	350	331	157
Số bài báo QT/tiến sỹ	0.53	0.52	0.63	0.63	-
2. Tạp chí trong nước	579	722	797	821	210
3. Kỹ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	965	1.287	1.396	1.775	664
4. Kỹ yếu hội nghị trong nước	928	1.325	1.284	1.026	421
5. Điểm IF trung bình/năm	2.21	2.28	2.05	2.3	-
Tổng cộng	3.038	3.953	4.219	4.392	1.750

(Nguồn: Tài liệu hội nghị thường niên năm 2018 của ĐHQG-HCM)

Phụ lục 9: Số lượng đề tài NCKH và kinh phí giai đoạn 2014 - 2018

	Phân loại số lượng đề tài được duyệt kinh phí (triệu đồng)									
	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Số đề tài	Tổng kinh phí	Số đề tài	Tổng kinh phí	Số đề tài	Tổng kinh phí	Số đề tài	Tổng kinh phí	Số đề tài	Tổng kinh phí
Cấp NN	30	55.634	14	10.733	23	28.517	47	133.002	29	26.633
Cấp ĐHQG	126	21.848	138	29.796	122	27.562	148	39.077	148	45.880
Cấp cơ sở	170	4.565	157	6.815	141	4.881	255	9.069	240	8.473
Cấp Tỉnh, thành phố	16	25.988	15	11.844	11	7.202	42	34.083	7	18.980
Tổng	342	108.045	324	59.188	297	68.162	492	215.231	424	99.956
KPTB/ĐT	315.9		182.7		299.5		437.5		235.8	

(Nguồn: Tài liệu hội nghị thường niên năm 2018 của ĐHQG-HCM)

Phụ lục 10: Doanh thu chuyển giao công nghệ của ĐHQG-HCM giai đoạn 2014 - 2018

(ĐVT: Triệu đồng)

Năm	Doanh thu
2014	154.100
2015	165.400
2016	257.100
2017	249.600
2018	155.500

(Nguồn: Tài liệu hội nghị thường niên năm 2018 của ĐHQG-HCM)

Phụ lục 11: Danh mục các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM

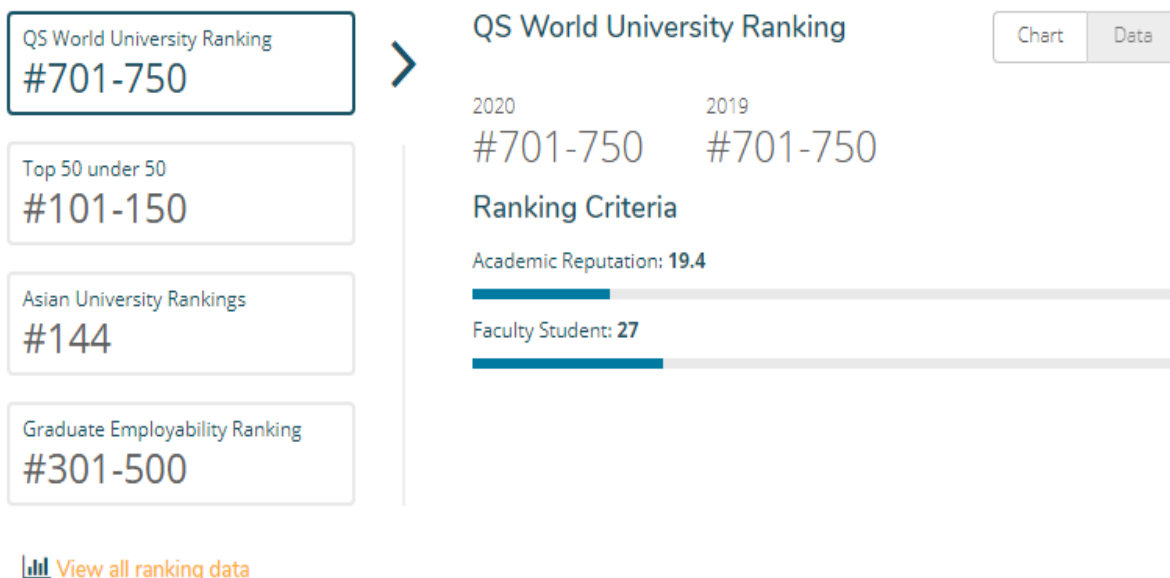
STT	Các trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM	
1	Trường Đại học Bách Khoa	
2	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
3	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	
4	Trường Đại học Quốc tế	
5	Trường Đại học Công nghệ Thông tin	
6	Trường Đại học Kinh tế - Luật.	
7	Viện Môi trường - Tài nguyên	
8	Trường Đại học An Giang	
		Các Viện, Khoa và Trung tâm trực thuộc ĐHQG-HCM
1		Khoa Y
2		Khoa Chính trị - Hành chính
3		Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh

	Bến Tre
4	Viện Đào tạo Quốc tế (IEI)
5	Viện John Von Neumann (JVN)
6	Viện Quản trị Đại học
7	Viện Công nghệ Nano
8	Trường Phổ thông Năng khiếu
9	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Thiết kế vi mạch (ICDREC)
10	Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu cấu trúc Nano và Phân tử (INOMAR)
11	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
12	Trung tâm Đào tạo Tiên tiến sĩ
13	Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo
14	Trung tâm Quản lý Nước và Biến đổi Khí hậu (WACC)
15	Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ
16	Trung tâm Quản lý Ký túc xá
17	Trung tâm Dịch vụ và Xúc tiến đầu tư
18	Trung tâm Quản lý và Phát triển khu đô thị
19	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục
20	Thư viện Trung tâm
21	Nhà Xuất bản

22		Khu Công nghệ Phần mềm
23		Quỹ KH&CN
24		Quỹ Phát triển
25		Văn phòng chương trình Tây Nam Bộ
26		Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ

(Nguồn: website ĐHQG-HCM)

Phục lục 12: Xếp hạng của ĐHQG-HCM trong các đại học đạt tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm tốt nhất thế giới năm 2019-2020.



Nguồn: https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm_33396864/dhqg-hcm-thuoc-top-301-500-dai-hoc-dat-ty-le-sinh-vien-co-viec-lam-tot-nhat-the-gioi/323238366864.html

Phụ lục 13: Xếp hạng chi tiết các tiêu chí của ĐHQG-HCM trong QS World.

Academic Reputation	497
Employer Reputation	501+
Citations per Faculty	601+
Faculty Student	375
International Faculty	601+
International Students	601+

Nguồn: https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm_33396864/dhqg-hcm-dung-top-701-750-trong-bang-xep-hang-qs-world/3438386864.html

Phụ lục 14: Toà nhà Điều hành ĐHQG-HCM



(Nguồn: website ĐHQG-HCM)

Phụ lục 15: Khu đô thị ĐHQG-HCM



(Nguồn: website ĐHQG-HCM)

